**BÀI 6 – TRONG THẾ GIỚI CỦA GIẤC MƠ**

**(THƠ)**

**TIẾT 1. TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  đọc tri thức Ngữ văn và ghi lại hoặc chia sẻ về cách hiểu của các khái niệm (Nêu ví dụ chứng minh)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩa và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **1. Yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình**  **-** Siêu thực thường được hiểu là sự kì lạ, khác thường, phá vỡ những quy luật thông thường của thế giới thực tại, gọi nhắc đến sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ và của những ám ảnh vô thức.  **- Yếu tố siêu thực:** Ngoài việc tái hiện thế giới tình cảm, cảm xúc, tâm trạng của chủ thể trữ tình, một số tác phẩm thơ trữ tình có thể xây dựng một thế giới khác lạ bằng việc sử dụng các kết hợp từ ngữ, những hình ảnh rất xa nhau, thông thường khó liên kết với nhau. Việc kết hợp này nhằm phá vỡ trật tự thông thường của tư duy lí tính, gọi nhắc sự bí ẩn, phi logic của những giấc mơ, ẩn ức sâu trong vô thức.  **2. Hình tượng và biểu tượng**  - **Hình tượng là những hình ảnh, nhân vật được xây dựng một cách sống động, sáng tạo trong tác phẩm, vừa phản ánh đời sống vừa thể hiện quan niệm, tư tưởng và ý đồ, tài năng nghệ thuật của người nghệ sĩ**. Chẳng hạn như hình tượng Mô-na Li-sa (Mona Lisa) trong bức tranh cùng tên của Lê-ô-na-đô đờ Vanh-xi (Leonardo da Vinci), hình tượng nàng Kiều trong Truyện Kiều (Nguyễn Du), hình tượng người mẹ anh hùng trong thơ Tố Hữu,...  - **Biểu tượng là một loại hình ảnh đặc biệt, thông qua hình thức cụ thể, trực quan để gọi lên những tư tưởng, triết lí có ý nghĩa sâu xa.** Chẳng hạn, hình ảnh cây tre trong đời sống và nhiều tác phẩm nghệ thuật đã trở thành biểu tượng cho những đức tính, phẩm chất cao đẹp, cho vẻ đẹp tâm hồn của con người, dân tộc Việt Nam. |

**TIẾT 2. VĂN BẢN ĐỌC**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

**(Hàn Mặc Tử)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Đọc và tìm hiểu văn bản** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  **- Quê quán**: Làng Lệ Mĩ, tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc, tỉnh Đồng Hới (Nay thuộc Quảng Bình).  - **Phong cách sáng tác:** Cái thực và cái chiêm bao. Điên trở thành trạng thái sáng tạo thường trực.  **2. Tác phẩm**  - 1938  - Tập Thơ điên  - Hàn Mặc Tử nhận được tấm bưu thiếp phong cảnh của Hoàng Cúc gửi từ Huế ra.  - Tên bài thơ ban đầu “*Ở đây thôn Vĩ*” |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố siêu thực.**  **a. Khổ 1**  - Khổ thơ này có thể hiểu là toàn bộ lời của cô gái nói với chàng trai, nhưng cũng có thể hiểu là chàng trai tự nói với mình (dòng thơ thứ nhất nhắc lại lời cô gái mời về thôn Vĩ; dòng thơ thứ hai, thứ ba, thứ tư tự tưởng tượng chuyến đi thăm thôn Vĩ của mình).  - Cảnh vật thôn Vĩ tươi mới, trong trẻo, sáng ngời, thể hiện qua hình ảnh nắng mới lên, mướt, xanh như ngọc, đặc biệt là cách dùng phép so sánh rất mới mẻ: xanh như ngọc, cho thấy sắc xanh như phát sáng. Con người thôn Vĩ phúc hậu, dịu dàng, kín đáo, thể hiện qua hình ảnh “mặt chữ điền” khuất sau “lá trúc”.  **b. Khổ 2**  - Gió và mây luôn đi cùng một hướng, và khi có gió thì nước cũng gợn lăn tăn. *Gió theo lối gió, mây đường mây*: Thể hiện sự kết hợp giữa những hình ảnh vốn dĩ rất khác biệt, ít khi đi liền nhau, tạo nên một không gian phi hiện thực.  - Tuy nhiên, trong khổ thơ này, gió và mây chia lìa hai ngả, dòng nước cũng lặng im, buồn thiu, không gợn sóng.  - Từ “kịp” thể hiện lo âu, sợ hãi trước bước đi thời gian của chủ thể trữ tình. Vạn vật như đang chia lìa, người rời xa nhau, mà thời gian của chủ thể có lẽ không còn nhiều để kịp đón chiếc thuyền chở trăng về.  **c. Khổ 3**  - “Khách đường xa” ở khổ thơ cuối có thể là người con gái mà chủ thể trữ tình thương nhớ, người mà anh luôn “mơ” đến. Từ không gian “ở đây” mịt mù sương khói, chủ thể trữ tình dõi nhìn ra không gian “đường xa”. Những hình ảnh trong khổ thơ này tràn ngập những đường nét cụ thể bị xoá mờ (đường xa), sự cách trở đến gần như xa lạ, mất mát (nhìn không ra), sự mịt mờ khiến con người không còn nhận ra nhau (sương khói mờ nhân ảnh), cặp đại từ “anh – em” thân thương đã trở thành “khách đường xa” và đại từ “ai – ai” đầy xa cách. Từ đó, có thể thấy, dường như sự tin tưởng, nhớ thương giữa chủ thể trữ tình và “em” đã dần phai nhạt và trở thành nỗi lo âu về sự chia li, mất mát không thể tránh khỏi.  **d. Sự kết nối yếu tố tượng trưng giữa 3 khổ**  - **Màu trắng** (trong áo em trắng quá) là biểu tượng của sự trinh bạch, ngây thơ mà tác giả đặc biệt tôn sùng ngưỡng vọng (chẳng hạn, Cô gái đồng trinh). Hiểu như thế thì áo em trắng quá không chỉ là khoảng cách địa lí mà còn là khoảng cách giữa thế giới thực và thế giới lí tưởng.  - **Sông trăng** (biểu tượng về một thế giới siêu thoát – Hàn Mặc Tử có bài thơ văn xuôi rất nổi tiếng Chơi giữa mùa trăng)  - **Màu “xanh như ngọc”** của thôn Vĩ (khổ 1) mang vẻ đẹp của thượng giới, vẻ đẹp của vườn địa đàng.  Các biểu tượng nổi trên thống nhất với nhau ở nét nghĩa. sự giãn cách / sự chia cắt với không gian mà Hàn Mặc Tử đang phải lưu đày trong bệnh tật. Nó tạo ra sự khắc khoải đặc biệt của bài thơ vừa hướng tới chiêm ngưỡng vừa cách xa, tiếc nuối. Đây là chủ âm chi phối toàn bộ VB. Việc hiểu đúng về hệ thống biểu tượng trong Đây thôn Vĩ Dạ đóng vai trò quan trọng trong việc cắt nghĩa tác phẩm này. |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **2. Tìm hiểu chủ đề và mối quan hệ giữa chủ để với hình thức nghệ thuật của tác phẩm**  **- Câu hỏi thứ nhất:** Câu hỏi và cũng là lời mời mọc, pha chút trách móc nhẹ nhàng của người con gái thôn Vĩ; thể hiện tình cảm thân mật, trân trọng, quý mến.  - **Câu hỏi thứ hai:** Câu hỏi mang cảm xúc lo âu, xót xa của chủ thể trữ tình trước sự chia lìa, tan vỡ của vạn vật.  - **Câu hỏi thứ ba:** Câu hỏi mang cảm xúc hoang mang, cô đơn, đầy tổn thương và mất mát của chủ thể trữ tình trước sự xa cách của những người mình yêu thương, nhớ nhung.  - Về ngoại cảnh, sự biến đổi đột ngột từ cảnh vườn tược buổi sáng sớm, tươi xanh, tràn đầy sức sống, đến cảnh sông nước đêm khuya lặng lẽ, hiu hắt và cuối cùng là một không gian “ở đây” mịt mờ sương khói, không rõ ở thời điểm nào trong ngày.  - Về cảm xúc của chủ thể trữ tình, sự biến đổi đột ngột từ hạnh phúc, tươi vui đến lo lắng, bất an và cuối cùng là đau buồn, thất vọng, cô độc. |
| Hình ảnh con người ở bên lề của cuộc sống trong Đây thôn Vĩ Dạ đem lại cho em cảm xúc gì? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) trình bày cảm xúc đó của em. | |

**TIẾT 3. VĂN BẢN ĐỌC**

**ĐÀN GHI TA CỦA LORCA**

**(Thanh Thảo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Đọc văn bản và tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Thanh Thảo**  **-** Thanh Thảo tên là Hồ Thành Công (Sinh 1964)  - Tác giả tiêu biểu cho thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Đặc điểm sáng tác:  + Ngòi bút hướng nội, giàu suy tư, trăn trở  + Hướng tới những vẻ đẹp nhân cách cao đẹp  + Quan tâm đặc biệt cho những người có nghĩa khí: Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Lorca,…  + Luôn tìm tòi, khám phá, sáng tạo trong sáng tác  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:**  - Năm 1979 tại trại sáng tác quân khu 5 – Đà Nẵng  - Rút trong tập “Khối vuông Ru-bic” (1985).  - Tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, mãnh liệt và phóng túng, nhuốm màu sắc tượng trưng và siêu thực.  **b. Về hình tượng nghệ sĩ Lorca**  - Nhà thơ thiên tài của Tây Ban Nha  - Người có khát vọng tự do và khát vọng cách tân nghệ thuật mãnh liệt  - Bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.  **c. Lời đề từ**  “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”  - Câu thơ của ông trong bài “Ghi nhớ” được coi như một lời di chúc.  - Câu thơ thể hiện tình yêu say đắm của Lorca với đất nước, xứ sở Tây Ban Nha.  - Câu thơ thể hiện tình yêu và sự gắn bó máu thịt của Lorca với nghệ thuật.  - Lời thơ của Lorca đã khơi nguồn cho nghệ sĩ Thanh Thảo. Ông muốn phục sinh thời khắc bi tráng của cuộc đời người nghệ sĩ Tây Ban Nha, thể hiện suy ngẫm về cuộc đời và cái chết của Lorca. |
|  | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Bố cục và mạch cảm xúc**  **- Dòng 1 – 6:** Hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc.  **- Dòng 7 – 18:** Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.  **- Dòng 19 – 22:** Niềm xót thương Lor-ca qua hình ảnh tiếng đàn.  **- Dòng 23 – 31:** Hình ảnh Lor-ca, cái chết và sự bất tử. |
|  | **II. Đọc hiểu văn bản**  **2. Hình tượng nhân vật Lorca**  **a. Lorca người nghệ sĩ tự do, đơn độc**  **-** Không khí Tây Ban Nha, Thanh Thảo khéo léo đưa ra những cảm nhận ban đầu về thơ và về cuộc đời Lorca đầy ấn tượng  *“những tiếng đàn bọt nước*  *Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*  *li-la li-la li-la*  *đi lang thang về miền đơn độc*  *với vầng trăng chếnh choáng*  *trên yên ngựa mỏi mòn”*  - Mở đầu là âm thanh của tiếng đàn như khúc dạo đầu đưa người đọc đến với những tiết tấu, đến giai điệu đầu tiên của bản đàn ghi-ta. Lần lượt hiển hiện sau đó là hình ảnh áo choàng đỏ gợi nhớ không khí cuồng nhiệt, nóng bỏng của những đấu trường bò tót đặc trưng của xứ sở Tây Ban Nha. Hình ảnh “vầng trăng, yên ngựa” phảng phất đâu đây nét đẹp của người dân du mục trên thảo nguyên mênh mông. Đây là đoạn thơ chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa tượng trưng. Thanh Thảo đã tái hiện lại những hình ảnh lặn sâu trong kí ức về Tây Ban Nha khi ông đọc những sáng tác của Lorca. Những hình ảnh thơ lãng đãng, mơ hồ, kì diệu ấy đã gắn kết một cách vô thức, tình cờ, tạo nên cả một không khí văn hóa đậm chất Tây Ban Nha để rồi trên nền văn hóa ấy, xuất hiện những cảm nhận của Thanh Thảo về thời đại và chân dung người nghệ sĩ Lorca  - Đến với bài thơ, người đọc còn bị ám ảnh bởi sắc áo choàng đỏ gắt:  + Hình ảnh thơ không chỉ gợi tả không khí sôi động của những đấu trường bò tót mà còn gợi không khí sục sôi của cuộc đấu tranh chính trị Tây Ban Nha.  + Sắc màu đỏ gắt ấy đối nghịch với khát vọng dân chủ của mỗi côngdân Tây Ban Nha vào những năm 30 của thế kỉ XX với nền chính trị phát xít, độc tài. Trong những con người mang trong mình khát vọng tự do đó có Lorca.  + Sắc màu đỏ gắt của tấm áo choàng đấu sĩ còn tượng trưng cho sự đấu tranh gay gắt trên đấu trường nghệ thuật, giữa nghệ thuật già cỗi với sự cách tân nghệ thuật của Lorca.  => Vì vậy, trong những nét phác thảo chân dung đầu tiên, Lorca hiện lên trong bóng dáng ngạo nghễ của một người đấu sĩ vĩ đại chính trị và nghệ thuật  **-** Những hình ảnh mang ý tương phản  *“những tiếng đàn bọt nước*  *Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt”*  Hai dòng thơ gợi sự tương phản, quyết liệt. Âm thanh nhỏ bé – sắc màu quyết liệt, tiếng đàn thảo dân – áo choàng đấu sĩ, nghệ thuật – bạo lực, số phận con người – hiện thực dữ dội. Tất cả tạo nên một bầu không khí căng thẳng, quay cuồng của thời đại Lorca.  - Trên nền không khí căng thẳng, ảm đạm của chính trị và nghệ thuật Tây Ban Nha, Lorca được xây dựng trong bóng dáng của người nghệ sĩ lãng du  *“đi lang thang về miền đơn độc*  *với vầng trăng chếnh choáng*  *trên yên ngựa mỏi mòn”*  **-** Những nét phác họa đầu tiên đã cho ta mường tượng chân dung của người nghệ sĩ “lang thang về miền đơn độc” , “chếnh choáng”, “yên ngựa mỏi mòn”. Trong nghệ thuật, hình ảnh vầng trăng luôn là hình ảnh đẹp gợi thi tứ cho người nghệ sĩ. Tiếng đàn – biểu tượng cho nghệ thuật của Lorca, nó được liên tưởng như bọtnước – hợp,tan, tan, hợp, thật mong manh! Hai tiếng chếnh choáng phản phất men say của sự sáng tạo và hình ảnh yên ngựa mỏi mòn gợi độc giả liên tưởng đến cuộc hành trình đầy gian nan của những người thảo dân trên đất nước Tây Ban Nha. Và phải chăng đấy cũng là bóng dáng của Lorca.  **-** Như vậy, xâu chuỗi những từ ngữ và hình ảnh trên, Thanh Thảo đã đưa ra những cảm nhận của mình về người nghệ sĩ Lorca: đơn độc, mỏng manh, mòn mỏi trên chặng đường gian nan đến với cách tân nghệ thuật, đến với cái đẹp, đến với dân chủ, tự do. Một Lorca đơn độc nhưng đầy kiêu hãnh. Sự cô đơn ấy phải chăng là bi kịch của những người nghệ sĩ, người chiến sĩ tiên phong trong cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ, trong nghệ thuật cũng như ngoài xã hội. Giữa hoàn cảnh ấy, bi kịch dội xuống cuộc đời Lorca là điều khó tránh khỏi  **b. Lorca người nghệ sí có cuộc đời bi tráng**  ***\* Thời khắc bi tráng của cuộc đời Lorca***  - Khi viết bài thơ này, chưa một lần Thanh Thảo đến với xứ sở Tây Ban Nha, chưa một lần được cúi đầu tưởng niệm trước tượng đài người nghệ sĩ Lorca. Vậy mà trong giờ phút thăng hoa của cảm xúc, bằng sự ngưỡng mộ và nỗi xúc động trào dâng, người thi sĩ Việt Nam đã tái hiện cuộc đời đầy bi tráng của người nghệ sĩ Tây Ban Nha qua cái chết của ông  *“Tây Ban Nha*  *hát nghêu ngao*  *bỗng kinh hoàng*  *áo choàng bê bết đỏ*  *Lorca bị điệu về bãi bắn*  *chàng đi như người mộng du”*  - Nếu như cả bài thơ là những khúc nhạc mơ hồ, những thi ảnh lãng đãng về thơ Lorca được viết theo bút pháp tượng trưng thì đến sáu dòng thơ này, Thanh Thảo lại chen vào  đây mấy dòng tự sự làm cho hình ảnh cái chết của Lorca hiển hiện thật rõ nét  *“Tây Ban Nha*  *hát nghêu ngao*  *bỗng kinh hoàng”*  Một sự đối lập được khắc họa trong câu thơ: đối lập giữa một không khí rực lửa của đất nước Tây Ban Nha yêu nghệ thuật “hát nghêu ngao” với thái độ kinh hoàng, sững sờ, sửng sốt của nhân dân Tây Ban Nha trước cái chết thảm khốc, bất ngờ của người nghệ sĩ. Câu thơ còn được hiểu theo nghĩa đó là sự đối lập một tâm hồn đang say sưa trong cảm hứng sáng tạo nghệ thuật với cái chết kinh hoàng bất ngờ ập xuống cuộc đời Lorca. Một lần nữa hình ảnh tượng trưng lại được Thanh Thảo sử dụng  “áo choàng bê bết đỏ”  - Nếu sắc áo choàng đỏ gắt gợi bầu không khí đấu tranh quyết liệt thì giờ đây hình ảnh áo choàng bê bết đỏ - tấm áo thẫm máu gợi cái chết tang thương của người đấu sĩ. Trong thơ mình, có lần Lorca đã viết “tôi không muốn nhìn thấy máu”. Người nghệ sĩ luôn luôn dự cảm về cái chết và thực sự nó đã xảy ra. Máu đã đổ, Lorca bị phe phát xít giết hại.  - Thanh Thảo hình dung thái độ của Lorca khi đối diện với cái chết với hiện thực phũ phàng ấy  *“Lorca bị điệu về bãi bắn*  *chàng đi như người mộng du”*  Một lần nữa, hình ảnh thơ được sắp xếp với sự tương phản sâu sắc: tương phản giữa thái độ của phe phát xít với thái độ của người nghệ sĩ và tương phản giữa sự kinh hoàng của người dân Tây Ban Nha với thái độ bình thản của Lorca. Lorca đối diện với cái chết trong trạng thái mộng du. Tâm hồn người nghệ sĩ chếnh choáng men say sáng tạo, dòng cảm xúc vẫn ào ạt trào dâng như chưa hề có sự tồn tại của trường bắn, súng đạn và cái chết. Tư thế ngạo nghễ của Lorca đối lập với hành động ám sát đê hèn của chủ nghĩa phát xít. Thái độ đầy kiêu hãnh của người nghệ sĩ khi đối mặt với cái chết càng làm tăng thêm nỗi thương cảm, tiếc nuối, phẫn nộ trong lòng người đọc  **\* Số phận bi tráng của nghệ thuật Lorca**  - Bằng những xúc cảm đồng điệu, Thanh Thảo đã dựng lên chân dung của người nghệ sĩ ở xứ sở xa xôi và cũng chính với những rung động chân thành ấy, ông không chỉ tái hiện hình tượng bi tráng của Lorca qua cái chết của người nghệ sĩ mà còn tái hiện cả một hồn thơ yêu đời, yêu tự do nhưng bị vùi dập không thương tiếc  - Sáu dòng thơ với điệp khúc “tiếng ghi-ta” được lặp đi lặp lại. Nó khẳng định cảm xúc chủ đạo của Thanh Thảo về “đàn ghi-ta của Lorca”, về nghệ thuật của Lorca, vừa thể hiện cảm xúc mãnh liệt và đa chiều của Thanh Thảo về hồn thơ của người nghệ sĩ Tây Ban Nha. Trong thơ Lorca, âm thanh tiếng đàn đã được người nghệ sĩ thể hiện rất thành công với những cung bậc đa dạng: tiếng ghi-ta thở than, thổn thức, van vỉ, ai oán hay kêu đòi nức nở dưới bàn tay của người nghệ sĩ tài ba  *“Ơi ghi-ta*  *trái tim người tử thương*  *dưới trăm đầu kiếm sắc”*  - Đến Thanh Thảo, ông đã diễn tả thành công những cung bậc sinh động của tiếng đàn nghệ thuật Lorca. Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được vận dụng khiến âm thanh tiếng đàn hiện lên với những hình khối, màu sắc đa dạng giống như cảm xúc phong phú trong thơ Lorca.  + “Tiếng ghi ta nâu”: gắn với sắc màu của đất, mang hơi thở của thảo nguyên mênh mông, mang màu da rám nắng của những cô gái Di-gan, gợi sự trầm tĩnh, suy tư. Tiếng ghi ta ấy gắn với “bầu trời” quê hương lồng lộng như cất lên khát vọng tự do trong lòng con người. Tiếng ghi ta ấy hướng về “cô gái ấy” , có thể là người yêu của Lorca nhưng cũng có thể là hướng về những con người Tây Ban Nha chan chứa tình yêu thương  + “Tiếng ghi ta lá xanh biết mấy”: chan chứa sức sống và niềm hi vọng, gắn với tình yêu cái đẹp, với cuộc đời. Tiếng ghi ta gắn với đất, với trời, với cỏ cây hoa lá, với con người , với quê hương. Tất cả là tiếng nói của niềm yêu đời, yêu người, mang khát vọng tự do và hi vọng xanh tươi đầy sức sống trong thơ người nghệ sĩ Tây Ban Nha  + “Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan”: lời thơ vỡ òa như một tiếng than. Âm thanh được hiển hiện bằng hình khối “tròn”, gợi sự liên tưởng đến “bọt nước” để rồi “vỡ tan”. Bọt nước tan rồi lại hiện, hiện rồi lại tan giống như những dự cảm về sự mong manh trong cuộc hành trình đổi mới của nghệ thuật của Lorca  + “Tiếng ghi ta ròng ròng  máu cháy”: hình ảnh biểu tượng gợi người đọc liên tưởng đến số phận nghệ thuật Lorca bị phe phát xít vùi dập. Hai dòng thơ hoàn toàn có thể viết liền nhưng thi nhân lại tách ra, hai từ “máu chảy” đứng độc lập. Dường như trong cách vắt dòng này, nhà thơ cho thấy sự đoản mệnh của thi hào. Ta còn cảm nhận trong lời thơ nỗi đau đớn, giằng xé, nỗi bi thương nỗi đau tột cùng.  **c. Lorca – một tâm hồn nghệ sĩ bất tử**  **\* Sức sống bất tử trong tiếng đàn Lorca**  - Qua tiếng nói tri ân của người nghệ sĩ Việt Nam, hình tượng người nghệ sĩ Tây Ban Nha hiển hiện trong một sức sống mãnh liệt . Những lời thơ tiếp theo khẳng định sức sống bất diệt của hồn thơ – tiếng đàn Lorca  “không ai chôn cất tiếng đàn  tiếng đàn như cỏ mọc hoang”  - Trước khi qua đời, Lorca từng nhắn gửi với thế hệ sau: “khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”  - Nhưng Thanh Thảo đã nhân danh thế hệ sau, khẳng định sức sống bất diệt của tiếng đàn Lorca  “Không ai chôn cất tiếng đàn”  Nghệ thuật sử dụng kiểu câu phủ định nhằm để khẳng định: Không ai có thể chôn được tiếng đàn Lorca, không ai có thể quên được nghệ thuật của Lorca. Nghệ thuật của ông không thể nào lãng quên bởi  “tiếng đàn như cỏ mọc hoang”  Hình ảnh so sánh: tiếng đàn – nghệ thuật của Lorca như cỏ mọc hoang khiến cho ta nhớ tới một hình ảnh xuất hiện nhiều trong thơ Thanh Thảo: cỏ. Đã có ý kiến hiểu rằng, hình ảnh thơ này bộc lộ sự nuối tiếc của Thanh Thảo trước cái chết của người nghệ sĩ Lorca. Người nghệ sĩ bị giết hại, nghệ thuật Tây Ban Nha thiếu vắng người dẫn đường, vắng bóng người định hướng nên như “cỏ mọc hoang”. Lời thơ giống như tiếng thở dài nuối tiếc trước cái chết của một nhà cách tân thế nhưng ta cũng phải hiểu hình ảnh “cỏ mọc hoang” gợi một sự sống bất diệt, không gì có thể cản nổi. Nó lan rộng ở mọi nơi, mọi lúc, mặc cho nắng gắt, bão tố hay mưa sa  - Cảm xúc ngợi ca của Thanh Thảo hội tụ cao nhất qua hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng  *“Giọt nước mắt vầng trăng*  *long lanh trong đáy giếng”*  Một lần nữa, vầng trăng – hình ảnh quen thuộc trong thơ Lorca lại xuất hiện. Nhưng lần này, hình ảnh vầng trăng xuất hiện sóng đôi với giọt nước mắt, giữa hai hình ảnh lược bỏ những từ chỉ quan hệ. Vậy nên, xâu chuỗi hai hình ảnh với nhau, bạn đọc có thể thỏa sức liên tưởng, sáng tạo những ý tứ bất ngờ, thú vị. Theo Chu Sơn, trong cặp thơ này, bạn đọc có thể liên tưởng theo nhiều mối quan hệ khác nhau: quan hệ đằng lập (giọt nước mắt và vầng trăng), quan hệ so sánh (giọt nước mắt như vầng trăng), quan hệ sở hữu (giọt nước mắt của vầng trăng), quan hề đồng nhất (giọt nước mắt là vầng trăng). Thế nên, hai hình ảnh này có thể được hiểu theo tất cả sự liên tưởng phong phú đó.  - Đã có rất nhiều cách lí giải khác nhau về hình ảnh nước mắt, vầng trăng, theo những quan hệ trên nhưng ta có thể tạm cắt nghĩa: nước mắt – hình ảnh biểu tượng cho tình thương; vầng trăng – biểu tượng cho nghệ thuật, cho cái đẹp, tất cả long lánh lấp lánh tỏa sáng dù có bị vùi chôn dưới đáy giếng sâu. Như vậy, hai câu thơ một lần nữa là lời khẳng định: dù quân thù có giết hại Lorca, có vùi chôn Lorca nhưng tình yêu, cái đẹp trong tư tưởng và trong thơ ông vẫn là ánh sáng kì ảo, vĩnh hằng trong tâm hồn các thế hệ sau. Thơ Lorca bất tử và Lorc cũng trường tồn cùng thơ  **\* Thái độ giã từ cuộc sống của Lorca**  - Từ cảm nhận về sức sống của thơ Lorca, giọng thơ Thanh Thảo trầm lắng trong những suy ngẫm về sức sống mãnh liệt, sự bất tử của Lorca với cuộc đời  *“đường chỉ tay đã đứt*  *dòng sông rộng vô cùng*  *Lor-ca bơi sang ngang*  *trên chiếc ghita màu bạc”*  - Một loạt hình ảnh biểu tượng cho cái chết của Lorca được thi nhân vận dụng: đường chỉ tay – biểu tượng cho định mệnh, cho số phận. Đường chỉ tay đã đứt là sự dở dang, là sự chấp nhận định mệnh như quy luật phũ phàng. Dòng sông – ranh giới giữa sự sống và cái chết. Dòng sông vô hạn của thực tại và hư vô. Lorca vượt qua dòng sông, bơi sang ngang, giã từ bờ cõi của sự sống để đến với thế giới vĩnh hằng. Bởi sang ngang cũng là cưỡng lại dòng chảy của cuộc đời, là không bị dòng đời cuốn trôi. Lorca đã vượt qua những nghiệt ngã trong sự vô cùng của dòng sông, hành trình cùng người nghệ sĩ là “chiếc ghita màu bạc”  - Cây đàn nghệ thuật, lí tưởng trong cuộc đời Lorca khi còn sống giờ đây lại hiện hình trong cái chết của ông. Nghệ thuật trở thành con thuyền đưa Lorca đi vào cõi siêu sinh bất tử. Nghệ thuật không bao giờ tách rời nghệ sĩ. Chiếc đàn ghita của Lorca giờ đây đã trở thành “ghita màu bạc” – sắc màu của giá trị vĩnh cửu, sắc màu gợi sự tôn kính trong tâm hồn con người. Thanh Thảo tôn trọng vịnh thơ Lorca bất tử nên người sáng tạo ra thơ cũng bất tử cùng thơ”  *“chàng ném lá bùa cô gái Di-gan*  *vào xoáy nước*  *chàng ném trái tim mình*  *vào lặng yên bất chợt”*  - Là bùa biểu tượng cho cái đẹp huyền bí, cho sự trấn an định mệnh, Lorca ném lá bùa hộ mệnh của mình vào dòng xoáy cuộc đời, ném trái tim sự sống vào lặng yên bất chợt. Những từ “chàng ném” gợi thái độ thản nhiên, chủ động, bình thản trước số phận, trước sự đoản mệnh của cuộc đời mình. Lorca giã từ tất cả để làm nên sự sống. Người nghệ sĩ ấy âm thầm gửi lại tình yêu, âm thầm ươm hạt giống thơ của mình vào, cố để có thể nở hoa |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản**  **3. Ngôn ngữ và nhạc tính** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **3. Ngôn ngữ và nhạc tính**  - Bài thơ có cấu trúc của một ca khúc bằng thơ: Chuỗi từ “li-la li-la li-la…” có tác dụng mô phỏng chuỗi âm thanh tiếng đàn ở phần dạo đầu và phần kết thúc tạo nên những dư âm sau khi lời hát đã ngừng.  - Nhịp thơ phong phú, thay đổi linh hoạt, làm cho lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng khi liền mạch.  - Nhiều dòng thơ liên kết nhau bằng sự hợp vần (đa số là vần thông), tạo nên sự liền mạch, ngân vang trong âm hưởng thơ (hoàng – choàng), (ấy – mấy – chảy), (đàn – hoang – trăng), (ngang – gan),...– Sử dụng biện pháp điệp âm, điệp ngữ và các từ láy tạo nên sự dìu dặt, ngân nga cho các câu, đoạn và cả bài thơ (lang thang, chếnh choáng, nghêu ngao, bê bết, ròng ròng, long lanh, đơn độc, mỏi mòn, sang ngang, tiếng ghi ta, tiếng đàn, ném,...).  - Bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng, với giọng điệu vừa lắng đọng, xót thương, căm phẫn vừa bay bổng, hào sảng và kết lại với nhiều dư ba,... |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực**  **a. Biểu tượng**  - Một số hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ: áo choàng, đàn ghi ta, bầu trời cô gái ấy, “giọt nước mắt vầng trăng/ long lanh trong đáy giếng”,...  - HS dựa vào phần phân tích đã tìm hiểu.  **b. Yếu tố tượng trưng, siêu thực**  - Biểu hiện: Hình ảnh thơ được tạo bằng cách kết hợp những yếu tố hiện thực với các yếu tố hoang đường, kì ảo, gợi nhiều liên tưởng.  + Yếu tố tượng trưng: những hình ảnh biểu tượng như áo choàng, vầng trăng, dòng sông, tiếng đàn,...  + Yếu tố siêu thực: mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được (“đường chỉ tay đã đứt, dòng sông rộng vô cùng/ Lor-ca bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc”; “chàng ném lá bùa cô gái Di-gan/ vào xoáy nước”;...).  **-** Tác dụng:Tạo hình ảnh thơ cô đúc, có tính tượng trưng (thiên về gợi hơn là tả), logic liên kết giữa các hình ảnh thơ bị xoá mờ, kích thích sự liên tưởng, tạo ra hiệu quả “lạ hoá” và “độ mở” cho những suy tưởng tiếp nối của người đọc. |
| **TỔNG KẾT** | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Qua bài thơ, Thanh Thảo đã khắc họa thành công hình tượng nghệ thuật Lorca với vẻ đẹp bi tráng. Những lời thơ mộc mạc, giản dị, khúc chiết, mà chan chứa tình cảm của Thanh Thảo đã thể hiện sự đồng cảm và tri âm, sự ngưỡng mộ và yêu mến, niềm kính trọng và tiếc thương sắc với cuộc đời và sự nghiệp nghệ thuật của người nghệ sĩ tài hoa, nhà cách tân kiên cường, người công dân khao khát yêu tự do, người con ưu tú của đất nước TBN và nhân loại.  **2. 2. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc. Sử dụng hình ảnh, biểu tượng- siêu thực có sức chứa lớn về nội dung.  - Tạo màu sắc Tây Ban Nha rất đậm nét trong bài thơ. Kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ Đàn ghi ta của Lor-ca** | |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh tổng kết phương đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực  **b. Nội dung thực hiện:** GV giao nhiệm vụ, HS thảo luận và trả lời | |
|  | **Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại là**:  - Rà kĩ văn bản, hiểu được nội dung của bài thơ.  - Tìm những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, cảm giác khó hiểu tạo một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được.  - Nêu tác dụng của những hình ảnh ấy.  **Cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực là:**  - Đọc và xác định bố cục – mạch cảm xúc.  - Đọc hiểu hình tượng nghệ thuật.  - Đọc hiểu những hình ảnh mang nghĩa biểu tượng; xác định những yếu tố tượng trưng, siêu thực và tác dụng của nó.  - Đánh giá giá trị của bài thơ. |

**TIẾT 4. ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**SAN – VA – ĐO ĐA – LI VÀ “SỰ DAI DẲNG CỦA KÍ ỨC”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **Câu 1:** Những chi tiết trong bức tranh Sự dai dẳng của kí ức được đề cập đến trong VB và đặc trưng, ý nghĩa của những chi tiết đó:  – Phong cảnh bờ biển đá và ngọn núi: gợi nhớ ngôi nhà tuổi thơ của hoạ sĩ Đa-li.  – Một sinh vật kì quặc có đôi mắt nhắm nghiền: gợi nhớ về giấc mơ.  – Ba chiếc đồng hồ tan chảy chỉ giờ khác nhau: gợi sự phi lí của thời gian trong những giấc mơ.  – Cây ô-liu cằn cỗi, kiến bâu trên chiếc đồng hồ: biểu tượng của sự phân rã và cái chết.  **Câu 2**: Những sự vật vốn quen thuộc (hàng mi khép, cái cây, bầy kiến, những chiếc đồng hồ kim loại, cái bàn,...) nhưng được liên kết với nhau một cách kì lạ, khác thường trong cùng một không gian tranh gợi cho ta sự liên tưởng đến những ám ảnh đầy hãi hùng về sức mạnh huỷ diệt của thời gian, cái chết và sự tàn lụi của những gì tưởng là vĩnh hằng. Liên hệ với tiêu đề bức tranh, có thể thấy thế giới tâm hồn của Đa-li tràn ngập những lo lắng, sợ hãi.  **Câu 3:**  + ***Trong bài thơ Chiếc lá đầu tiên của Hoàng Nhuận Cầm***, các hình ảnh được sử dụng là những hình ảnh cụ thể, rõ nét, có thực, mang vẻ đẹp trong sáng, tươi trẻ của tuổi thơ: hoa súng tím, chùm phượng hồng, con ve, lớp học, trái bàng,...  + ***Trong bài thơ Thời gian của Văn Cao***, các hình ảnh được sử dụng là những hình ảnh tuy vẫn cụ thể nhưng mang ý nghĩa tượng trưng, tượng trưng cho sự tàn phá của thời gian và sức sống trường tồn của nghệ thuật và tình yêu: chiếc lá khô, tiếng sỏi trong lòng giếng cạn, câu thơ còn xanh, bài hát còn xanh, đôi mắt, giếng nước,...  + ***Trong bức tranh Sự dai dẳng của kí ức của Đa-li***, các hình ảnh được sử dụng là những hình ảnh kì lạ, siêu thực, nối kết những hiện tượng vốn dĩ không thể nối kết: chiếc đồng hồ và sự tan chảy, cây khô và chiếc bàn gỗ, đôi mắt và thân thể như tấm vải, bờ biển đá và chiếc bàn kim loại,... nhằm tạo liên tưởng về sự huỷ diệt của thời gian và những ám ảnh về cái chết. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Em tâm đắc nhất bài học và triết lí nào nhất? | |

**TIẾT 5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **Lý thuyết**  **- Tiếng Việt** là ngôn ngữ giàu nhạc tính, giàu chất tạo hình; có khả năng diễn đạt đầy đủ và chính xác tư tưởng, tình cảm của con người Việt Nam.  - Các giá trị văn hoá đặc sắc của mỗi dân tộc đều được phản ánh trong ngôn ngữ của dân tộc ấy. Tiếng Việt là một bộ phận cấu thành nền văn hoá Việt. Giữ gìn và phát triển tiếng Việt cũng chính là giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá của dân tộc.  - **Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, khi giao tiếp, chúng ta cần phải tuân theo những chuẩn mực và quy tắc chung** của tiếng Việt ở các phương diện ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp,... Bên cạnh đó, chúng ta cần phải tiếp nhận có chọn lọc những yếu tố mới (từ ngữ mới, nghĩa mới của từ ngữ) để có thể diễn tả chính xác những khái niệm mới đồng thời làm phong phú cho ngôn ngữ dân tộc.  Lưu ý:  1. Tiếp nhận những yếu tố mới (từ ngữ mới, nghĩa mới của từ) không đồng nghĩa với việc dùng ngôn ngữ lai căng, pha tạp; đánh mất vẻ đẹp của tiếng Việt.  2. Tuân theo những chuẩn mực và quy tắc chung của ngôn ngữ dân tộc không có nghĩa phủ nhận hoàn toàn những cách diễn đạt mới, những cách diễn đạt với mục đích tạo ra hiệu quả tu từ cho văn bản. |
| **VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **Nội dung thực hiện:** Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận về một vài hình ảnh trong hai bài thơ vừa học đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất. | |
|  |  |

***Phụ lục. Giải bài tập***

**Bài tập 1**: Tiếng Việt có các màu xanh ở đủ mọi mức độ và sắc thái: xanh biếc, xanh rờn, xanh rì, xanh thắm, xanh xao, xanh lè, xanh lét,... Mặc dù trong vốn ngôn ngữ của dân tộc, từ ngữ chỉ màu xanh đã rất phong phú nhưng qua ngòi bút của các nhà thơ, chúng ta lại thấy màu xanh hiện ra với nhiều sắc độ mới mẻ, rất độc đáo.

a. Trong câu thơ ***Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc***, chúng ta có thể hình dung về màu xanh mơn mởn của khu vườn và màu xanh ở đây được so sánh với “ngọc”. Lưu ý cách diễn đạt “xanh như ngọc” giàu hình ảnh, có sức biểu cảm hơn so với “xanh ngọc”.

b. ***Ta còn em một màu xanh thời gian***

Trong dòng thơ trên, màu xanh trên hiện ra với một sắc thái mới, rất đặc biệt, được thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ độc đáo: “màu xanh” + “thời gian”.

c. ***Trời thì xanh như rút ruột mà xanh***

***Cây thì biếc như vặn mình mà biếc***

Trong hai dòng thơ trên, màu xanh hiện ra với sắc độ đậm đặc, được thể hiện qua cách diễn đạt vô cùng đặc biệt, giàu cảm xúc: xanh như rút ruột mà xanh, biếc như vặn mình mà biếc.

d. Trong ngữ liệu đã cho, màu xanh được miêu tả cũng rất đặc biệt. Đó là màu xanh non của thảm cỏ trải dài đến tận chân trời.

**Bài tập 2:** Những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình ngân hàng + X: ngân hàng máu, ngân hàng tế bào gốc,...

**Bài tập 3:**

a. Sở dĩ người viết sử dụng từ trekking trong tiêu đề và bài viết là vì trong tiếng Việt, không có từ có nghĩa tương đương. Trong ngữ liệu, người viết đã sử dụng một cụm từ dài hoạt động thám hiểm, du lịch, đi bộ đường dài để nói về trekking.

b. Chúng ta có thể gặp những từ ngữ tiếng nước ngoài như vậy trong lĩnh vực du lịch: homestay, farmstay, hiking,...

c. Đây là các từ ngữ chưa có từ ngữ tiếng Việt tương đương (chúng ta sẽ phải dùng một cụm từ dài để giải thích các khái niệm này), vì vậy, việc tiếp nhận những yếu tố mới có thể giúp diễn tả chính xác những khái niệm mới. Bên cạnh đó, cần phân biệt trường hợp này với trường hợp trộn lẫn tiếng Việt và tiếng nước ngoài khi nói/ viết và trường hợp sử dụng các từ ngữ tiếng nước ngoài khi đã có từ ngữ tiếng Việt tương đương.

**Bài tập 4**: Có nhiều từ ngữ tiếng nước ngoài (như album, email, file,...) được người Việt ưa dùng trong nhiều bối cảnh giao tiếp, trong khi vẫn có giải pháp thay thế (ví dụ: dùng tập ảnh thay cho album, thư điện tử thay cho email, tập tin thay cho file). Nguyên nhân là các từ ngữ tiếng nước ngoài này đã trở nên thông dụng, có tính chất quốc tế và dần trở thành một bộ phận trong ngôn ngữ của người Việt (được ghi vào từ điển tiếng Việt).

**Bài tập 5:**

a. đóng băng: (nước) kết đọng lại thành tảng lớn ở những nơi có khí hậu rất lạnh.

b. đóng băng: ở trạng thái ngừng hẳn lại, không tiến triển, không hoạt động được do chịu sự tác động nào đó.

Trong hai trường hợp đã cho, trường hợp b từ ngữ được dùng theo nghĩa mới.

**Bài tập 6:** Tiếng ghi ta là âm thanh nhưng ở đây được tác giả hình dung như một vật thể có màu sắc (tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh biết mấy), có hình khối (tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan); được hình dung như một cơ thể sống có thể chảy máu (tiếng ghi ta ròng ròng/ máu chảy), có thể chôn cất (không ai chôn cất tiếng đàn),... Những cách kết hợp từ ngữ trong đoạn thơ rất độc đáo, làm tăng sức biểu cảm và giàu sức gợi hình cho VB.

**TIẾT 6. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**TỰ DO**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **2.1 Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**:  - Pôn Ê-luy-a (1895 – 1952): nhà thơ Pháp, tên khai sinh là Ơ-gien Ê-min Pôn Granh-đen (Eugène Émile Paul Grindel), sinh ra ở Xanh Đơ-ni (Saint-Denis) và mất tại Pa-ri (Paris).  - Ông là một trong những người sáng lập trào lưu Siêu thực Pháp – một trào lưu nghệ thuật lớn có ảnh hưởng đến cả thi ca và hội hoạ.  - Nhiều tác phẩm của Ê-luy-a đã được dịch sang tiếng Việt và in trong các tuyển tập thơ Pháp: Đẹp hơn nước mắt (thơ kháng chiến Pháp), Cái chết, tình yêu, sự sống (song ngữ Pháp - Việt), Thơ Pôn Ê luy-a (song ngữ Pháp - Việt),...  - Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thơ Ê-luy-a thể hiện cảm hứng ca ngợi tự do và chống phát xít. Bài thơ. **2. Tác phẩm**: Tự do ra đời vào năm 1941 khi Đức quốc xã chiếm đóng Pháp. Bản dịch của dịch giả Phùng Văn Tửu có lược bớt một số khổ thơ ở giữa. |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Chủ thể trữ tình**  Chủ thể trữ tình của bài thơ là một người suốt đời khao khát tìm kiếm tự do, từ thời thơ ấu đến khi trải qua hết những thăng trầm của cuộc đời.  **2. Yếu tố tượng trưng, siêu thực**  **- Hành động “viết tên em” được liên kết với những hình ảnh sau:**  **+ Khổ 1 – 2** (trang vở học sinh, bàn học, cây xanh, đất cát, tuyết, trang sách đã đọc, trang vở chưa dùng, đá, máu, giấy, tro tàn): những hình ảnh gắn với việc học tập, vui chơi của tuổi thơ, hành trình học vấn dang dở và những tổn thương, mất mát trong bom đạn chiến tranh**.**  **– Khổ 3** (vàng son, gươm đao, mũ áo vua quan): những hình ảnh gắn với lịch sử dài lâu của đất nước.  **– Khổ 4** (sa mạc, rừng hoang, tổ chim, hoa trái): những hình ảnh gắn với thế giới tưởng tượng của trẻ thơ.  **– Khổ 5 – 6 – 7 – 8** (điều huyền diệu của đêm, khoanh bánh mì trắng, các mùa, trời xanh, mặt ao rêu mốc phản chiếu mặt trời, trăng trên hồ, hừng đông, tàu thuyền, núi non, mây, bão, mưa): những hình ảnh gắn với cuộc sống con người trưởng thành, từ mộng mơ đến thực tế, từ đẹp đẽ đến tầm thường, từ giông bão đến bình yên,...  **– Khổ 9 – 10 – 11** (cây đèn thắp sáng và lụi dần, họ hàng quây quần, nơi trú ẩn tan hoang, ngọn hải đăng đổ nát, bức tường ngao ngán, sức khoẻ phục hồi, hiểm nguy tan biến, hi vọng không vấn vương (nguyên tác: l’espoir sans souvenir, hi vọng không có kí ức): những hình ảnh gắn với thăng trầm, những hiểm nguy và sự vượt thoát hiểm nguy trong cuộc đời.  - **Hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng** là những hình ảnh cụ thể nhưng đại diện cho những ý niệm triết lí trừu tượng: trang sách tượng trưng cho hành trình học vấn, gươm đao tượng trưng cho những xung đột và chiến tranh trong lịch sử, bánh mì trắng tượng trưng cho cuộc sống giản dị đời thường,...  - **Hình ảnh mang ý nghĩa siêu thực** là những hình ảnh kết hợp những yếu tố vốn dĩ không thể kết hợp nhằm tạo những liên tưởng bất ngờ về những ám ảnh trong tâm hồn chủ thể (sự kết hợp, đồng hiện các hình ảnh ngày và đêm, quá khứ và hiện tại, thực và hư trong mỗi khổ thơ, chẳng hạn, trang sách đã đọc – trang vở chưa từng – đá – máu – giấy – tro tàn gợi liên tưởng đến cảnh tượng bom đạn tàn phá trường học, làm dang dở những ước mơ học hành của trẻ em; hành động “viết tên em” trên tất cả mọi thứ của cuộc đời mình gợi liên tưởng đến khát vọng không bao giờ tắt trong lòng chủ thể).  **3. Ý nghĩa bài thơ**  - Từ TỰ DO được tách ra ở cuối bài, đứng độc lập với các khổ thơ còn lại như một khổ thơ riêng, được nhấn mạnh và khẳng định như một giá trị vĩnh cửu, thiêng liêng, tối cao mà chủ thể trữ tình suốt đời bảo vệ và tôn thờ. Tiếng TỰ DO có thể mang đến phép màu bắt đầu lại cuộc đời cho chủ thể trữ tình, vì ngay từ thời thơ ấu chủ thể đã say mê kiếm tìm tự do như kiếm tìm lẽ sống của đời mình. Niềm tin vào sự hiện diện của tự do đã giúp chủ thể có đủ niềm tin và dũng khí vượt qua mọi thăng trầm, thử thách của cuộc đời.  - Đặt vào hoàn cảnh nước Pháp bị chiếm đóng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, bài thơ thể hiện thông điệp của tác giả đối với phong trào kháng chiến và với bạn đọc nói chung: Tự do luôn hiện diện dù thực tại có khó khăn, gian nan thế nào đi nữa, và cuối cùng con người sẽ đạt được tự do.  - Biện pháp tu từ điệp cấu trúc “Trên ... Tôi viết tên em” đã góp phần khẳng định thông điệp đó bằng cách nhấn mạnh nhiều lần cuộc truy tìm kiên trì và quyết liệt của chủ thể trữ tình qua tất cả những giai đoạn, những mảnh vỡ của cuộc đời. Dù cho cuộc đời có thăng trầm thế nào, chủ thể cũng luôn hướng về một mục tiêu duy nhất, không bao giờ thay đổi, đó là “em” – TỰ DO.  **4. Cảm hứng chủ đạo**  Mối liên hệ giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo: Chủ đề là vấn đề chủ yếu mà tác giả nêu lên trong tác phẩm (ở đây là sức mạnh và giá trị của tự do); tư tưởng là cách nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với vấn đề đó (ở đây là sự ca ngợi, bảo vệ và ủng hộ tự do trong bất kì hoàn cảnh nào dù có đau thương đến đâu); cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mạnh mẽ của tác giả gắn với tư tưởng đó (ở đây là nỗi khao khát và say mê tự do trong những khó khăn, bom đạn chiến tranh và hoàn cảnh đất nước bị chiếm đóng). |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Viết đoạn văn ngắn chia sẻ về một hình ảnh tượng trưng/siêu thực mà em thích  **b. Nội dung thực hiện:** Viết đoạn văn ngắn chia sẻ về một hình ảnh tượng trưng/siêu thực mà em thích | |

**TIẾT 7. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù**

**- Học sinh ghi nhớ** được phương pháp viết văn bản nghị luận.

**- Học sinh vận dụng năng lực** ngôn ngữ để tạo lập văn bản.

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Tỉ mỉ, ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Yêu cầu và kiểu bài**  **1. Kiểu bài:** Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lĩ lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Trình bày luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.  - Đưa ra được hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ để làm sáng tỏ luận điểm.  - Có thể phân tích, trao đổi với những ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề.  - Có bố cục gồm 3 phần:  + **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.  + **Thân bài:** Giải thích được vấn đề cần bàn luận; trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; có thể trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề; nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.  **+ Kết bài:** Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp. |
|  | **II. Bài viết tham khảo**  **Câu 1 (trang 19 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Tìm bố cục của bài viết và xác định vấn đề được bàn luận trong bài viết.  **Trả lời:**  - Bố cục bài viết gồm 4 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến lời nhắn đó: Giới thiệu về vấn đề cần bàn luận.  + Phần 2: Tiếp đến trở nên quan trọng: Giải thích vấn đề cần bàn luận  + Phần 3: Tiếp đến không ngại thử thách bản thân: Trình bày luận điểm, nêu lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận điểm.  + Phần 4: Khẳng định lại ý kiến và đề xuất phương hướng hành động.  - Vấn đề được bàn luận trong bài viết: Người trẻ trong vấn đề khẳng định giá trị bản thân.  **Câu 2 (trang 19 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Nhận xét cách mở bài và kết bài của bài viết.  **Trả lời:**  - Cách mở bài: Giới thiệu vấn đề bằng cách sử dụng giả thuyết, nêu ra một câu chuyện.  - Cách kết bài: Khẳng định lại ý kiến và đề xuất phương hướng hành động bằng một giả thuyết, hình dung khác.  => Cách mở bài khơi gợi, tạo sự hứng thú, tò mò cho người đọc. Kết bài là sự thôi thúc, cổ vũ con người hãy tiến về phía trước, mạnh dạn bước trên con đường tự khẳng định mình, không được bỏ cuộc.  **Câu 3 (trang 19 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | **LUẬN ĐỀ:** Bạn ở đâu trong hành trình khẳng định bản thân? | | | **LUẬN ĐIỂM:**  Giá trị của bản thân khiến bạn trở nên khác biệt. | **LUẬN ĐIỂM:**  Tự khẳng định giá trị bản thân không phải là điều đơn giản. | | **LÍ LẼ:** Chỉ khi thực sự hiểu bản thân cần gì, giỏi ở điểm gì mới có thể thành công  **BẰNG CHỨNG**:  - Ai cũng có thể thành công theo cách riêng  - Xã hội đòi hỏi nhiều hơn ở mỗi người, vì thế việc khẳng định giá thân càng quan trọng | **LÍ LẼ:** Phải trải qua quá trình học hỏi, rèn luyện, nghiên cứu hoàn thiện bản thân để trở nên tốt hơn  **BẰNG CHỨNG**:  - Bác sĩ muốn được người bệnh tin tưởng phải trải qua hàng chục năm học tập, nghiên cứu, thực tập  - Giá trị bản thân giúp ta đứng vững trước vô vàn thử thách trong cuộc sống. |   **Câu 4 (trang 19 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Bạn học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ qua bài viết trên?  **Trả lời:**  Từ bài viết trên ta thấy được, khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ chúng ta cần:  - Chú ý đến luận điểm, lí lẽ, bằng chứng  - Khi nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cần sáng rõ, thuyết phục, logic cao  - Lựa chọn và sắp xếp luận điểm phù hợp, để bài viết trở nên mạch lạc, rõ ràng. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**   * Tạo lập dàn ý. | |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**- Học sinh ôn tập** kiến thức và kĩ năng đã được học trong chủ đề

**2. Về năng lực: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Liên hệ với các vấn đề xã hội, cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV cho HS điền bảng K – W – L nhắc lại những kiến thức đã học trong chủ đề | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV chiếu bảng  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV linh hoạt sử dụng phần trả lời của HS** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động**: **Học sinh ôn tập** kiến thức và kĩ năng đã được học trong chủ đề  **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thảo luận nhóm – Làm phiếu bài tập – Thuyết trình tranh luận. | |
| **VỀ KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU (kết hợp THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT)**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Học sinh thực hiện bài tập 1,2,3 (SGK) theo nhóm/cá nhân  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục |
| **VỀ KĨ NĂNG VIẾT – NÓI – NGHE**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Học sinh thực hiện bài tập 4,5 (SGK) theo nhóm/cá nhân  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**: **Học sinh ôn tập** kiến thức và kĩ năng đã được học trong chủ đề  **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thảo luận nhóm – Làm phiếu bài tập – Thuyết trình tranh luận. | |
| **LIÊN HỆ**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Học sinh thực hiện bài tập 6 (SGK) theo nhóm/cá nhân  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục |

**Phụ lục giải bài tập**

**Câu 1 (trang 22 sgk Ngữ văn 12 Tập 2): Chỉ ra sự khác nhau giữa yếu tố tượng trưng và siêu thực trong thơ. Nêu ví dụ cụ thể về hai yếu tố này từ các bài thơ mà bạn đã học, đã đọc.**

**Trả lời:**

Yếu tố tượng trưng và yếu tố siêu thực trong thơ là hai khái niệm quan trọng, thể hiện qua cách tác giả sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh. Sự khác nhau:

- Yếu tố tượng trưng:

+ Khái niệm: Yếu tố tượng trưng thể hiện ý nghĩa sâu xa, tượng trưng cho một khía cạnh trừu tượng hoặc ý tưởng.

+ Sử dụng: Tượng trưng thường được sử dụng để biểu đạt những khái niệm trừu tượng, tình cảm, hoặc ý nghĩa sâu sắc.

+ Ví dụ:

Trong bài thơ “Đi giữa đường thơm” của Huy Cận, hình ảnh “đường thơm” tượng trưng cho mùi hương của quê hương, kỷ niệm, và tình yêu.

Bài thơ “Huyền diệu” của Xuân Diệu sử dụng hình ảnh “ngọn núi” để tượng trưng cho khát vọng, ước mơ, và sự vượt qua.

- Yếu tố siêu thực:

+ Khái niệm: Yếu tố siêu thực thể hiện thế giới mơ hồ, không gian tưởng tượng, và sự kỳ diệu.

+ Sử dụng: Siêu thực thường xuất hiện trong các hình ảnh bất thường, không thể xảy ra trong thế giới thực.

+ Ví dụ:

Trong bài thơ “Chơi giữa mùa trăng” của Hàn Mặc Tử, hình ảnh “mùa trăng” và “đám mây” tạo ra không gian siêu thực, tượng trưng cho tình yêu và sự mơ mộng.

Bài thơ “Hiện hình” của Bích Khê sử dụng hình ảnh “ngọn lửa” để tạo ra không gian siêu thực, thể hiện sự kỳ diệu và tương phản giữa ánh sáng và bóng tối.

**Câu 2 (trang 22 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):  So sánh các văn bản Đây thôn Vĩ Dạ, Đàn ghi ta của Lor-ca, Tự do về những phương diện sau (Làm vào vở):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Hình ảnh**  **biểu tượng** | **Yếu tố**  **siêu thực** | **Đặc sắc**  **nghệ thuật** | **Chủ đề** |
| **Đây thôn Vĩ Dạ** |  |  |  |  |
| **Đàn ghi ta của Lor-ca** |  |  |  |  |
| **Tự do** |  |  |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Hình ảnh biểu tượng** | **Yếu tố siêu thực** | **Đặc sắc nghệ thuật** | **Chủ đề** |
| **Đây thôn Vĩ Dạ** | - vườn ai mướt quá  - lá trúc che ngang  - Thuyền ai đậu bến sông trăng đó | - thuyền  - trăng | - Tính hàm súc, mới lạ  - Ngôn ngữ trong sáng, gợi hình, gợi cảm  - Sử dụng các câu hỏi tu từ  - Hình ảnh đầy chất gợi cảm  - Nhịp thơ có sự đứt gãy bất thường  - Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các biện pháp tu từ | Bài thơ là bức tranh đẹp về một miền quê đất nước, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người |
| **Đàn ghi ta của Lor-ca** | - Tiếng đàn ghi ta  - Bầu trời cô gái ấy  - Áo choàng đấu sĩ  - Máu chảy  - Cỏ mọc hoang  - Giọt nước mắt vầng trăng  - Long lanh đáy giếng | - Bầu trời cô gái ấy  - Máu chảy  - Áo choàng bê bết đỏ  - Vầng trăng | - Thể thơ tự do  - Hình ảnh so sánh mới mẻ, độc đáo  - Chuyển đổi cảm giác  - Đậm chất tượng trưng, siêu thực  - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thơ cơ và âm nhạc  - Sử dụng các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ, láy, điệp ngữ,… | Bài thơ thể hiện sự đồng cảm của tác giả với Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và cô đơn, dù bị chết oan khuất vẫn hiên ngang. |
| **Tự do** | sách vở, đất cát, gươm đao, rừng hoang, tổ chim, trời xanh,… | tàu thuyền, vầng trăng, ngọn hải đăng đổ nát,… | - Biện pháp điệp cấu trúc  - Những hình ảnh liên kết, giàu sức gợi  - Hình ảnh tượng trưng, siêu thực | Khát vọng tự do, lời kêu gọi hành động vì tự do của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị phát xít xâm lăng. |

**Câu 3 (trang 22 sgk Ngữ văn 12 Tập 2): Yếu tố siêu thực có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm thơ trữ tình, đồng thời đặt ra thử thách gì đối với người đọc?**

**Trả lời:**

Yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình có tác dụng quan trọng và đa chiều đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm.

- Tạo không gian tưởng tượng và kỳ diệu:

+ Yếu tố siêu thực cho phép tác giả sáng tạo ra những hình ảnh, tình huống, và không gian mơ hồ, không thể xảy ra trong thế giới thực.

+ Điều này tạo ra một không gian tưởng tượng cho người đọc, nơi họ có thể khám phá những khả năng mới và trải nghiệm những điều kỳ diệu.

- Biểu đạt tâm trạng và tình cảm sâu sắc:

+ Yếu tố siêu thực cho phép tác giả diễn đạt những tâm trạng, cảm xúc, và suy tư sâu xa mà không bị ràng buộc bởi giới hạn của thế giới vật chất.

+ Điều này tạo ra sự kỳ diệu và sâu lắng trong tác phẩm, khiến người đọc cảm nhận được nhiều hơn về tình cảm và ý nghĩa của thơ.

- Thách thức cho người đọc:

+ Yếu tố siêu thực đặt ra thách thức cho người đọc khi họ phải tìm hiểu và giải mã những hình ảnh không thể hiện trực tiếp ý nghĩa.

+ Người đọc cần phải đắm chìm vào không gian tưởng tượng, tìm hiểu sâu hơn về tác giả và tìm ra những khía cạnh ẩn sau các hình ảnh siêu thực.

Tóm lại, yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình không chỉ là một phương tiện biểu đạt, mà còn là một cách để tạo ra sự kỳ diệu, tương phản, và sâu sắc trong tác phẩm, đồng thời thách thức người đọc tìm hiểu và cảm nhận.

**Câu 4 (trang 22 sgk Ngữ văn 12 Tập 2): Tìm những từ ngữ mới xuất hiện gần đây được cấu tạo trên cơ sở các từ ngữ sau: ngân hàng, hút bụi, nhân tạo, thông minh, đồng hồ, rô-bốt, trực tuyến, đề thi, dạy học, trí tuệ, điện thoại. Giải thích nghĩa của các từ ngữ vừa tìm được.**

**Trả lời:**

- Ngân hàng đề thi: là một ngân hàng đồ sộ với hàng chục ngàn đề thi ở mọi lĩnh vực khác nhau thỏa mãn mọi nhu cầu của người dùng.

 - Rô-bốt hút bụi: là một robot hút bụi với lập trình thông minh giúp tự động hóa việc hút bụi.

 - Trí tuệ nhân tạo: là một lĩnh vực của khoa học máy tính, tập trung vào việc tạo ra những cỗ máy thông minh, có thể hoạt động và phản ứng như con người.

 - Đồng hồ thông minh: là đồng hồ đeo tay vi tính hóa với chức năng như tăng cường thời gian duy trì và thường được so sánh với thiết bị kỹ thuật số cá nhân

 - Dạy học trực tuyến: là hình thức giáo dục online, giúp chúng ta có thể tiếp nhận thông tin dễ dàng, với các phương tiện như: điện thoại, máy tính hoặc máy tính bảng có kết nối Internet.

 - Điện thoại thông minh: là khái niệm để chỉ các loại thiết bị di động kết hợp điện thoại di động các chức năng điện toán di động vào một thiết bị.

**Câu 5 (trang 22 sgk Ngữ văn 12 Tập 2): Bạn rút ra những lưu ý hoặc kinh nghiệm gì khi:**

**a. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ?**

**b. Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước?**

**Trả lời:**

Những lưu ý, kinh nghiệm được rút ra khi:

a.     Viết bài văn nghị luận về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

 - Nắm rõ luận đề

 - Nêu được luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, xác thực

 - Lập luận chặt chẽ, logic

 - Ngôn ngữ mạch lạc, dễ hiểu

 - Giọng văn gần gũi, nhẹ nhàng

b.    Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

 - Lựa chọn chủ đề hấp dẫn: Chọn một chủ đề thú vị, liên quan đến đời sống xã hội, kinh tế, hoặc văn hóa của đất nước. Điều này giúp thu hút sự chú ý của khán giả từ đầu.

 - Tạo tiêu đề mạnh mẽ: Tiêu đề của bài thuyết trình cần phản ánh chính xác nội dung và gợi mở sự tò mò. Một tiêu đề mạnh mẽ sẽ kích thích sự quan tâm của người nghe.

 - Sử dụng ví dụ và thống kê cụ thể: Để minh họa cơ hội và thách thức, sử dụng ví dụ cụ thể, số liệu thống kê, và nghiên cứu. Điều này giúp người nghe hiểu rõ hơn và tạo sự thuyết phục.

 - Tạo cấu trúc rõ ràng: Bài thuyết trình cần có cấu trúc rõ ràng, gồm phần giới thiệu, phần trình bày nội dung, và phần kết luận. Điều này giúp người nghe theo dõi và hiểu rõ hơn về vấn đề.

 - Giao tiếp tự tin và lắng nghe phản hồi: Khi thuyết trình, hãy nói tự tin, duy trì liên hệ mắt và lắng nghe phản hồi từ khán giả. Điều này giúp tạo sự tương tác và tạo ấn tượng tốt.

 - Tạo hình ảnh và cảm xúc: Sử dụng hình ảnh, video, hoặc câu chuyện để tạo cảm xúc và hình dung cho khán giả. Điều này giúp thuyết trình trở nên sống động và thú vị.

**Câu 6 (trang 22 sgk Ngữ văn 12 Tập 2): Thiết kế một tấm thẻ ghi lại những điều cần lưu ý khi thuyết trình về một vấn đề và cách lắng nghe, trao đổi về nội dung, cách thức thuyết trình.**

**Trả lời:**

Những điều cần lưu ý khi thuyết trình về một vấn đề và cách lắng nghe, trao đổi về nội dung, cách thức thuyết trình:

\* Khi thuyết trình về một vấn đề

- Lựa chọn chủ đề hấp dẫn

- Tạo tiêu đề mạnh mẽ: Tiêu đề của bài thuyết trình cần phản ánh chính xác nội dung và gợi mở sự tò mò.

- Sử dụng ví dụ và thống kê cụ thể

- Tạo cấu trúc rõ ràng: Bài thuyết trình cần có cấu trúc rõ ràng, gồm phần giới thiệu, phần trình bày nội dung, và phần kết luận.

- Giao tiếp tự tin và lắng nghe phản hồi

- Tạo hình ảnh và cảm xúc

\* Khi nghe một bài thuyết trình, muốn nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình, bạn nên lưu ý:

- Trước khi trao đổi, cần đọc lại nội dung đã ghi chép về nội dung và quan điểm được trình bày

- Khi nhận xét, nên sử dụng kĩ thuật PMI để đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình.

- Trao đổi ngắn gọn, rõ ràng về những điều chưa rõ; tránh hỏi quá nhiều hoặc dồn dập, chỉ trích gay gắt, tôn trọng quan điểm của người nói;…

- Sử dụng bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình để tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau.

**BÀI 7 – TRONG ÁNH ĐÈN THÀNH THỊ (TIỂU THUYẾT)**

**.**

**TIẾT 1. TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  về sự khác biệt giữa truyện ngắn và tiểu thuyết.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **1. Tiểu thuyết**  **Tiểu thuyết** là thể loại văn xuôi tự sự hư cấu cỡ lớn, có khả năng phản ánh những bức tranh đời sống ở quy mô sâu rộng. Nếu truyện ngắn có kích thước nhỏ, có thể đọc hết trong một lần đọc và được xuất bản dưới dạng tập truyện thì tiểu thuyết có dung lượng lớn hơn, có thể được xuất bản thành một ấn bản riêng, với số lượng nhân vật nhiều hơn, nhiều tuyến truyện đan xen với nhau, diễn biến cốt truyện phức tạp hơn và xảy ra trong bối cảnh không gian rộng, thời gian dài hơn. Chẳng hạn, tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng có dung lượng khoảng hơn 100 trang với khoảng 7 – 8 nhân vật quan trọng, các tuyến truyện chính đan vào nhau xoay quanh tuyến trung tâm là hành trình tiếp cận với xã hội thượng lưu của nhân vật chính Xuân Tóc Đỏ trong đô thành Hà Nội thời thuộc địa Pháp. Tiểu thuyết Chiến tranh và hòa bình của nhà văn Nga Lép Tôn-xtoi (Lev Tolstoy) dài hàng nghìn trang với hàng trăm nhân vật quan trọng, hàng chục tuyến truyện đan xen phức tạp xoay quanh sự thăng trầm của các thế hệ ba dòng họ Bôn-koon-xki (Bolkonsky), Bê-zu-khốp (Bezoukhov) và Rô-xtốp (Rostov) trong những biến động dữ dội của nước Nga qua cuộc Chiến tranh Vệ quốc năm 1812.  **2. Tiểu thuyết hiện đại**  **- Thời hiện đại:** Thời đại lịch sử gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, quá trình đô thị hóa, chủ nghĩa tư bản và ý thức cá nhân. Ở phương Tây, thời hiện đại gắn với kỉ nguyên phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật và tư duy lí tính. Ở phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, thời hiện đại thường được tính là thời kì tiếp sau thời trung đại, khi quá trình thuộc địa hóa gây ra những biến động mạnh mẽ trong văn hóa và xã hội, khiến cơ cấu văn hóa truyền thống bị phá vỡ.  - **Tiểu thuyết hiện đại**: Hình thức tiểu thuyết gắn liền với thời hiện đại, với những thay đổi mạnh mẽ về cấu trúc và tư duy nghệ thuật so với tiểu thuyết trung đại.  - Ở Việt Nam, nếu tiểu thuyết trung đại sử dụng chữ Hán là chủ yếu, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ văn học Trung Quốc với kết cấu chương hồi, cốt truyện tuyến tính, đặc biệt chú trọng sự kiện và chi tiết đời sống, điểm nhìn ngôi kể thứ ba toàn tri, thì tiểu thuyết hiện đại sử dụng chữ Quốc ngữ, tiếp thu ảnh hưởng từ văn học phương Tây với kết cấu chương đoạn hiện đại, cốt truyện có thể tuyến tính hoặc phi tuyến tính, đặc biệt chú trọng đến thế giới nội tâm và sự phát triển tính cách của nhân vật, điểm nhìn đa dạng, phức tạp (ngôi thứ nhất hoặc thứ ba toàn tri, hạn tri hoặc có sự kết hợp, di chuyển điểm nhìn).  + **Ngôn ngữ tiểu thuyết**: Nếu ngôn ngữ trong tiểu thuyết mang tính cách điệu, trau chuốt thì ngôn ngữ tiểu thuyết hiện đại dung nạp lời nói hằng ngày của mọi lớp người, kể cả tiếng lóng, phương ngữ,… Nhìn chung, tiểu thuyết kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ của người kể chuyện (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba) với ngôn ngữ của nhân vật.  + **Ngôn ngữ của người kể chuyện** phản ánh thái độ, quan điểm của người kể chuyện đối với câu chuyện và nhân vật. Ngôn ngữ của nhân vật phản ánh xuất thân, nền tảng văn hóa, tính cách, thái độ của nhân vật. Trong một số tiểu thuyết có sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn. Ví dụ:  Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai. **Tuyên bố rằng Xuân vốn con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần vợt, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi? Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may Âu hóa nữa!**(Vũ Trọng Phụng, Số đỏ)  + **Nhân vật tiểu thuyết:** Nhờ quy mô lớn và khả năng phản ánh đời sống sâu rộng, tiểu thuyết có xu hướng xây dựng những nhân vật đời thường trong nhiều mối quan hệ đa dạng, với số phận trọn vẹn và quá trình phát triển tính cách dài, phức tạp. |

***1. Phụ lục bảng so sánh truyện ngắn và tiểu thuyết***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Truyện ngắn** | **Tiểu thuyết** |
| **Kích thước, dung lượng** | Kích thước nhỏ, có thể đọc hết trong một lần đọc, xuất bản dưới dạng tập truyện | Dung lượng lớn, khó có thể đọc hết trong một lần đọc, có thể xuất bản thành một ấn bản riêng |
| **Nhân vật** | Thường chỉ có 1 – 2 nhân vật chính, chỉ giới hạn trong cái nhìn của một nhân vật trung tâm | – Số lượng nhân vật nhiều  – Kiểu nhân vật đời thường trong mối quan hệ đa dạng, số phận trọn vẹn với quá trình phát triển tính cách dài, phức tạp |
| **Cốt truyện** | Thường đơn giản, cô đúc, xoay quanh một vài sự kiện chính, dồn nén mâu thuẫn trong một khoảng thời gian ngắn | Diễn biến cốt truyện phức tạp, nhiều tuyến truyện đan xen, xảy ra trong bối cảnh không gian rộng, thời gian dài |

***2. Phụ lục tiểu thuyết hiện đại so với tiểu thuyết trung đại***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tiểu thuyết trung đại** | **Tiểu thuyết hiện đại** |
| Chữ viết | Chữ Hán là chủ yếu | Chữ Quốc ngữ |
| Chịu ảnh hưởng | Văn học Trung Quốc | Văn học phương Tây |
| Kết cấu | Kết cấu chương hồi | Kết cấu chương đoạn |
| Cốt truyện | – Cốt truyện tuyến tính  – Đặc biệt chú trọng sự kiện và chi tiết đời sống | – Cốt truyện có thể tuyến tính hoặc phi tuyến tính  – Đặc biệt chú trọng đến thế giới nội tâm và sự phát triển tính cách nhân vật |
| Điểm nhìn | Ngôi thứ ba toàn tri | Điểm nhìn đa dạng (ngôi thứ nhất hoặc thứ ba toàn tri, hạn tri, hoặc có sự kết hợp, di chuyển điểm nhìn) |
| Ngôn ngữ | Mang tính cách điệu, trau chuốt | Dung nạp lời nói hằng ngày của mọi lớp người, kể cả tiếng lóng |

***3. Phụ lục phiếu học tập***

**SỰ KẾT HỢP NGÔN NGỮ NGƯỜI KỂ CHUYỆN   
VÀ NGÔN NGỮ NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT**

– Ngôn ngữ người kể chuyện phản ánh: thái độ, quan điểm của người kể chuyện với câu chuyện và nhân vật.

– Ngôn ngữ nhân vật phản ánh: xuất thân, nền tảng văn hoá, tính cách, thái độ của nhân vật.

– Phân tích ví dụ về sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn:

*Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai.* ***Tuyên bố rằng Xuân vốn là con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần vợt, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi? Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may Âu hoá nữa!***(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)

à Về hình thức, những câu in đậm là lời của người kể chuyện, nhưng lại phản ánh ngôn ngữ, giọng điệu, suy nghĩ của nhân vật vợ chồng Văn Minh.

***Phụ lục phiếu học tập***



**TIẾT 2. VĂN BẢN ĐỌC**

**HAI QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI**

**(Trích Tiểu thuyết Số đỏ - Vũ Trọng Phụng)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Vũ Trọng Phụng (1912-1939)**  - Một trong những đại diện xuất sắc nhất của VHHT Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.  - Sáng tác:  + Thể loại: Truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết, phóng sự.  + Nội dung: đề cập những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của XH đương thời.  + Giọng văn sắc sảo, có phần đắng cay, chua chát.  **2. Văn bản**  - Vị trí đoạn trích: Chương V của tiểu thuyết Số đỏ.  - Nhận xét trang phục, xe cộ, nhà cửa góc phố Hà Nội thời Pháp thuộc: Có sự pha trộn giữa phương Đông và phương Tây: Trang phục: áo dài, áo vest; xe cộ: phương tiện chủ yếu là xe đạp; nhà: kiến trúc Châu Âu pha trộn với nhà truyền thống của người Việt. |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản** | **II. Khám phá văn bản**  **1. Tìm hiểu cốt truyện**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục văn bản** | **Các sự kiện chính** | | Phần 1 (Từ đầu đến “Ngây thơ!”: ông bà chủ tiệm may Âu hoá và ông Typn dặn dò Xuân Tóc Đỏ về những công việc ở tiệm may như một cách “giúp sức xã hội trong cuộc Âu hoá”) | – Vợ chồng Văn Minh giao việc ở tiệm Âu hoá cho Xuân Tóc Đỏ, bên ngoài là “giúp sức xã hội trong cuộc Âu hoá” nhưng thực ra là trông tiệm và phủi bụi.  – Typn hướng dẫn Xuân Tóc Đỏ học thuộc thiết kế và tên gọi các bộ trang phục trong tiệm may Âu hoá để bán hàng và “chỉ bảo cho khách có một cái gu”. | | Phần 2 (Từ “Giữa lúc ấy có một thiếu phụ…” đến hết): Cuộc gặp gỡ giữa Xuân Tóc Đỏ với vợ ông Typn, thái độ đầy mâu thuẫn của ông Typn. | – Vợ ông Typn bước vào tiệm may, Xuân Tóc Đỏ giới thiệu với bà những bộ trang phục tân thời của tiệm.  – Ông Typn bước vào tức giận, từ đó bày tỏ triết lí “chia gia đình với xã hội ra làm hai”, cấm vợ ăn mặc tân thời theo những bộ trang phục do chính ông thiết kế. |   - **Thời điểm**: buổi trưa.  - **Ý nghĩa:** Với ông bà Văn Minh, đây là lúc giao cho Xuân một công việc thực chất chỉ là dọn dẹp, lau chùi nhưng được khoác lên cái vỏ mĩ miều “giúp xã hội trong việc Âu hoá”. Với ông Typn, đây là lúc giao cho Xuân làm “văng-đơ” bán hàng nhưng được khoác lên cái vỏ mĩ miều “chỉ bảo cho khách có một cái gu” à Đoạn đối thoại này chuẩn bị cho Xuân không chỉ kiến thức về các mốt thời trang, mà còn giúp hắn nhận thấy sự “hai mặt” của tiệm may Âu hoá và công việc cải cách thời trang này, giúp hắn phát huy triệt để sự “hai mặt” ấy trong đoạn tiếp theo. |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản**  **2. Nhân vật trong tiểu thuyết**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | **II. Khám phá văn bản**  **2. Nhân vật tiểu thuyết**  **a. Nhân vật Xuân Tóc Đỏ**  - Với kinh nghiệm bán báo dạo, bán thuốc lậu, nhặt bóng ở sân quần vợt,... Xuân có lợi thế là tinh ranh, quan sát giỏi, khéo nói, khéo nịnh nọt, phản ứng nhanh nhạy. Đó là những đặc tính hắn thu nhận được từ đời sống lang thang trên lề đường.  - Xuân chiếm được lòng tin của vợ ông Typn nhờ tinh ranh, nhanh chóng học được từ ông bà Văn Minh và ông Typn cách tự tô vẽ cho bản thân những giá trị mình không có (*ưỡn ngực lên, giấu cái chổi lông gà sau lưng, nghiêm trang: Tôi?... Là... là... một người dự phần trong việc Âu hoá*); quan sát giỏi (*Xuân Tóc Đỏ nhìn qua cái áo dài giản dị, cổ áo không thuộc mốt lá sen cũng như không thuộc mốt bánh bẻ, cái quần trắng giản dị, kín đáo, đôi giầy nhung đen không cầu kì mấy, thì chỉ thấy nó có vẻ đứng đắn thôi*); phản ứng nhanh nhạy, nắm bắt tâm lí không hài lòng về chồng của bà Typn để bán hàng (*Bà là vợ ông Típ-phờ-nờ mà ăn vận thế, e còn là hủ lậu đấy… thế là một sự trở ngại trên đường tiến hoá! Mà muốn phản đối lại việc ấy, bà chỉ còn có một cách là chiếu cố đến bản hiệu mà may ngay một bộ quần áo…*); khéo nói và khéo nịnh nọt (*nói như một cái kèn hát, tôi xin che chở phái đẹp trong cuộc Âu hoá,…*).  - Công việc ở tiệm may dạy cho Xuân về những giá trị ảo, loè loẹt nhưng rỗng tuếch của xã hội thượng lưu Hà Nội thời thuộc địa và sự mánh khoé, giả dối, hai mặt của xã hội đó. Điều này thể hiện cả ở vợ chồng Văn Minh, ông Typn và ông nhà báo. Trong đoạn trích, có thể thấy Xuân đã học rất nhanh những cái tên loè loẹt (*Ngây thơ*, *Chinh phục*,…) của những bộ trang phục vốn dĩ chỉ là lố lăng, hở hang; những mánh khoé bán hàng bằng cách lên mặt ban ơn cho khách hàng và xã hội (chỉ bảo cho khách có một cái gu, cải cách xã hội, có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là dã man,…). Đồng thời, Xuân cũng hiểu rất nhanh cái gọi là giá trị “văn minh”, đó chỉ là cái vỏ giả dối che đậy sự ích kỉ, bảo thủ bên trong. Tất cả điều đó được Xuân vận dụng triệt để trong hành trình tiến thân sau này, khi hắn ta dùng mánh khoé và sự giả dối của giai cấp thượng lưu để lừa gạt chính họ, leo lên vị trí rể nhà Văn Minh và “anh hùng cứu quốc”.  **b. Ông Typn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ứng xử của ông Typn** | **Lời nói** | **Hành động** | | **Với Xuân** | – “... anh phải biết tên các đồ hàng, các mốt y phục, để cho khách vào hàng thì có thểchỉ bảo cho khách có một cái gu!”  – “Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ y phục tân thời, thế là nước nhà lạicó thêm một người tiến bộ.”  – “Lạm quyền! Đấy là công việc của tay-ơ, là của tôi! Là của một mình tôi!” | – Trợn mắt, so vai, trỏ mặt Xuân.  – Lôi đến trước một chiếc ma-nơ-canh. | | **Với bà Typn** | – “Câm đi! Thối chưa?”  – “Khi người ta nói phụ nữ ... là nói vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của ta!”  – “Đàn bà cứ nhốt trong buồng.” | Lôi lấy tay vợ ông, kéo xềnh xệch ra cửa, hầm hầm gắt mắng. |   – Tính cách của ông Typn: Thô bạo, lỗ mãng với người yếu thế hơn mình (như Xuân và vợ mình), nhưng lại tỏ ra kẻ cả, cao ngạo, đạo đức giả.  – Quan niệm của ông Typn về việc “cải cách trang phục” và “cải cách xã hội”: Phụ nữ cần thay đổi trang phục tân thời, nhưng vợ ông thì không; xã hội cần Tây hoá, nhưng gia đình ông vẫn phải theo lối cổ (điều đó thể hiện cả trong lời nói lẫn trong cách hành xử thô bạo, áp đặt của ông đối với vợ). Như vậy, có thể thấy lời kêu gọi cải cách của ông chỉ là giả dối, sáo rỗng, là một cách để ông khoe khoang cái danh xưng nhà mĩ thuật “tiến bộ”. |
| **II. Khám phá văn bản**  **3. Ngôn ngữ trong văn bản**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Phát vấn: Nhận xét về ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật trong đoạn trích. So sánh với ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật trong một tác phẩm tự sự trung đại mà bạn đã học.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **II. Khám phá văn bản**  **3. Ngôn ngữ trong văn bản**  Ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật trong đoạn trích cho thấy sự mâu thuẫn giữa hai kiểu ngôn ngữ khác nhau, một bên sang trọng, hào nhoáng, một bên tầm thường, thô thiển   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ông bà Văn Minh | Từ đây mà đi xã hội văn minh hay dã man là trách nhiệm ở anh! | *cầm cái chổi này... mà phủi bụi…* | | Ông Typn | Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ y phục tân thời, thế là nước nhà lại có thêm một người tiến bộ. | *– Hở cánh tay và hở cổ… Hở đến nách và hở nửa vú…*  *– Rõ đồ khốn! Tưởng bở! Đòi nay mốt này, mai mốt khác để làm túi cơm giá áo à?* | | Xuân Tóc Đỏ | *– Tôi?... Là... là... một người dự phần trong việc Âu hoá.*  *– Một người cải cách xã hội... có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là dã man.* | *– Chả nước mẹ gì cả!*  *– Mẹ kiếp! Quần với chả áo!* |   So với các tác phẩm tự sự trung đại (ngôn ngữ trau chuốt, thuần nhất, hầu như các nhân vật đều nói cùng một kiểu ngôn ngữ), thì *Số đỏ* cho thấy một hình thức ngôn ngữ phong phú, sinh động, phức tạp, dung chứa những thành tố mâu thuẫn nhau tạo ra tiếng cười. |
| **II. Khám phá văn bản**  **4. Đề tài, chủ đề của văn bản**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Phát vấn: Theo bạn, "nghĩa lí cái việc cải cách của ông cai thợ may" mà Xuân Tóc Đỏ băn khoăn không hiểu, thực chất là gì? Nghĩa lí đó cho thấy điều gì trong thái độ của người kể chuyện đối với công cuộc Âu hóa, phương Tây hóa ở đô thị Việt Nam vào thập niên 30 của thế kỷ XX ?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **II. Khám phá văn bản**  **4. Đề tài, chủ đề của văn bản**  Xuân Tóc Đỏ không hiểu “nghĩa lí cái việc cải cách của ông cai thợ may” vì từ nhỏ đến lớn, hắn chỉ đi làm thuê lặt vặt, chưa từng tham gia vào guồng máy kiếm lợi bằng cách lừa dối cả xã hội như ông bà Văn Minh, ông Typn hay ông nhà báo (lợi ở đây bao gồm cả tiền bạc lẫn danh vọng). Ông bà Văn Minh và ông Typn cần khách đến cửa hàng may mặc để kiếm tiền, và cũng cần cái tiếng “cải cách xã hội” như chính cái tên hào nhoáng mà họ đặt cho mình. Ông nhà báo cần khách đặt viết bài quảng cáo hiệu may, cần bạn đọc mua báo và cũng cần cái danh “nhà báo tiến bộ”. Vì vậy, họ tâng bốc, tung hô những giá trị ảo như “văn minh”, “Âu hoá” để cả xã hội chạy theo như những con thiêu thân, từ đó kiếm lợi cho mình.  Người kể chuyện thể hiện rõ thái độ mỉa mai và quan điểm coi cuộc cải cách Âu hoá chỉ là một sự lừa dối đối với xã hội. Ngôn ngữ trong VB cho thấy rõ thái độ này: “cơn ghen đích đáng của những nhà nghệ sĩ chân chính”, “Bà vợ nhà mĩ thuật lúc ấy tức giận như vợ những nhà mĩ thuật”, “Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến”,… Nghĩa là so sánh đối tượng với chính nó, từ đó ám chỉ cách hành xử của các nhân vật này cũng chính là cách hành xử chung của loại người đó, tầng lớp đó trong toàn xã hội. |
| **II. Khám phá văn bản**  **5. Đặc điểm phong cách nghệ thuật trong văn bản**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Thảo luận nhóm:** Theo bạn, đặc điểm phong cách hiện thực được thể hiện trong văn bản như thế nào?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **II. Khám phá văn bản**  **5. Đặc điểm phong cách nghệ thuật trong văn bản**  *- Về đề tài và cảm hứng*: Viết về cuộc sống đời thường chân thực, thường hàm chứa những mâu thuẫn xã hội gay gắt, với cảm hứng phê phán, bóc trần những mặt khuất tối của thực tại.  VB *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* tập trung miêu tả một khía cạnh của cuộc sống đô thị Hà Nội thời Pháp thuộc, đó là cuộc cải cách văn hoá nói chung và cải cách thời trang nói riêng, từ đó phê phán, bóc trần sự giả dối, kệch cỡm của cuộc cải cách văn hoá này. Cuộc cải cách mang danh “văn minh” đã dẫn đến hàng loạt những xáo trộn trong nhận thức con người và đời sống gia đình, phá vỡ nền tảng văn hoá truyền thống, xói mòn quan hệ giữa người với người. Thực tại trong VB là một thực tại lem nhem giữa cũ và mới, giữa bảo thủ và cấp tiến, truyền thống và hiện đại, tất cả các giá trị đều được hiểu theo kiểu cực đoan nửa mùa.  *- Về nguyên tắc tổ chức hệ thống hình ảnh, từ ngữ, nhân vật*: Tập trung xây dựng những tính cách và hoàn cảnh điển hình, vừa sống động, độc đáo lại vừa phổ quát, đại diện cho những hoàn cảnh, tính cách, số phận phổ biến trong xã hội. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Xác định được các đặc điểm tiểu thuyết của văn bản | |

**TIẾT 3. VĂN BẢN ĐỌC**

**Ở VA-XAN (VAUXHALL)**

***(Trích Hội chợ phù hoa)***

***- Uy-li-am Thác-cơ-rây –***

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **2.1 Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  đó trình bày trên lớp)  **2. Tác giả**  **3. Văn bản**  - tìm thông tin về tác giả, thông tin văn bản trong phần chuẩn bị bài trước khi đến lớp. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Uy-li-am Thác-cơ-rây (1811 – 1863), nhà văn trào lộng xuất sắc nước Anh thế kỉ XIX.  - Sinh ra tại Can-cút-ta (Ấn Độ), 5 tuổi qua Luân Đôn (Anh) học tập, có nhiều bất mãn với xã hội tư sản Anh.  - Tác phẩm nổi tiếng: *Hội chợ phù hoa*  **2. Văn bản**  - *Ở Va-xan* trích tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* (1848).  - Vị trí: Chương 6  - Tóm tắt   * Tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa*   Tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* của nhà văn Anh Thác-cơ-rây xoay quanh hành trình của cô gái nghèo Rê-béc-ca Sáp đi tìm chỗ đứng trong xã hội thượng lưu Anh thế kỉ XIX. Xinh đẹp, thông minh, khôn khéo, Rê-béc-ca vạch ra nhiều kế hoạch tiếp cận các chàng trai giàu có để tiến thân. Người đầu tiên cô tìm cách quyến rũ là Giô Sét-lây, anh ruột của A-mê-li-a Sét-lây – bạn thân của cô. Kế hoạch lấy Giô không thành do bị Gioóc Ốt-xbon phá hoại, Rê-béc-ca đành đi làm gia sư cho gia đình quý tộc Pít Crâu-lây, sau đó quyến rũ và lấy con trai cụ Pít, tức anh chàng Râu-đân Crâu-lây mê cờ bạc. Tuy không được thừa kế, nhưng Rê-béc-ca cũng bắt đầu cuộc sống xa hoa bằng cách lợi dụng danh tiếng dòng họ nhà chồng để bày ra nhiều mánh khóe nhằm vay nợ và giúp chồng cờ bạc gian lận. Sau chiến tranh, tuy đã có chồng con nhưng cô vẫn kiếm tiền bằng cách hẹn hò với nhiều người đàn ông giàu có, cho đến khi chồng cô phát hiện và cắt đứt quan hệ với cô. Trong khi đó, cô bạn A-mê-li-a kết hôn cùng Gioóc Ốt-xbon với sự giúp đỡ của Đô-bin, bạn Gioóc. Sau khi Gioóc tử trận trong cuộc chiến Oa-tơ-lu, cha A-mê-li-a phá sản, cô vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con.  Hai người phụ nữ gặp lại nhau, Rê-béc-ca nhận ra giá trị của Đô-bin, bạn Gioóc và thuyết phục A-mê-li-a tái giá với anh. Còn bản thân Rê-béc-ca, bị bạn bè, chồng con xa lánh, nhưng cô vẫn tiếp tục quyến rũ Giô Sét-lây cho đến khi anh ta qua đời và để lại cho cô một gia sản lớn.   * Văn bản *Ở Va-xan*   Văn bản kể về chuyến đi chơi của Rê-béc-ca với anh em giô và A-mê-li-a Sét-lây, cùng Gioóc Ốt-xbon – người mà A-mê-li-a say mê và Đại úy Đô-bin, bạn của Gioóc. Rê-béc-ca cố gắng gợi ý để Giô cầu hôn mình nhưng không thành công. |
| * 1. **Đọc hiểu văn bản**   **1. Điểm nhìn và người kể chuyện**  1. Xác định điểm nhìn trong văn bản trên. Theo bạn, việc sử dụng điểm nhìn này có ý nghĩa như thế nào đối với việc chuyển tải nội dung của văn bản?  2. Ở phần văn bản từ đầu đến câu: “Vậy thì chúng ta hãy cùng bước vào trong chiếc xe ngựa với bốn cô cậu ở công viên Rút-xen và thẳng đường đến Va-xan”, người kể chuyện nói về những điều gì và nói với ai? Theo bạn, cách dẫn truyện như vậy có tác dụng gì đối với quá trình đọc của độc giả? | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Điểm nhìn và người kể chuyện**  - Điểm nhìn ngôi thứ nhất (người kể chuyện xưng “tôi”).  - Người kể chuyện: kể câu chuyện theo cái nhìn toàn tri. Vừa thâm nhập vào đời sống tâm lí của các nhân vật, vừa bình luận, trò chuyện trực tiếp với độc giả về cách xây dựng cốt truyện, cách tạo dựng nhân vật, cách kể chuyện,… |
| * 1. **Đọc hiểu văn bản**   **2. Tìm hiểu nhân vật**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **2. Tìm hiểu nhân vật**  **a. Tính cách nhân vật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Chi tiết** | **Nét tính cách** | | Giô | - “đỏ mặt” khi mọi người cười  - không đủ can đảm ngỏ lời với Rê-béc-ca hay tâm sự với em gái  - say xỉn và cư xử lỗ mãng, hôm sau xấu hổ viết thư xin lỗi và bỏ đi | ngây ngô, nhút nhát, hời hợt, nông nổi | | Rê-béc-ca | - khoác tay Giô  - kêu thét lên, lùi lại, ngã ngay vào cánh tay Sét-lây  - bày tỏ mong muốn đi Ấn Độ  - ngần ngại vừa đủ rồi nhận tất cả quà | giàu tham vọng, khôn khéo, giỏi thao túng người khác | | A-mê-li-a | - tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, sẵn sàng lắng nghe anh tâm sự  - kể mọi việc với bà quản gia  - hớn hở vì được đi với Gioóc  - khóc tấm tức khi Giô bỏ đi  - tặng cho Rê-béc-ca rất nhiều quà, kể cả của hồi môn tương lai | ngây thơ, cả tin, trong sáng, nhân hậu | | Gióoc | Nhờ Đô-bin giữ đồ cho mọi người | cơ hội, lợi dụng | | Đô-bin | - Giữ khăn quàng và trả tiền vào cửa  - kín đáo đi sau lưng mọi người  - nhìn A-mê-li-a vui vẻ đi bên Gioóc với niềm hân hoan của một người cha  - hát lại điệu hát của A-mê-li-a | rộng lượng, bao dung, khiêm nhường, nhân hậu |   **b. Các phương diện xây dựng nhân vật**  - Ngoại hình: Giô bệ vệ, béo phị, hay đỏ mặt,…  - Hành động: Giô muốn tâm sự với em gái nhưng không dám.  - Suy nghĩ: A-mê-li-a chờ anh tâm sự với mình, đi nói chuyện với bà quản gia,…  - Lời nói: “Em thèm được sang Ấn Độ quá”,...  - Suy nghĩ của người khác về nhân vật: ông Sét-lây chê Giô “phù phiếm, ích kỉ, lười biếng,…”.  **🡪 Thác-cơ-rây xây dựng chân dung nhân vật hoàn chỉnh và sinh động thông qua những chi tiết sống động được tái hiện trong tưởng tượng của độc giả, như những con người bằng xương bằng thịt.**  **c. Thái độ của người kể chuyện với các nhân vật**  **- Với Rê-béc-ca:** “nhận tất cả mọi vật A-mê-li-a tặng mình, sau khi cũng đã ngần ngại và miễn cưỡng *một cách vừa đủ*”.  **- Với Giô:** “thở dài *thật to* và quay đi làm cho cô em gái cũng đến phát chán”, “anh chàng đỏ mặt cắp tay Rê-béc-ca đi, trông dáng điệu *càng thêm bệ vệ, hiên ngang*”, “anh ta lại kể thêm *ít nhất là lần thứ sáu* rất nhiều chuyện Ấn Độ sở trường của anh”.  **- Với A-mê-li-a:** “A-mê-li-a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, *đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta*”.  **- Với Đô-bin:** “anh chàng Đô-bin thực thà đành *vui lòng* đưa tay nhận lấy đống khăn quàng và trả tiền vào cửa cho cả bọn”.  🡪 **Người kể chuyện thường xuyên sử dụng cách nói ngược hoặc kết nối những từ ngữ, hình ảnh trái ngược nhau để tỏ thái độ mỉa mai giễu cợt đối với các nhân vật.** |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản**  **3. Chủ đề, thông điệp**  Nêu chủ đề và thông điệp chính của văn bản. Chủ đề và thông điệp đó được thể hiện như thế nào qua một số chi tiết mà bạn đã liệt kê? | **II. Đọc hiểu văn bản**  **3. Chủ đề, thông điệp**  **- Chủ đề:** Thế giới phù hoa giả dối của đô thị Anh đầu thế kỉ XIX và sự tha hoá của con người khi theo đuổi những tham vọng vật chất.  **- Thông điệp:** Nhắc nhở người đọc về sự hủy hoại của những giá trị đạo đức khi con người bị cuốn vào cuộc truy tầm địa vị, tiền tài, danh vọng. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  a.Khái quát đặc điểm tiểu thuyết hiện đại từ hai VB đã đọc và rút ra kinh nghiệm đọc tiểu thuyết hiện đại.  **b. Nội dung thực hiện:** HS lập bảng so sánh hai văn bản *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ)* và *Ở Va-xan* (trích *Hội chợ phù hoa)* | |

**TIẾT 4. ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1. Sự thay đổi của chiếc áo dài**  - Quá trình thay đổi của chiếc áo dài: Áo ngũ thân truyền thống 🡪 Áo dài tân thời với những đường nét ảnh hưởng từ thời trang phương Tây 🡪 Áo dài truyền thống trở lại trong một diện mạo mới.  - Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi đó: Sự tiếp thu văn hoá phương Tây dẫn đến sự ra đời của áo dài tân thời; sau đó, những cuộc đấu tranh bảo vệ cái đẹp giản dị, thanh nhã, có tính dân tộc đã dẫn đến sự phục hồi lại áo dài truyền thống.  **2. Các ý chính của VB**  – Quá trình tiếp nhận văn hoá Tây Âu ở thành thị (Từ đầu đến “… tà áo dài Việt Nam”).  – Đặc điểm của áo dài tân thời nói chung và áo Lơ Muya nói riêng (Từ “Sự xuất hiện của tà áo dài…” đến “… là một biểu tượng của văn hóa Việt Nam”).  – Sự phục hồi của áo dài truyền thống (Còn lại).  **3. Lý do dẫn đến sự cách tân của thời trang diễn ra mạnh mẽ nhất ở thành thị**  – Thông thường, các hoạt động giao thương kinh tế diễn ra mạnh mẽ hơn ở thành thị, cho phép người thành thị có điều kiện kinh tế để theo đuổi các mốt thời trang.  – Các hoạt động văn hoá – giáo dục cũng diễn ra mạnh mẽ hơn ở thành thị, mang lại một môi trường năng động, thay đổi không ngừng, vì vậy người thành thị có thể tiếp cận với các mốt thời trang một cách nhanh chóng và cởi mở hơn. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Khái quát lại giá trị nội dung, ý nghĩa của văn bản. | |
|  | **III. Tổng kết**  - Nêu bật những giá trị văn hóa, lịch sử của tà áo dài Việt Nam.  - Khẳng định vai trò và ý nghĩa của tà áo dài trong đời sống hiện đại. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – LIÊN HỆ**  Suy nghĩ cá nhân về vai trò và ý nghĩa của tà áo dài Việt Nam. | |

**TIẾT 5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **- quan sát những ngữ liệu và trả lời câu hỏi:**  *1.* *Nói thì đâm năm chém mười Đến bữa tối trời chẳng dám ra sân.*  (Ca dao)  *2. Làm trai cho đáng nên trai*  *Một trăm mâm cỗ chẳng sai mâm nào*  (Ca dao)  - câu hỏi:  Xét về phương diện nội dung, theo em 2 ngữ liệu trên có đặc điểm gì chung? Căn cứ vào đâu anh/chị nhận ra đặc điểm chung đó? | - Hai ngữ liệu trên đều có ý châm biếm mỉa mai đối tượng giao tiếp được đề cập tới:  1. Châm biếm, mỉa mai những kẻ ăn nói hàm hồ, khoác lác, nhưng thực chất bên trong lại là kẻ nhát gan.  2. Mỉa mai, châm biếm thói tham ăn, thích tụ tập ăn nhậu của những người con trai thiếu ý chí, không thích làm việc mà thích ăn uống hưởng thụ  - Căn cứ nhân biết: Từ ngữ mang ý nghĩa ngầm mỉa mai: “*Nói - đâm năm chém mười” “Tối trời - chẳng dám ra sân”; “Làm trai cho đáng nên trai /Một trăm mâm cỗ chẳng sai mâm nào”* |
|  | **Lý thuyết**   |  |  | | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM BIÊN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA** | | | Khái niệm | Nói mỉa là biện pháp tu từ sử dụng cách diễn đạt có nghĩa tường minh khác với điều người nói, người viết muốn thể hiện. | | Tác dụng | - Nhằm bộc lộ thái độ mỉa mai, châm biếm  - Tạo hiệu quả hài hước cho văn bản | | Phạm vi sử dụng | Nói mỉa thường được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày và trong sáng tác văn chương, đặc biệt trong thơ văn trào phúng. |   ***\* Lưu ý***: Ý nghĩa mỉa mai cũng có thể được thể hiện trong cách nói nghịch ngữ  Ví dụ : Những tiếng “ ***Hắn đấy!” hay “Xem hắn kìa”*** là ***những lời chào mừng kín đáo và kính trọng*** mà chúng tôi thường gặp dọc đường.  (Nguyễn Ái Quốc, *Vi hành*)  Trong ví dụ trên, ý nghĩa mỉa mai được thể hiện qua sự kết hợp để làm nổi bật lên những mâu thuẫn, đối lập giữa *những lời chào mừng kín đáo và kính trọng với những tiếng* “*Hắn đấy!” hay “Xem hắn kìa”* |
| **b. Nội dung thực hiện:** Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn. | - Ít nhất cần so sánh hai thể loại này trên các tiêu chí: *quy mô, số lượng nhân vật, độ phức tạp của diễn biến cốt truyện, độ dài rộng của thời gian, không gian.*  - Diễn đạt mạch lạc; có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |

***Phụ lục. Giải bài tập***

**Bài tập 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Biểu hiện** | | **Tác dụng** |
| **a** | *- Thế sao bác cũng chủ trương cải cách trong báo của bác?*  *…*  *- Đối với tôi ấy à?... Đàn bà cứ nhốt trong buồng. Mợ hiểu chưa?* | | |
| “*Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến”* Những lời nhà báo vừa nói (Gia đình tôi thì cứ phải theo cổ…) thật sự không hề “cấp tiến” mà ngược lại rất hủ lậu. | | - Phơi bày sự giả dối và mâu thuẫn trong quan niệm về phụ nữ của nhân vật nhà báo.  - Mỉa mai làm nổi bật sự đối lập giữa lí thuyết và hành động của nhân vật nhà báo:  + Nhà báo tự nhận mình là người ủng hộ cải cách và tiến bộ xã hội nhưng lại ko áp dụng quan niệm này vào gia đình mình.  + Nhà báo tuyên bố ủng hộ giải phóng phụ nữ nhưng lại chỉ giới hạn sự giải phóng đó ở những người phụ nữ không phải là thành viên của gia đình mình. |
| **b** | *A-mê-li - a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta.*  *(*Uy- li-am Thác –cơ –rây*, Hội chợ phù hoa)* | | |
| *Đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta:* Thiếu nữ trẻ tuổi thường bồng bột, ngây thơ, nông nổi, A-mê-li-a cũng vậy. Chính vì không khôn ngoan nên A-mê-li-a bị Rê-béc-ca lừa gạt, tin vào tình bạn của cô đối với mình | | **-** Châm biếm đối với nhân vật A-mê-li - a và phản ánh quan điểm của người kể chuyện về sự ngây thơ và thiếu suy nghĩ của cô. |
| **c** | *Mỗi khi xuống nhà ăn cơm. …đôi ngựa xám của mình).*  *(*Uy- li-am Thác –cơ –rây*, Hội chợ phù hoa)* | | |
| *Giô thật là một con hươu đầu đàn lẫm liệt, vì anh ta ngồi rất bình thản trên xe tự điều khiển lấy đôi ngựa xám của mình:* Với giới thượng lưu Anh thế kỉ XIX thì chuyện tự điều khiển xe ngựa là chuyện bình thường, nhưng với Giô thì việc điều khiển xe lại “lẫm liệt” vì anh ta quá béo, lười biếng và thụ động | | - Tăng cường sự hiểu biết của độc giả về tính cách nhân vật;  - Phản ánh bản chất của xã hội thượng lưu;  - Tạo tính hài hước. châm biếm. |
| **d** | *Tri phủ Xuân Trường được mấy niên,*  *Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.*  *Chữ “thôi” chữ “cứu” không phê đến,*  *Ông chỉ quen phê một chữ “tiền”!*  *(*Trần Tế Xương*, Bỡn tri phủ Xuân Trường)* | | |
| - Sử dụng từ ngữ mỉa mai: Chữ “thôi” “cứu” những vấn đề mà quan chức như tri phủ nên quan tâm. Tuy nhiên vị tri phủ này không quan tâm tới những vấn đó mà ông chỉ quan tâm đến chữ “tiền”, ông chỉ quen làm việc bằng tiền. | - Phơi bày và phê phán: sự nhiễu nhương, thối nát của xã hội giấu dưới vẻ ngoài bình thường, êm ả.  - Châm biếm, mỉa mai, tạo hiệu quả hài hước. | |

**Bài tập 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Biểu hiện** | **Tác dụng** |
| **a** | *Thôi! Tôi đã nhất định…tôi nhất định thủ tiết với hai ông chồng*  *(*Vũ trọng Phụng, *Số đỏ)* | |
| Nghịch ngữ được thể hiện qua từ ngữ *“****thủ tiết****” với “****hai ông chồng****”.* Từ *“thủ tiết”* dùng để chỉ sự trong trắng và giữa gìn nhân cách nhưng lại được dùng để chỉ một tình huống trớ trêu, không đúng đắn (mối quan hệ không trong sáng của nhân vật “tôi” với cả *“hai ông chồng”* | - Khắc sâu bản chất các nhân vật, nhấn mạnh sự phi lí và mâu thuẫn trong xã hội.  - Tăng tính hài hước, khiến người đọc phải suy nghĩ về những chuẩn mực xã hội về giá trị đạo đức thực sự và sự trung thực trong cuộc sống. |
| **b** | *Tôi xin chịu một hình phạt êm đềm:…bằng một cái hôn trìu mến”*  *(*Sếch- xpia, *Rô-mê-ô và Ju-li-ét)* | |
| - Nghịch ngữ thể hiện qua việc kết hợp các từ ngữ “hình phạt” và “êm đềm”: Rô-mê-ô muốn xin lỗi Giu-li-ét bằng cách hôn tay nàng, nhưng anh rất hạnh phúc khi được thực hiện “hình phạt” này. | - Biện pháp này tạo nên cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo, gây ấn tượng mạnh với người đọc. |

**Bài tập 3.**

Trong hai ngữ liệu đã cho, ngữ liệu a sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa thể hiện trong cách nói nghịch ngữ, biểu thị thái độ mỉa mai, giễu cợt của người viết trước sự nghịch lí của nhân vật “tôi”. Trường hợp b không thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm; vì vậy, không gọi là nói mỉa.

Căn cứ nhận định:

+ Bối cảnh và ngữ cảnh của câu nói: Tác giả sử dụng cách nói mỉa để phản ánh và phê phán lối sống giả tạo trong xã hội lúc bấy giờ.

+ Mục đích của lời nói: Bộc lộ sự châm biếm với những chuẩn mực đạo đức giả mạo và sự đạo đức giả của nhân vật.

+ Tác dụng của lời nói: Châm biếm, mỉa mai, hài hước.

**TIẾT 6. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**NGÀY 30 TẾT**

**(Trích *Mùa lá rụng trong vườn* – Ma Văn Kháng)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**:  - Ma Văn Kháng tên thật là Đinh Trọng Đoàn, ông sinh năm 1936 tại Đống Đa, Hà Nội.  - Trong kháng chiến chống Mỹ, ông đến vùng cao miền Bắc để dạy học.  - Năm 1976, ông chuyển về Hà Nội và giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành báo chí, văn học nước nhà,...  **2. Tác phẩm**: Mùa lá rụng trong vườn là một tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng, hoàn thành vào tháng 12 năm 1982 và được xuất bản lần đầu vào năm 1985. |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nhân vật chị Hoài**  **a. Những hành động, lời nói của nhân vật Hoài:**  - Ăn mặc giản dị, gương mặt nhân hậu với nụ cười tươi tắn.  - Xởi lởi, vui vẻ hỏi thăm từng người trong gia đình chồng cũ, quan tâm từng chuyện buồn vui của từng thành viên trong gia đình cũ của mình.  - Đều đặn, viết thư hỏi thăm các em chồng và bố chồng.  - Dù bận rộn vẫn cố gắng thu xếp về an ủi gia đình chồng cũ khi có chuyện không vui.  - Mang theo những món đặc sản giản dị nhưng chứa đựng sự quan tâm, chăm sóc từ những gì nhỏ nhất.  -> Nhân vật Hoài là một người phụ nữ đảm đang khéo léo, giàu tình cảm và mạnh mẽ làm chủ số phận của mình. Đó là kiểu phụ nữ truyền thống, ân tình, thủy chung, là kiểu người lưu giữ những nét đẹp ngàn đời qua những biến thiên dữ dội của thời đại.  **b. Gia đình mới của chị Hoài**  Những chi tiết về gia đình mới của chị Hoài: Chồng mới và các con chị luôn ủng hộ chị về thăm gia đình cũ, thậm chí con chị còn nhét quà vào tay nải, giục chị đi nhanh, đòi đi thăm gia đình ông Bằng, còn nói về ông Bằng và các em chồng cũ của mẹ như chính ôngvà các cô chú của mình. Từ đó, có thể thấy gia đình mới của chị Hoài rất tôn trọng quá khứ của chị và cũng yêu quý gia đình cũ của chị như bản thân chị.  **c. Tình cảm của mọi người với chị Hoài**  - Ông Bằng sững người, xúc động khi nhìn thấy chị Hoài, ân cần hỏi thăm gia đình mới của chị.  - Lý ôm chầm chị Hoài, nức nở.  - Phượng reo lên, mừng rỡ nắm tay chị Hoài, mắt ngấn lệ khi thấy đôi gót chân nứt nẻ của chị Hoài.  - Mọi người dồn dập hỏi thăm sức khỏe, gia đình và những công việc thường ngày.  ⇒ Mọi người rất yêu thương và tôn trọng chị, vẫn coi chị là chị dâu cả trong nhà.  **2. Cảnh ngày Tết**  - Ông Bằng chỉnh lại trang phục, thành kính thắp hương khấn vái tổ tiên và những người đã mất.  - Luận biến sắc khi thấy cha bỏ qua tên em trai.  - Lý khéo léo chuẩn bị mâm cỗ, tự hào khoe biết khấn đúng bài kinh Phật.  - Chị Hoài nhìn đăm đăm lên bàn thờ, thế chân ông cụ sau khi ông lui ra.  ⇒ Dù thời đại có thay đổi thì truyền thống văn hóa của người Việt Nam vẫn luôn tồn tại, sống mãi trong từng bữa cơm, từng câu khấn Tết, sự tưởng nhớ về những người đã mất, sự quan tâm chăm sóc của các thành viên gia đình với nhau,…  **3.** **Ý nghĩa**  Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm: Cần phải bảo vệ những giá trị truyền thống về văn hóa gia đình trước những biến chuyển của thời cuộc. |
|  | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Qua đoạn trích, người đọc cảm nhận được những nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, để không đánh mất chính mình trước sự tác động của nền kinh tế thị trường.  **2. Nghệ thuật**: cách kể chuyện tự nhiên, miêu tả nội tâm nhân vật tế, sâu sắc. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Chia sẻ nhận thức của cá nhân HS về ngày Tết cổ truyền của dân tộc.  chia sẻ suy nghĩ cá nhân về vai trò và ý nghĩa của ngày Tết cổ truyền của dân tộc. Chia sẻ về tết tại địa phương em bằng nhiều hình thức (thuyết trình, tranh vẽ,…) | |

**TIẾT 7. VIẾT**

**VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰA ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Yêu cầu và kiểu bài**  **Kiểu bài:** Báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội là kiểu bài viết trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát vấn đề xã hội đó của bài tập dự án.  **Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Nội dung báo cáo trình bày chính xác, đầy đủ kết quả thực hiện của bài tập dự án.  - Ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học.  - Sử dụng hợp lí sơ đồ, bảng biểu để trình bày kết quả của dự án; thuyết minh các hình ảnh minh họa một cách rõ ràng, phù hợp.  - Trình bày trích dẫn, cước chú và tài liệu tham khảo đúng quy cách.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo các phần:  + Mở đầu: Giới thiệu thông tin khái quát về dự án (tên dự án, hình thức của dự án, mục tiêu, nhiệm vụ, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các sản phẩm cần thực hiện, thời gian thực hiện).  + Nội dung nghiên cứu: Trình bày chi tiết, rõ ràng các kết quả nghiên cứu của dự án.  + Kết luận: Khái quát những nội dung chính từ kết quả nghiên cứu của dự án; nêu giải pháp hoặc vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. |
|  | **II. Bài viết tham khảo**  **Câu 1 (trang 53 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Nhận xét về mức độ đáp ứng yêu cầu bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội trong văn bản trên.  **Trả lời:**  Ngữ liệu tham khảo đáp ứng tất cả các yêu cầu về bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội vì có đầy đủ ba phần: mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận. Ngoài ra, bài báo cáo cũng trình bày danh mục tài liệu tham khảo.  **Câu 2 (trang 53 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Phần mở đầu của văn bản trình bày những nội dung gì?  **Trả lời:**  Phần mở đầu giới thiệu đầy đủ các thông tin khái quát về dự án như: tên dự án, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, hình thức của dự án, nhiệm vụ, sản phẩm của bài tập dự án, thời gian thực hiện.  **Câu 3 (trang 53 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Phần nội dung nghiên cứu trình bày sản phẩm của dự án như thế nào?  **Trả lời:**  Phần nội dung nghiên cứu trình bày ngắn gọn khái niệm “hứng thú” để làm cơ sở tiến hành nghiên cứu; trình bày chi tiết, rõ ràng các kết quả nghiên cứu của dự án (có lí giải và bằng chứng): thực trạng đọc hiểu văn bản đọc mở rộng theo thể loại thực trạng đọc các đoạn trích của Truyện Kiều ngoài SGK và mức độ mong muốn đọc, tìm hiểu toàn văn tác phẩm Truyện Kiều của HS khối 11 trường X.  **Câu 4 (trang 53 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Phần trích dẫn, tài liệu tham khảo và cước chú được sử dụng trong văn bản có chức năng gì?  **Trả lời:**  Phần trích dẫn trong VB có chức năng trình bày khái niệm hứng thú. Phần cước chú có chức năng cung cấp thông tin tên của VB1 là Trao duyên. Phần tài liệu tham khảo bên dưới VB có chức năng cung cấp danh mục tài liệu mà người viết đã tham khảo trong quá trình thực hiện dự án và viết báo cáo kết quả bài tập dự án.  **Câu 5 (trang 53 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Người viết trình bày những nội dung gì ở phần kết luận?  **Trả lời:**  Ở phần kết luận, người viết đã khái quát những nội dung chính từ kết quả thực hiện bài tập dự án và đề xuất một số giải pháp để giải quyết vấn đề.  **Câu 6 (trang 53 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Người viết đã sử dụng những phương tiện phi ngôn ngữ nào trong văn bản? Từ đó, bạn rút ra những lưu ý gì khi sử dụng các phương tiện hỗ trợ ấy trong bài báo cáo kết quả của bài tập dự án?  **Trả lời:**  - Một số phương tiện phi ngôn ngữ mà người viết sử dụng trong văn bản là biểu đồ, bảng biểu và sơ đồ.  - Một số lưu ý:  + Sử dụng hợp lí các sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu để trình bày kết quả thực hiện dự án.  + Thuyết minh các hình ảnh minh họa sử dụng trong báo cáo một cách rõ ràng, phù hợp.  + Nêu nguồn dẫn của các phương tiện phi ngôn ngữ nếu dẫn lại từ các nguồn khác. |

**TIẾT 8. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Bước 1.**  Câu hỏi định hướng hoạt động nói:  + Việc chuẩn bị trước khi nói là bao gồm những công việc nào?  + Vì sao phải có bước chuẩn bị trước khi nói?  + Việc kết hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ khi nói có những ưu điểm, hạn chế gì?  + Phương tiện phi ngôn ngữ có tác dụng gì khi nói?  Câu hỏi định hướng hoạt động trao đổi, đánh giá:  + Học sinh nào đã đưa ra ý kiến ​​một cách rõ ràng và logic?  + Điểm mạnh trong bài trao đổi của nhóm bạn là gì?  + Có điểm nào mà bạn nghĩ nhóm có thể cải thiện trong buổi trao đổi này không?  + Ai trong nhóm đã đưa ra câu hỏi hay để chia sẻ ý kiến ​​của mình?  + Nhóm/ cá nhân học sinh thực hiện hoạt động đã lắng nghe và phản hồi tích cực những ý kiến ​​của người khác chưa?  + Theo bạn như thế nào là nghe hợp lí?  + Tại sao hoạt động nói và nghe cần có bước trao đổi đánh giá?  - Trên cơ sở nội dung phỏng vấn, lớp sẽ quan sát, nhận xét bổ sung, sau khi kết thúc hoạt động. | **Các bước thực hiện của hoạt động nói và nghe**  ***\* Chuẩn bị nói:***  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian.  - Tìm ý và lập dàn ý (Thực hiện ở hoạt động viết)  - Chuyển nội dung bài viết thành bài nói. Cần chú ý:  + Đảm bảo cấu trúc bài nói  + Lựa chọn những luận điểm trọng tâm/tâm đắc để trình bày.  + Cân nhắc nội dung với thời gian nói được giao.  - Xác định các phương tiện hỗ trợ, dự kiến nội dung phản biện.  - Luyện nói  ***\* Trình bày bài nói***  - Theo dàn ý  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ  - Tương tác với người nghe.  ***\* Trao đổi và đánh giá***  - Cầu thị, nghiêm túc.  - Tập trung vào vấn đề quan trọng.  **-** Dựa trên các tiêu chí cụ thể có trong bảng kiểm để tự đánh giá và đánh giá bài của bạn. |
|  | Dàn ý bài nói chuẩn bị trước ở nhà dựa trên bài viết đã có ở tiết trước. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp. | |

**TIẾT 9. ÔN TẬP**

**Phụ lục giải bài tập**

**Câu 1 (trang 57 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Bạn hình dung như thế nào về đời sống thành thị trong các đoạn trích đã học? Liên hệ và so sánh với đời sống thành thị ngày nay.

**Trả lời:**

\* Hình dung của em về đời sống thành thị trong các đoạn trích đã học:

 - Văn bản “Hai quan niệm về gia đình và xã hội”: nhịp sống sôi động, với sự giao thoa văn hóa Tây Âu vào Việt Nam.

- Văn bản “Ở Xa-Van”: Nơi có nhiều tầng lớp sống khác nhau, với nhiều mối quan hệ phức tạp. Nơi con người ta phải sống giả tạo với bản thân để đi lên.

- Văn bản “Áo dài đầu thế kỉ XX”: Nơi thời trang phát triển.

- Văn bản “Ngày 30 Tết”: Nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống, tốt đẹp từ bao đời.

\* Liên hệ với đời sống thành thị ngày nay: Đời sống thành thị ngày nay đang phát triển mạnh mẽ và đa dạng ở Việt Nam. Các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM đang trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa và giáo dục của đất nước. Người dân thành thị có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận với các dịch vụ, công nghệ và tiện ích hiện đại. Tuy nhiên, đây cũng là nơi đi đầu trong tiếp nhận và phát triển cái mới, là nơi giao thoa giữa truyền thống và hiện đại và dù ở bất kì thời kì nào, giá trị truyền thống vẫn luôn được giữ gìn, đề cao, tôn vinh và phát triển.

**Câu 2 (trang 57 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Kẻ bảng so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa tiểu thuyết trung đại và tiểu thuyết hiện đại.

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tiểu thuyết trung đại** | **Tiểu thuyết hiện đại** |
| Giống nhau | - Cả hai thể loại đều tập trung vào việc phản ánh cuộc sống xã hội và tâm lý con người.  - Chúng đều sử dụng các nhân vật, tình tiết và thông điệp để khai thác và phân tích sâu sắc về con người và xã hội. | |
| Khác nhau | - Sử dụng cả chữ Hán và chữ Nôm  - Chú trọng vào việc mô tả chi tiết và sự việc  - Cốt truyện của tiểu thuyết trung đại thường đơn giản và đơn tuyến, phát triển theo trình tự thời gian.  - Nhân vật trong tiểu thuyết trung đại thường được xây dựng đơn giản hơn, tập trung vào chi tiết và sự việc. | - Được viết bằng chữ Quốc ngữ.  - Tập trung vào việc khai thác thế giới bên trong của nhân vật, như tâm trạng, cảm xúc và sự biến đổi tinh vi trong nhận thức của con người.  - Kể theo trình tự thời gian tuyến tính hoặc đảo lộn thời gian, theo sự phát triển của tâm lí nhân vật.  - Nhân vật trong tiểu thuyết hiện đại được xây dựng phức tạp hơn, đa dạng trong suy nghĩ, cảm xúc và đấu tranh với chính mình để hoàn thiện bản thân. |

**Câu 3 (trang 57 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nói mỉa trong trường hợp sau:

Người chết, sau khi được quan trên khám qua loa, đã được khâm liệm đến gần một ngày rồi, vậy mà chưa thấy cụ Hồng ra lệnh phát phục, mặc dầu mọi công việc cử

hành tang lễ đã quyết định xong xuôi. Phái trẻ, nghĩa là bọn dâu con, đã bắt đầu la ó lên rằng phái già chậm chạp. Cậu tú Tân thì cứ điên người lên vì cậu đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không dùng đến. Bà Văn Minh thì sốt cả ruột vì mãi không được mặc những đồ xô gai tân thời, cái mũ mấn trắng viền đen - dernières créations'!

(Vũ Trọng Phụng, Số đỏ)

**Trả lời:**

- Biện pháp nói mỉa: hành vi và tư duy không tôn trọng, cợt nhả đối với người chết trong tang lễ của một số nhân vật.

- Tác dụng:

+ Phản ánh sự cợt nhả, lố bịch của những người tham gia buổi tang lễ. Họ không quan tâm và dành tình cảm cho người chết, mà chỉ quan tâm đến những điều vô nghĩa mà họ thích.

+ Lên án những hành vi không tôn trọng đối với người chết trong tang lễ.

**Câu 4 (trang 57 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Bạn hãy rút ra những điều cần lưu ý khi:

- Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

- Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

**Trả lời:**

- Khi viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội, có một số điều cần lưu ý.

+ Đầu tiên, bạn nên bắt đầu báo cáo bằng việc giới thiệu vấn đề xã hội mà bạn đã nghiên cứu.

+ Sau đó, trình bày các phương pháp và quy trình bạn đã sử dụng để thu thập dữ liệu và phân tích kết quả. Bạn cũng nên đưa ra những kết luận và đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề xã hội đó.

+ Cuối cùng, hãy chú ý đến cách trình bày báo cáo, bao gồm việc sắp xếp thông tin một cách logic và sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chính xác.

- Lưu ý khi trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội: tóm tắt ngắn gọn các nội dung chủ yếu của bản báo cáo, bao gồm cả phần thảo luận và gợi ý cho người nghe. Có slide trình chiếu hoặc poster minh họa nếu thấy cần thiết để người nghe dễ theo dõi, hình dung.

**Câu 5 (trang 57 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Thực hiện dự án nghiên cứu về một vấn đề xã hội được đặt ra từ tác phẩm văn học và viết báo cáo kết quả.

**BÀI 8 – HAI TAY DỰNG MỘT SƠN HÀ**

**(TÁC GIA HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)**

**TIẾT 1. TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| + **Nhiệm vụ 1**: Đọc phần *Tri thức Ngữ văn* và thiết kế một infographic giới thiệu về tiểu sử tác giả Hồ Chí Minh, trong đó sử dụng sơ đồ dòng thời gian (timeline) để thể hiện các mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời của Người.  *+* **Nhiệm vụ** **2**: đọc phần *Tri thức Ngữ văn*, giới thiệu quan điểm sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh, sưu tầm thêm ví dụ để làm sáng tỏ quan điểm sáng tác này (1 ví dụ/ 1 quan điểm s*áng tác).*  *+* **Nhiệm vụ 3:**HS đọc phần *Tri thức Ngữ văn*, giới thiệu di sản văn học của tác giả Hồ Chí Minh theo bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thể loại** | **Tác phẩm tiêu biểu** | **Đóng góp/Giá trị** | | Văn chính luận |  |  | | Truyện và kí |  |  | | Thơ ca |  |  |   + **Nhiệm vụ 4:**Đọc phần *Tri thức Ngữ văn* giới thiệu phong cách sáng tác của tác giả Hồ Chí Minh.  **+ Nhiệm vụ 5 (Nhóm 5):** Hoạt động tìm hiểu các thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận  ***\** Giao nhiệm vụ HT:** đọc *Tri thức Ngữ văn*, đánh dấu những ý chính, từ khoá và trả lời các câu hỏi sau:  – *Thao tác nghị luận là gì?*  – *Có những loại thao tác nghị luận nào? Đặc điểm của từng loại thao tác nghị luận là gì?*  – *Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận là gì?*  – *Trong quá trình đọc hiểu VB nghị luận, việc nhận ra và phân tích cách tác giả sử dụng thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm có tác dụng gì?* | **I. Tác gia Hồ Chí Minh**  **1. Vài nét về tiểu sử**  - Sinh ngày 19/5/1890 trong gia đình nhà Nho nghèo yêu nước.  - Năm 1910 dạy học tại Huế  - Ra đi tìm đường cứu nước 1918  - Năm 1919 tại Hội nghị hoà bình họp ở Véc-xây bản yêu sách Quyền các dân tộc.  - Từ 1923-1941 chủ yếu hoạt động ở Liên Xô.  - Đầu 1941, Người về nước thành lập mật trận Việt Minh.  - Tháng 8 năm 1942 trong chuyến đi sang Trung Quốc bị giam cầm 14 tháng. Ra tù về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng.  - Ngày 2 tháng 9 năm 1945 đọc bản tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình.  **2. Quan điểm sáng tác văn học**  - Người coi văn học là một vũ khí chiến đấu phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.  - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thực và tính dân tộc của văn học.  - Người luôn chú ý đến mục đích và đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm.  **3. Di sản văn học**  **a. Văn chính luận**  - **Mục đích**: đấu tranh chính trị, tấn công trực diện kẻ thù, thực hiện nhiệm vụ cách mạng của dân tộc.  - **Nội dung:** lên án thực dân Pháp, kêu gọi người nô lệ liên hiệp lại.  - **Tác phẩm tiêu biểu**: *Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến...*  **b. Truyện và kí**  Hầu hết viết bằng tiếng Pháp, xuất bản tại Paris (1922 - 1925): *Pari* (1922), *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922), *Con người biết mùi hun khói* (1922), *Vi hành* (1923), *Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu* (1925)...  **c. Thơ ca**  - Có giá trị nổi bật trong sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh.  - Tác phẩm: *Nhật kí trong tù, Thơ Hồ Chí Minh, Thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh*  **4. Phong cách nghệ thuật**  **a. Tính phong phú, đa dạng**  - **Văn chính luận**: Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, giàu tính luận chiến, đa dạng bút pháp.  - **Truyện và kí**: Giàu tính chiến đấu, đậm chất trí tuệ, nghệ thuật trào phúng sắc bén và rất hiện đại.  - **Thơ ca**: Thơ tuyên truyền: giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại. Thơ nghệ thuật: cổ điển mà hiện đại.  **b. Tính thống nhất**  Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản vô giá, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng của Người.  **5. Kết Luận**  Thơ văn Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá và là một bộ phận không thể tách rời sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Thơ văn của Người phản chiếu tâm hồn của một nghệ sĩ lớn, chứa chan tình yêu nước, trân trọng sự sống thiêng liêng của con người, thiên nhiên và tạo vật,... Đó là một sự nghiệp văn học đa dạng mà thống nhất, không chỉ có tác dụng to lớn đối với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam mà còn có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn học và đời sống tinh thần của dân tộc.  **II. Thao tác nghị luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận**  ***Thao tác nghị luận là*** những kĩ thuật lập luận được sử dụng để nội dung văn bản nghị luận hoàn chỉnh, thuyết phục. Các thao tác nghị luận gồm:  - **Chứng minh**: Trình bày các bằng chứng để làm sáng tỏ luân điểm.  - **Giải thích**: Nêu định nghĩa cho các khái niệm được sử dụng trong văn bản, nhằm thống nhất cách hiểu về khái niệm giữa người viết và người đọc.  - **Bình luận**: Thể hiện ý kiến, quan điểm khen, chê, đồng tình hay phản đối của người viết đối với vấn đề nghị luận.  - **So sánh**: Đặt hai đối tượng trong mối tương quan để nhận ra điểm tương đồng, khác biệt.  - **Phân tích**: Chia nhỏ đối tượng cần bàn để xem xét đặc điểm của từng phần, từng bộ phận, sau đó khái quát đặc điểm chung của đối tượng.  - **Bác bỏ**: Chỉ ra, phân tích sự sai lầm trong các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người khác đưa ra.  ***Ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận*** thể hiện qua cách lựa chọn và sử dụng từ ngữ, kiểu câu khẳng định, câu phủ định, các biện pháp tu từ,... để thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết, từ đó khơi gợi sự đồng cảm nơi người đọc.  Việc nhận ra và phân tích cách tác giả sử dụng, kết hợp các thao tác nghị luận, ngôn ngữ biểu cảm sẽ giúp bạn lí giải được sức thuyết phục, tác động của văn bản nghị luận, từ đó có cơ sở để hiểu sâu sắc hơn nội dung của văn bản. |

**TIẾT 2. VĂN BẢN ĐỌC**

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

**(Hồ Chí Minh)**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Hoàn cảnh ra đời**  **a. Hoàn cảnh rộng (Hoàn cảnh quốc tế)**  - Chiến tranh thế giới thứ II vừa kết thúc, tình hình chính trị thế giới có nhiều thay đổi.  - Hồng quân Liên xô đánh bại phát xít Nhật quân Đồng minh thắng lợi, quân Anh tiến hành giải giáp vũ khí quân đội Nhật.  - Ở nước ta, phía Bắc quân Tưởng Giới Thạch lăm le xâm chiếm. Pháp tuyên bố với thế giới, Đông Dương là thuộc địa của Pháp nhưng bị Nhật giành, vì vậy khi Nhật hàng, Pháp có quyềnquay lại Đông Dương, quay lại Việt Nam. Miền Nam, Anh và Mĩ lăm le xâm chiếm. Tình hình nước ta vào thế “ngàn cân treo sợi tóc”.  **b. Hoàn cảnh hẹp (Hoàn cảnh trong nước)**  - Sau khởi nghĩa 19/8/1945, quân và dân ta đã liên tiếp đứng lên khởi nghĩa trong cả nước, giành được chính quyền sau một tuần lễ. Ngày 19/8/1945 chính quyền về tay nhân dân.  - Ngày 26/8/1945, chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội, tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Bác soạn thảo văn bản “Tuyên ngôn độc lập”.  - Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, Hồ Chủ Tịch thay mặt Chính phủ đọc “*Tuyên ngôn độc lập*” trước hàng chục vạn đồng bào.  **3. Đối tương, mục đích sáng tác**  **a. Đối tượng**  - Đồng bào cả nước.  - Nhân dân tiến bộ trên thế giới.  - Kẻ thù xâm lược: Thực dân Pháp và các thế lực thù địch khác.  **b. Mục đích**  - Khẳng định và tuyên bố nền độc lập của dân tộc ta.  - Kêu gọi sự ủng hộ đồng tình của nhân dân trên toàn thế giới.  - Vạch trần và bác bỏ những luận điệu xảo trá, sai lầm của Pháp tại Đông Dương.  - Thể hiện niềm tự hào dân tộc và nêu cao ý chí quyết tâm giành độc lập cho dân tộc.  **3. Chủ đề**  Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, đưa ra lập luận để khẳng định và tuyên bố về quyền con người gắn liền với quyền tự do độc lập của dân tộc. |
| * 1. **Đọc hiểu văn bản: Cơ sở pháp lí** | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Cơ sở pháp lí**  (Tham khảo bảng ghi chép ở phụ lục) |
| * 1. **Đọc hiểu văn bản: Cơ sở thực tiễn**   1. Bản cáo trạng tội ác kẻ thù  2. Quá trình đấu tranh giành độc lập | **II. Đọc hiểu văn bản**  **2. Cơ sở thực tiễn**  (Tham khảo bảng ghi chép ở phụ lục) |
| **2.2 Đọc hiểu văn bản: Lời tuyên bố độc lập**  : Nhận xét nghệ thuật lập luận ở đoạn cuối văn bản và cho biết lời tuyên bố của tác giả có ý nghĩa như thế nào? | **II. Đọc hiểu văn bản**  **3. Lời tuyên bố độc lập**  **a. Tuyên bố với thực dân Pháp**  - Hoàn toàn thoát li quan hệ với thực dân Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã đem kí về Việt Nam, xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.  - Toàn dân Việt Nam kiên quyết chống lại âm mưu của Thực dân Pháp.  **b. Tuyên bố với Đồng minh**  - Đồng minh đã công nhận quyền tự do bình đẳng ở các hội nghị quốc tế như Tê-hê-răng hay Cựu Kim Sơn thì không lí gì lại không công nhận.  - Dân tộc đã đứng về phe Đồng minh chống phát xít thì  “*Dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập*!” dân tộc ta.  **c. Tuyên bố với thế giới**  “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng , tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”. |
| * **Câu 1.** Theo em, những yếu tố nghệ thuật nào đã giúp Tuyên ngôn Độc lập trở thành một áng văn chính luận bất hủ? * **Câu 2.** Giá trị lịch sử to lớn của Tuyên ngôn Độc lập được thể hiện như thế nào? * **Câu 3.** Em học được gì từ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh? | **Câu 1. Những yếu tố nghệ thuật đã giúp Tuyên ngôn Độc lập trở thành một áng văn chính luận bất hủ:**   * Hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. * Giọng điệu đanh thép. * Ngôn ngữ hùng hồn, sắc bén. * Sử dụng yếu tố biểu cảm, linh hoạt. * Sử dụng tính phủ định và khẳng định phù hợp trong văn bản nghị luận.   **Câu 2.** Giá trị lịch sử to lớn của Tuyên ngôn Độc lập được thể hiện qua việc tái hiện sinh động những sự kiện lịch sử đã xảy ra sau ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố quyền độc lập; qua đó cảnh báo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang có âm mưu xâm lược nước ta.   * Tuyên bố chấm dứt chế độ phong kiến ở nước ta hơn 1.000 năm, hơn 80 năm xâm lược của thực dân Pháp và 5 năm giày xéo của phát xít Nhật. * Khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. * Chống lại âm mưu tái chiếm Việt Nam của thực dân và ý đồ can thiệp vào nước ta của một số nước đế quốc khác; khẳng định vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Độc lập, tự do đã đem đến cho con người những giá trị và lợi ích như thế nào? Đặc biệt đã đem đến cho dân tộc Việt Nam những thành quả lớn lao ra sao?  Con hãy tìm ít nhất 1 dẫn chứng cụ thể để chứng minh điều đó. (Hoặc có thể phản bác luận điểm nếu thấy chưa phù hợp. Nêu rõ lí do). | |

***Phụ lục 2. Bảng biểu***

**1.  CƠ SỞ PHÁP LÍ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mở: *Hỡi đồng bào cả nước* | - Tiếng gọi hết sức tha thiết “***đồng bào***”  - Thu hút sự quan tâm chú ý của mọi người.  - Xác định đối tượng hướng tới của bản Tuyên ngôn độc lập. | *\* Mở rộng* Từ lời tuyên bố về quyền lợi của con người, Bác suy rộng ra là quyền lợi của dân tộc “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Quả thật: Nếu một người sống trong một dân tộc mất đi quyền độc lập, liệu nhân quyền của người đó còn được đảm bảo hay không?  - Ngoài ra, Bác thể hiện thái độ tự hào, ngầm so sánh và đặt ngang hàng dân tộc ta với Mĩ và Pháp.  + Tuyên ngôn của Mĩ ra đời vào 1776 Mĩ đánh đuổi thực dân Anh.  + Tuyên ngôn của Pháp ra đời sau khi cách mạng Pháp lật đổ chế độ Bảo Hoàng.  + Cũng như vậy, tuyên ngôn độc lập của Việt Nam – như một lẽ thường tình, ra đời khi chúng ta lật đổ chế độ phong kiến cổ hủ, chế độ của phát xít Nhật và thực dân Pháp tàn bạo để giành độc lập cho dân tộc. |
| *Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ và của Pháp* | **Độc đáo**  - Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Mĩ *“ Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”  - Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mang Pháp năm 1791 “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”*  - Hai bản tuyên ngôn ra đời trước đó 2 thế kỉ, được toàn thế giới công nhận về mặt pháp lí và tư tưởng chính nghĩa. Tạo cơ sở vững chắc cho bản Tuyên ngôn độc lập ở Việt Nam. |
| **Khéo léo**  Thể hiện thái độ trân trọng, kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới. |
| **Sâu xa**  - Thái độ kiên cương quyết và bản lĩnh chính trị phi thường ở Người. Lời lẽ của Mĩ và Pháp trong hai bản tuyên ngôn chính là đề cao sự tự do, bình đẳng, bác ái giữa người với người. Nêu cao ngọn cờ của sự tự do, hạnh phúc. Vậy mà hơn 80 năm nay, thực dân Pháp lại sang đô hộ nước ta, cướp đi sự tự do, bình đẳng đó của chúng ta, đế quốc Mĩ lăm le biến nước ta thành thuộc địa phục vụ cho lợi ích của chúng -> Hồ Chí Mình đã chỉ ra sự mâu thuẫn trong lời nói và hành động của Pháp và Mĩ. Dù chỉ trích dẫn xong lại như một đòn chí mạng , “gậy ông đập lưng ông” để lột tả bản chất giả dối của thực dân và đế quốc. |
| **Kết**: *Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được* | - Hình thức câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định.  - Hùng hồn, đanh thép, khẳng định vững vàng cho những lí lẽ và dẫn chứng, đặc biệt là quyền tự do của dân tộc. |  |

**2. CƠ SỞ THỰC TIỄN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tố cáo tội ác kẻ thù**  - Mở đầu là từ “*Thế mà*” cho thấy sự đối lập trong lời nói ở trên và những biểu hiện hành động mà Người sẽ dẫn chứng ở dưới. Cách sử dụng từ “rất ít” mà “rất chặt”.  - Khẳng định hành động của Pháp là trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.  -> Bày tỏ thái độ một cách kiên quyết, phẫn nộ. | Pháp **KHÔNG KHAI HÓA** Việt Nam  **PHÁP TUYÊN BỐ KHAI HÓA VIỆT NAM (HỢP PHÁP HÓA VIỆC XÂM LƯỢC),** NHƯNG **THỰC CHẤT LÀ KHIẾN NƯỚC TA NGÀY CÀNG LẠC HẬU, NGU DỐT**. Điều này được thể hiện trên **BA PHƯƠNG DIỆN**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CHÍNH TRỊ** | **KINH TẾ** | **VĂN HÓA** | | - Tuyệt đối không cho nhân dân ta chút tự do dân chủ nào.  - Thi hành những luật pháp dã man.  - Lập ba chế độ khác nhau ở  Bắc, Trung, Nam để ngăn cản nước ta thống nhất.  - Thẳng tay chém giết người yêu nước, “tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu” (dùng từ sinh động, thể hiện sự dã man, tàn bạo, thâm độc của Pháp).  -> Lời nói nhân từ, hành động thâm hiểm. | - Bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.  - Cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.  - Giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng.  - Thuế vô lí khiến dân cày, dân buôn bần cùng.  - Không cho nhà tư sản ngóc đầu lên.  -> Bóc lột dân ta vô cùng tàn nhẫn. | - Lập nhà tù nhiều hơn trường học.  - Ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.  - Dùng thuốc phiện, rượu cồn làm ta suy nhược nòi giống.  -> Dã tâm độc ác, diệt trừ tận gốc nhân dân ta. | |
| Pháp **KHÔNG BẢO HỘ** Việt Nam  Thông qua các **SỰ KIỆN LỊCH SỬ** mang tính THUYẾT PHỤC   |  |  | | --- | --- | | **Mùa thu năm 1940** | **Ngày 9/3/1945** | | - Phát xít Nhật xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, Pháp hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.  - Hệ quả: Nhân dân ta chịu hai xiềng xích: Nhật và Pháp, càng cực khổ nghèo nàn, từ “*cuối năm ngoái đến đầu năm nay từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn hai triệu đồng bào ta chết đói*”. | - Nhật tước khí giới của quân đội Pháp, Pháp bỏ chạy hoặc xin hàng. Không đáp ứng liên minh chống Nhật của quân ta. Đã thế khi thua chạy, còn giết nốt số đông người tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.  - **Hệ quả**: Bán nước ta cho Nhật **HAI LẦN** | |
| Đông Dương **KHÔNG LÀ THUỘC ĐỊA** của Pháp  SAU KHI NHẬT ĐẦU HÀNG ĐỒNG MINH, PHÁP LẠI MẠNH MIỆNG TUYÊN BỐ ĐÔNG DƯƠNG LÀ THUỘC ĐỊA CỦA PHÁP, nhưng thực chất VIỆT NAM ĐÃ KHÔNG CÒN LÀ THUỘC ĐỊA CỦA PHÁP, bởi BA LÍ LẼ sau:  - Từ mùa thu năm 1940, khi Nhật vào đô hộ Việt Nam, Pháp hàng, bán nước ta cho Nhật thì Việt Nam đã là thuộc địa của Nhật. Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, vì vậy chính quyền đã về tay nhân dân ta.  - Dân ta lấy lại chính quyền từ Nhật chứ không phải là từ Pháp.  - Nhật hàng, Pháp chạy vua Bảo Đại thoái vị, kết thúc xiềng xích chính trị: phát xít, thực dân và phong kiến để lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa. |
| **NHẬN XÉT: CHỈ QUA MỘT ĐOẠN VĂN, TA CÓ THỂ DỄ DÀNG NHẬN THẤY DÃ TÂM, THỦ ĐOẠN VÀ HÀNH ĐỘNG ĐỘC ÁC, DỐI TRÁ CỦA THỰC DÂN PHÁP**  *“Miệng bảo hộ mà tay bóc lột*  *Mặt nhân từ mà ruột hiểm sâu”* | |
| **Khẳng định sự thật và nêu cao chính nghĩa dân tộc** | - Sau tất cả sự dối trá, lừa lọc của thực dân Pháp, dân tộc ta vẫn có thái độ khoan nhường “Sau cuộc biến động ngày 9.3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ”  - Chịu đau thương mà vẫn hiên ngang, lí tưởng cao đẹp.  *“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn*  *Lấy chí nhân để thay cường bạo”* |

**TIẾT 3. VĂN BẢN ĐỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  *Vấn đề 1. Tìm hiểu bố cục bài thơ*  *Vấn đề 2. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp trong hai dòng thơ đầu*  *Vấn đề 3. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh trong hai dòng thơ cuối*  *Vấn đề 4. Tìm hiểu tâm hồn, phong thái, đặc điểm sáng của của tác giả Hồ Chí Minh thể hiện trong bài thơ* | **1. Bố cục bài thơ**  **Cách chia bố cục thứ nhất**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bố cục** | **Chức năng** | **Với bài thơ** | |  | Khai mơ ý của bài thơ | Đêm rằm tháng Giêng trăng rất tròn, rất đẹp | | Dòng 2: Thừa | Thường làm rõ hơn ý và mạch cảm xúc của phần khai | Sắc xuân của sông, nước, bầu trời chan hoà khắp không gian. | | Dòng 3: Chuyển | Chuyển ý | Xuân đất trời – xuân kháng chiến: bàn việc quân sự giữa nơi khói sóng hư ảo, đêm rằm | | Dòng 4: Hợp | Kết ý | Khuya về, con thuyền chở đầy ánh trăng xuân |   **Cách chia bố cục thứ hai:**  – Hai dòng đầu: Khung cảnh đêm trăng rằm tháng Giêng ngời sắc xuân.  – Hai dòng cuối: Con thuyền bàn việc quân sự, khuya về, chở đầy ánh trăng xuân.  🡪 Chọn tìm hiểu bài thơ theo cách chia bố cục thứ hai.  **2. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh trong hai dòng thơ đầu**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng của bức tranh đêm rằm trong hai dòng thơ đầu** | **Các hình thức nghệ thuật diễn tả đặc trưng ấy** | | Đêm trăng rằm, ánh trăng vằng vặc lan toả khắp không gian. | Hình ảnh “nguyệt chính viên” (trăng vào lúc tròn nhất). | | Không gian mênh mông rộng lớn, trời nước giao hoà. | – Hình ảnh “xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên” (nhấn mạnh vào từ “tiếp” như xoá nhoà đường chân trời) 🡪 Trời và nước giao hoà mở rộng không gian đến vô cùng vô tận, càng cộng hưởng với ánh trăng vằng vặc, lung linh, huyền ảo. | | Sắc xuân cũng tràn ngập khắp không gian. | – Điệp ngữ “xuân giang, xuân thuỷ, tiếp xuân thiên” (sông mùa xuân, nước mùa xuân tiếp liền với trời xuân) 🡪 Sức xuân, sắc xuân cùng với ánh trăng phủ khắp vạn vật, trở thành đặc tính của không gian.  – Vần chân (“viên”, “thiên”, “thuyền”) kết hợp với nhịp 4/3; 2/2/3 đặc trưng của thơ thất ngôn tứ tuyệt  tạo ra âm điệu nhẹ nhàng, thanh tịnh, cổ điển 🡪 Góp phần miêu tả không gian tĩnh lặng, bồng bềnh,  hài hoà, tràn ngập sắc trăng và sắc xuân. |   **3. Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh trong hai dòng thơ cuối**  **a**. **Yên ba thâm xứ đàm quân sự**  - “Yên ba thâm xứ” nghĩa là “giữa thăm thẳm khói sóng”, trong thơ cổ điển thường chỉ đến việc những tao nhân mặc khách lánh xa cuộc đời để giữ gìn sự trong sạch cho tâm hồn. Trong dòng thơ này, “yên ba thâm xứ” gợi đến nơi các chí sĩ cách mạng bàn việc quân – ở giữa dòng sông trong đêm trăng rằm tháng Giêng 🡪 Vừa gợi ra dáng vẻ thanh cao, nhàn tản, thoát tục như các bậc tao nhân mặc khách thuở trước (màu sắc cổ điển); nhưng không lánh đời mà ngược lại, trăn trở giúp đời, hướng đến lí tưởng yêu nước và sự nghiệp cách mạng cứu nước (màu sắc hiện đại).  **-** Cụm từ “đàm quân sự” (bàn bạc việc quân) cho thấy hình ảnh con người trong bức tranh nguyên tiêu là những chí sĩ cách mạng bàn bạc việc quân, mang nặng “nỗi nước nhà”  🡪 Thể hiện đặc trưng của sáng tác Hồ Chí Minh, luôn gắn với sự nghiệp cách mạng, giải phóng dân tộc, coi văn chương là vũ khí trên mặt trận tư tưởng, phục vụ cho lí tưởng cao đẹp ấy.  🡪 Khái quát sự biến chuyển về hình ảnh thơ từ hai dòng thơ đầu sang hai dòng thơ cuối: Hai dòng thơ đầu là bức tranh của thiên nhiên, hai dòng thơ sau là bức tranh của con người; hai câu đầu tả cảnh, hai câu sau tả hoạt động, tất cả là những mảnh ghép làm nên bức tranh nguyên tiêu trọn vẹn.  b. Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền  - “Nguyệt mãn thuyền” gợi ra hình ảnh ánh trăng kì ảo như kết đọng lại thành dòng ánh sáng, hữu hình, gợi cảm, “rót” khắp không gian và tràn ngập thuyền, cho thấy sự liên tưởng, tưởng tượng độc đáo và cảm nhận tinh tế trước vẻ đẹp của trăng. Nếu hiểu là “trăng tràn vào đầy thuyền”, hình dung của người đọc tập trung vào “trăng”, ánh trăng kì ảo lan toả khắp không gian trời, nước, hoà cùng sắc xuân, bức tranh thiên nhiên hiện ra tĩnh và có những khoảng lặng giống như một bức tranh thuỷ mặc được hoạ bằng thơ. Nếu hiểu là “trăng đầy thuyền”, hình dung của người đọc tập trung vào “thuyền” và con người trong bài thơ, gợi ra một tâm thế chủ động nắm bắt thời cuộc giữa vẻ đẹp thiên nhiên kì ảo.  - Bài thơ kết lại bằng hình ảnh “nguyệt mãn thuyền”, tức là kết lại trong ánh sáng kì ảo của trăng 🡪 Tạo ra dư ba vang vọng, như lan toả ánh sáng trong tâm hồn người đọc. Từ đó, làm bật lên tâm hồn của chủ thể trữ tình: yêu thiên nhiên, lạc quan, ung dung, tự tại.  **NHẬN XÉT:** Thơ Hồ Chí Minh thường hướng về ánh sáng, dù bàn bạc việc quân đầy căng thẳng, hệ trọng nhưng tâm thế của chủ thể trữ tình vẫn ung dung, tự tại, có lẽ vì đã thấu triệt được quy luật vận động tất yếu của lịch sử, tin tưởng vào chiến thắng tất yếu của lẽ phải. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Vận dụng một số hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người. | |
|  | **4. Tìm hiểu tâm hồn, phong thái, đặc điểm sáng của của tác giả Hồ Chí Minh thể hiện trong bài thơ**  **-** Phong thái ung dung, tự tại, dạt dào cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên,...  - Nguyên tiêu có sự kết hợp tính chất cổ điển và hiện đại.  + **Tính cổ điển**: Thể hiện qua thể thơ thất ngôn tứ tuyệt; sáng tác thơ chữ Hán tạo sắc thái trang nhã, hoài cổ, đề tài quen thuộc trong thơ cổ (ngắm trăng để bày tỏ tình cảm); thủ pháp chấm phá, hình ảnh con người nơi “yên ba thâm xứ” đầy thanh tao, cao nhã,...  + **Tính hiện đại**: Làm mới các hình ảnh cổ điển (“yên ba thâm xứ”: thanh tao nhưng không lánh đời, trái lại giúp đời, trăn trở về sự nghiệp cứu nước; “nguyệt mãn thuyền” gợi tới “Quá ngọ tỉnh lai, tuyết mãn thuyền” (Ngư nhàn) nhưng mang phong vị lạc quan, tin tưởng của người chí sĩ cách mạng, gắn với lí tưởng cách mạng và tình yêu nước); cách cảm nhận chuyển đổi cảm giác tinh tế, đặc trưng của văn học hiện đại (“nguyệt mãn thuyền” – từ thị giác thành xúc giác, trăng kết đọng lại như nước tràn vào đầy thuyền); hình tượng người chí sĩ cách mạng là trung tâm, không lánh đời mà nhập thế, “bàn việc quân” cứu nước, mang đậm cảm hứng yêu nước, thể hiện lí tưởng cách mạng của chủ thể trữ tình, mang hơi thở thời đại mới. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.  **-**Đọc thêm các bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh | |

**TIẾT 4. ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**GIÁ TRỊ CỦA TẬP “TRUYỆN VÀ KÍ” (NGUYỄN ÁI QUỐC)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Câu 1: Bố cục hai phần:**  - Phần 1: Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) nhìn từ nội dung tư tưởng;  - Phần 2: Giá trị của tập *Truyện và kí* (Nguyễn Ái Quốc) nhìn từ phong cách nghệ thuật.  **Câu 2.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố ngôn ngữ nghị luận** | **Biểu hiện trong văn bản** | **Tác dụng** | | Biện pháp tu từ ẩn dụ | *Trí tưởng tượng của người cầm bút nhờ ngọn gió lãng mạn mà được chắp cánh bay bổng,…* | Thể hiện giá trị thẩm mĩ giàu tính lãng mạn trong hình tượng nghệ thuật của tập *Truyện và kí*. | | Biện pháp liệt kê, trùng điệp | *Hư cấu một cặp tình nhân thủ thỉ, một anh lính dõng tò mò, để lấy cớ tạo nên cảnh huống đả được đau nhất Khải Định, Va-ren cùng đồng bọn đáng ghét, là (tác giả) đều phải mơ cách mạng ngày đêm, ước mong cách mạng mãnh liệt, liên tưởng, tưởng tượng không ngừng về cách mạng,…* | Đưa ra các bằng chứng phong phú, chọn lọc, đa dạng từ các tác phẩm trong tập *Truyện và kí* làm nổi bật nội dung cách mạng trong tập, nhằm tăng cường sức thuyết phục cho luận điểm. | | Từ ngữ đặc sắc, giàu tính biểu cảm | *“đả kích một cách chua cay”*; *“vạch trần bộ mặt gian ác”*; *“giáng một đòn đích đáng”* | Từ ngữ chọn lọc, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ trong tác phẩm *Truyện và kí*. | | Sử dụng câu phủ định, khẳng định | *– Chính người là một vị anh hùng dân tộc. Nhưng Người không nói đến mình, mà cảm phục Phan Bội Châu.*  *– Người suốt đời là tác giả của chỉ một đề tài: đấu tranh cách mạng.*  *– Dùng tiếng Pháp, người nắm ngôn ngữ Pháp vững vàng, sử dụng ngôn ngữ Pháp tế nhị.* | Các kiểu câu khẳng định, phủ định nhấn mạnh sự phong phú và thống nhất, khả năng dung hoà các tính chất đối lập, tính nghệ thuật điêu luyện trong sử dụng ngôn ngữ (tiếng Pháp),… |   **Câu 3:**  **-** Về giá trị nội dung, tư tưởng: Sáu tác phẩm truyện, kí trong tập sách nội dung đều cô đọng mà phong phú, kể chuyện khắp năm châu, trước hết là Việt Nam. Một mặt các tác phẩm “đả kích một cách chua cay – do đó rất mạnh mẽ – vào kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng thuộc địa nói chung, là đế quốc thực dân và bè lũ tay sai phong kiến”, mặt khác cũng “biểu dương tinh thần yêu nước của nhân dân ta, tự hào có một quốc sử “treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn”.  - Về giá trị nghệ thuật, thẩm mĩ:Lối viết “vui, nhẹ, thoải mái, thoạt đọc như mạn đàm, phóng bút, mà chứa đựng một nội dung tư tưởng cao cả và sâu sắc, lại được viết dưới một hình thức văn nghệ dễ tiếp thụ, thấm thía, có một ý nghĩa giáo dục to lớn”. Hình thức đa dạng mà nhất quán, đậm “tính lãng mạn cách mạng” và “phóng khoáng”; “vốn kiến thức cổ kim, đông tây uyên bác”. Không phải chỉ kiến thức học vấn cao xa, mà cả những hiểu biết chi li hằng ngày; thâm nhập tư duy của người Pháp, sử dụng tiếng Pháp nhuần nhị, bút pháp châm biếm vừa mang phong cách cá nhân, vừa mang phong cách hài hước rất Pháp, rất hiện đại.  **Câu 4.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thao tác nghị luận** | **Một số ví dụ trong văn bản** | | 1 | Chứng minh | – *Khi phác hoạ một chân dung vĩ đại và nên thơ như thế, với niềm tin ở tương lai huy hoàng, cũng như khi hư cấu một cặp tình nhân thủ thỉ, một anh lính dõng tò mò, để lấy cớ tạo nên những cảnh huống đả được đau nhất Khải Định, Va-ren cùng đồng bọn đáng ghét, là (tác giả) đều phải mơ cách mạng ngày đêm, ước mong cách mạng mãnh liệt, tưởng tượng không ngừng về cách mạng* 🡪 Đưa bằng chứng để làm sáng tỏ giá trị tư tưởng của tập *Truyện và kí*.  – … | | 2 | Bình luận | *– Bên những câu chuyện dí dỏm hay chua chát tố cáo sắc bén những thủ đoạn cai trị khi tàn bạo, khi quỷ quyệt của thực dân, đây là một thứ ngụ ngôn cổ vũ và hướng dẫn đấu tranh không riêng gì ở nước ta, nhưng lại đậm đà hương vị đồng quê đất Việt* 🡪 Thể hiện thái độ đề cao đối với giá trị của tập *Truyện và kí*.  – … | | 3 | Phân tích | – Thể hiện qua bố cục và mạch lập luận của VB, phân tích giá trị tập *Truyện và kí* trên phương diện giá trị nội dung tư tưởng, giá trị phong cách nghệ thuật.  – … | |

**TIẾT 5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Bài tập 1:**  **a.** Biện pháp nói mỉa: “nửa chính thức hứa”, “giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa”,…  🡪 Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả với lời hứa của ông Va-ren; tạo hiệu quả châm biếm hài hước cho văn bản.  🡪 Làm cho cách diễn đạt trở nên thú vị, gây ấn tượng với người đọc.  **b.** Biện pháp nói mỉa: “Những cu-li xe kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân dẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng,…” được gọi là những “cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương”.  🡪 Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả với cái nhìn của ông Va-ren.  🡪 Tạo hiệu quả châm biếm, làm cho các diễn đạt trở nên thú vị, ấn tượng với người đọc.  **Bài tập 2:**  Việc lặp lại câu “Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù” (chi tiết cụ thể: Việc lặp lại hoàn toàn (câu “*Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.”*ở phần 2 và phần 3) và gần như hoàn toàn các câu (các câu ở phần 1 và phần 2, phần 3)  có tác dụng nhấn mạnh thông tin Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù nhằm tạo sự tương phản với các hoạt động của Va-ren, từ đó bóc trần, lật tẩy “những trò lố” của Va-ren.  🡪 Tạo ra giọng điệu mỉa mai, châm biếm, làm tăng sức biểu cảm trong toàn VB.  **Bài tập 3:**  - Cấu trúc “Về + A, chúng + X”  (1) *Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*  (2) *Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.*  - Về chính trị: cấu trúc “Chúng + X”  (1) *Chúng thi hành những luật pháp dã man.*  (2) *Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.*  (3) *Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học….*  - Về kinh tế: cấu trúc “Chúng + X”  (1) *Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.*  (2) *Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng….*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh thông tin tội ác của thực dân Pháp; Tạo âm hưởng trùng điệp, giọng điệu hùng biện cho VB, từ đó gây ấn tượng mạnh về cảm xúc và nhận thức với người đọc.  - Điệp cấu trúc: “Chúng + X”  cùng với liệt kê một loạt hành động tội ác của thực dân Pháp.  - Tác dụng: Tạo dẫn chứng chặt chẽ, sắc sảo, thuyết phục người đọc, người nghe; khiến người đọc càng hình dung một cách cụ thể sự tàn bạo của thực dân Pháp. |
|  | Linh hoạt bài viết của HS |

**TIẾT 6. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  - Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu được tác giả viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo Người cùng khổ (Le Paria) số 36 - 37, tháng 9, 10/1925 với bút danh Nguyễn Ái Quốc.  - Truyện ngắn lấy cảm hứng từ việc kết nối hai sự kiện diễn ra trong cùng một khoảng thời gian: Va-ren - đảng viên Đảng Xã hội Pháp - chuẩn bị sang Đông Dương nhậm chức Toàn quyền và nhà cách mạng Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt, toan tử hình (sau rút xuống án khổ sai chung thân).  - Thông qua việc kết nối này, cùng lúc tác giả vừa đã kích sự phản bội của Va-ren đối với lí tưởng đấu tranh của Đảng Xã hội Pháp vừa ca ngợi một người con anh hùng của dân tộc Việt Nam.  - Câu chuyện mang tính chất hư cấu, được kể “bằng đôi cánh của trí tưởng tượng” nhưng phản ánh đúng bản chất của các sự kiện có thật và dự báo một tiền đồ không mấy sáng sủa hơn của xứ Đông Dương khi có “ngài” Toàn quyền mới. Viết Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu cũng là một cách Nguyễn Ái Quốc góp tiếng nói từ nước Pháp ủng hộ phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu đang dâng cao tại Việt Nam. |
|  | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm**  **– Nhân vật Va-ren**: Toàn quyền Đông Dương, đảng viên Đảng Xã hội Pháp.  + Hành vi của hắn là hứa sẽ “chăm sóc vụ Phan Bội Châu”, đến tuần du Sài Gòn, dự yến, nhận tưởng lệ, sau đó vào xà lim giơ tay phải ra bắt tay Phan Bội Châu, tay trái nâng gông đang xiết chặt người tù. Nhân vật này có những lời nói xảo trá, nguỵ biện và thái độ ngạo nghễ.  **– Nhân vật Phan Bội Châu**: một chí sĩ yêu nước, đang ở tù. Ông chỉ im lặng.  + Thái độ dửng dưng, khinh bỉ với kẻ thù.  - **Cảm hứng trào lộng thể hiện ở**:  + Nhan đề: “những trò lố” chỉ sự việc không phù hợp với lẽ thường, đáng chế nhạo. Tác giả muốn hạ bệ, chế nhạo một sự kiện chính trị.  + Tình huống: cuộc gặp gỡ giữa hai lực lượng đối địch với nhau, một chí sĩ cách mạng yêu nước và một kẻ đi xâm lược đất nước.  + Xây dựng nhân vật: chân dung hí hoạ về quan Toàn quyền Đông Dương.  + Ngôn ngữ, giọng điệu: châm biếm, mỉa mai  **2. Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm**  Câu chuyện đã vạch trần sự giả dối nguỵ biện của chế độ thực dân, ủng hộ phong trào đòi thả Phan Bội Châu; thể hiện quan điểm đấu tranh cách mạng là tất yếu để giành lại độc lập, tự do và tiêu diệt những kẻ huênh hoang, hợm hĩnh, đàn áp, bóc lột nhân dân ta. Qua đó, tác giả ca ngợi dũng khí, sự khẳng khái, bình tĩnh của Phan Bội Châu trước Va-ren và chế nhạo sự ngạo nghễ, lố bịch, nguỵ biện của kẻ thù. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Lí giải được về một số nét đặc sắc của tác phẩm. | |
|  | **Câu 1.**  có thể lựa chọn một thủ pháp nghệ thuật mà mình thấy ấn tượng nhất để phân tích và lí giải như: đối lập, nhại, chơi chữ, trùng điệp, nói mỉa,…  Ví dụ:  – Thủ pháp nói mỉa: “ông Va-ren đã nửa chính thức hứa”, mỉa mai lời hứa của ông Va-ren; “rậm râu, sâu mắt”, chỉ Va-ren là đồ bất lương,…  – Thủ pháp đối lập: giữa địa vị, lời nói, thái độ, hành động, cử chỉ của Va-ren và Phan Bội Châu. Qua đó, chế giễu sự kệch cỡm, xảo trá của Va-ren và ca ngợi chí khí quật cường của Phan Bội Châu.  **Câu 2.** Kết thúc độc đáo được thể hiện qua những phương diện sau đây:  **– Tính mở:** Mở ra những tình huống mới với sự xuất hiện của anh lính dõng và một nhân chứng khác đã nhìn thấy phản ứng của Phan Bội Châu với Va-ren.  **– Gợi sự tò mò:** Phản ứng của Phan Bội Châu trước những lời thao thao bất tuyệt của Va-ren chỉ là im lặng, hoặc nhếch mép cười, hoặc cười vào mặt cho thấy thái độ kinh thường, không khuất phục trước kẻ thù.  **– Độc đáo về hình thức**: Bao gồm một đoạn Tái bút “T.B. – Một nhân chứng thứ hai…”. Đây là hình thức thường được sử dụng trong viết thư cá nhân. Nhưng trong tác phẩm này lại thể hiện tầm quan trọng trong việc khẳng định khí phách phi phàm của Phan Bội Châu. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Đánh giá và trình bày được suy nghĩ của cá nhân về một truyện ngắn hiện đại.  Viết một kết thúc khác cho câu chuyện và lí giải tại sao em lại lựa chọn kết thúc đó. | |

**TIẾT 7. ĐỌC MỞ RỘNG**

**CẢNH RỪNG VIỆT BẮC**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1 Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  **Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc được sáng tác năm 1947, sau một năm quân ta tạm rút khỏi Hà Nội để lên chiến khu Việt Bắc lập căn cứ suốt chín năm chống lại thực dân Pháp. |
|  | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Khung cảnh thiên nhiên và bức tranh sinh hoạt trong sáu dòng thơ đầu.**  - Ở sáu dòng thơ đầu, chủ thể trữ tình cảm nhận và miêu tả bức tranh thiên nhiên, phong thái sinh hoạt của con người kháng chiến với giọng đùa vui, lạc quan.  - Các cụm tính từ, cụm động từ nhấn mạnh:  “thật là hay”, “... thì mời...”... thưởng chén...”, “tha hồ dạo”, “mặc sức say”; “non xanh, nước biếc”, “rượu ngọt, chè tươi”,... Vượt lên trên thực tế thiếu thốn, gian khổ, tác giả vẫn ung dung, tự tại, với phẩm chất nghệ sĩ và tinh thần lạc quan, tác giả vẫn làm thơ và dùng thơ ca để truyền niềm vui, tinh thần lạc quan đến mọi người.  **2. Các yếu tố hình thức**  - Thể thơ thất ngôn bát cú.  - Các yếu tố hình thức góp phần thể hiện chủ đề, thông điệp của bài:  + Cách gieo vần: vần chân *ay*  + Biện pháp liệt kê hình ảnh miêu tả vẻ đẹp nơi núi rừng Việt Bắc: vượn hót chim kêu; non xanh, nước biếc; rượu ngọt, chè tươi; trăng, hạc, xuân.  + Tác dụng: nhấn mạnh rằng nơi núi rừng Việt Bắc có rất nhiều cảnh đẹp trù phú, thú vị. Thể hiện tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó với thiên nhiên của Bác Hồ.  **3. Chủ thể trữ tình và cảm xúc chủ đạo**  - Chủ thể trữ tình trong bài thơ là “ta”, xuất hiện dưới dạng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, số nhiều; căn cứ xác định chủ thể trữ tình: dựa vào đại từ nhân xưng (“ta”, xuất hiện ở dòng thơ thứ bảy) và tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bải thơ.  - Bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc” của Hồ Chí Minh được viết vào mùa xuân năm 1947. Sau một năm quân ta tạm rút khỏi thủ đô Hà Nội để lên núi rừng bạt ngàn Việt Bắc, Bác Hồ lập căn cứ làm cuộc trường kỳ kháng chiến thần thánh chín năm chống thực dân Pháp. Đây là lần thứ hai, Bác Hồ và Trung ương Đảng sống, làm việc tại căn cứ địa Việt Bắc để lãnh đạo cách mạng.  - Bài thơ miêu tả cuộc sống trong chiến khu Việt Bắc với núi rừng, chim muông, và sự giản dị, lạc quan của Bác Hồ. Trong bài thơ, Bác Hồ tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên, cảm nhận sự tự do và hạnh phúc trong cuộc sống đơn sơ. Bác thể hiện tâm hồn lạc quan, sự yêu thương đối với quê hương và nhân dân. Bài thơ còn thể hiện lòng kiên định, sự hy sinh và tình yêu quê hương của nhà thơ Hồ Chí Minh.  - Nhìn từ góc độ tâm hồn và cốt cách, bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc” cho thấy sự tương tác giữa con người và thiên nhiên, tình yêu quê hương, và lòng dũng cảm trong cuộc chiến đấu. Bác Hồ không chỉ là một lãnh tụ tài ba, mà còn là một nhà thơ với tâm hồn cao thượng và tình yêu vô bờ bến đối với đất nước và nhân dân Việt Nam. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Nêu một số điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung/ hình thức nghệ thuật giữa hai bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc và Rằm tháng Giêng.  Nêu một số điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung/ hình thức nghệ thuật giữa hai bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc và Rằm tháng Giêng. | |
|  | **Nét chung:**  + Được sáng tác và lấy cảm hứng từ sự rung động của con người trước vẻ đẹp thiên nhiên vùng Tây Bắc trữ tình.  + Miêu tả những hình ảnh độc đáo bộc lộ tình yêu thiên nhiên và đất nước của tác giả.  + Con người không hề đơn độc mà luôn hòa quyện với thiên nhiên, dù ở hoàn cảnh chiến tranh gay go ác liệt, nhưng tâm hồn con người vẫn luôn hướng tới những điều tốt đẹp nhất.  **- Nét riêng:**  + Bài “Rằm tháng Giêng” viết thể thất ngôn tứ tuyệt, “Cảnh rừng Việt Bắc” viết thể thất ngôn bát cú  + Bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc”: thể hiện sự hài hòa mọi sự vật. Vì cảnh đẹp đã ghi tạc trong những tâm tư sâu nặng trong lòng Người, Người khẳng định lòng chung thủy sẽ quay trở lại thăm nơi này, lời hứa hẹn son sắt khi từ biệt mảnh đất tươi đẹp này về miền xuôi. Người không bỏ mặc thiên nhiên, coi nó sống động trong tâm hồn mình, vì thế Bác chẳng bao giờ lãng quên quá khứ đẹp đẽ, mất đi tình yêu thương với Việt Bắc.  + Bài thơ “Rằm tháng giêng” lại là bức tranh đầy sắc xuân và tâm trạng say mê thưởng thức vẻ đẹp trời xuân của nhà thơ, nhà thơ cùng đồng chí của mình bàn việc quân ở khung cảnh sông nước nơi Việt Bắc. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Đọc mở rộng thêm các bài thơ khác của Hồ Chí Minh  **b**Đọc mở rộng thêm các bài thơ khác của Hồ Chí Minh | |

**TIẾT 8. VIẾT**

**VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HAY MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Yêu cầu và kiểu bài**  **Kiểu bài:** Bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội thuộc kiểu bài nghị luận, viết ra để đọc trong lễ phát động một phong trào/ hoạt động xã hội nhằm mục đích thuyết phục, kêu gọi mọi người tích cực tham gia, góp phần lan toả ý nghĩa, thông điệp tích cực.  **Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Nêu được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng xác đáng, phù hợp, phong phú để thuyết phục mọi người tham gia phong trào/ hoạt động xã hội. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, cấu trúc chặt chẽ.  - Nêu được lời kêu gọi hành động với những giải pháp cụ thể, khả thi, thuyết phục.  - Lồng ghép và sử dụng hợp lí yếu tố thuyết minh và yếu tố biểu cảm.  - Ngôn ngữ trang trọng, lịch sự; giọng điệu chân thành, nhã nhặn.  - Bố cục đảm bảo ba phần:  + Mở đầu: Giới thiệu phong trào/ hoạt động xã hội cần phát động, hoàn cảnh đọc bài phát biểu, lời chào và lời chúc sức khoẻ đến người nghe.  + Nội dung chính: Giới thiệu ngắn gọn nguồn gốc và lịch sử hình thành của phong trào/ hoạt động xã hội; nêu các luận điểm khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào/ hoạt động xã hội; đưa ra lời kêu gọi tích cực tham gia và khích lệ, tin tưởng phong trào/ hoạt động xã hội sẽ thành công tốt đẹp.  + Kết thúc: Chào tạm biệt và cảm ơn. |
|  | **II. Bài viết tham khảo**  **Câu 1 (trang 82 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Bài phát biểu được viết nhằm mục đích gì? Để đạt được mục đích đó, tác giả đã đưa ra luận điểm, lí lẽ và bằng chứng như thế nào?  **Trả lời:**  - Mục đích viết: hưởng ứng Tết trồng cây năm Qúy Mão 2023.  - Những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đã trình bày:  + Luận điểm 1: Ý nghĩa thứ nhất của phong trào  Lí lẽ: *Các hiện tượng biến đổi khí hậu… hằng ngày*  Bằng chứng: *Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn qua tâm …. các ngành sản xuất khác*  - Luận điểm 2: Ý nghĩa thứ hai của phong trào  Lí lẽ: *Đối với trường chúng ta hiện nay,... ý nghĩa hết sức sâu sắc.*  Bằng chứng: *Phát huy truyền thống tốt đẹp, tạo điều kiện cho mỗi cán bộ có cơ hội thể hiện tình cảm và trách nhiệm với nhà trường.*  - Luận điểm 3: Trình bày lời kêu gọi, khích lệ tham gia phong trào, hoạt động.  **Câu 2 (trang 82 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Xác định đối tượng mà bài phát biểu hướng đến. Ngôn ngữ trong bài phát biểu có phù hợp với đối tượng này không? Vì sao?  **Trả lời:**  - Đối tượng: cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường Chính trị Phú Thọ.  - Ngôn ngữ: trang trọng, lịch sự, giọng điệu chân thành, nhã nhặn phù hợp với đối tượng hướng đến.  **Câu 3 (trang 82 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Xác định một số yếu tố thuyết minh, biểu cảm được sử dụng trong bài viết và nêu tác dụng của các yếu tố đó.  **Trả lời:**  - Yếu tố thuyết minh: giải thích về ý nghĩa của việc trồng cây.  - Yếu tố biểu cảm:  *+ Chúng ta cảm thấy hạnh phúc khi được lao động*.  *+ Tôi tin rằng, những hình ảnh, khí thế của buổi lễ ra quân và số cây được trồng sẽ là sự khởi đầu tốt đẹp,...*  - Tác dụng: Có tác dụng cung cấp thông tin, làm tăng sức thuyết phục, lôi cuốn, chân thực cho văn bản nghị luận.  **Câu 4 (trang 82 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Từ bài viết, bạn rút ra lưu ý gì khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội?  **Trả lời:**  Những lưu ý rút ra khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội:  - Cần nêu lên được các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, xác đáng.  - Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí, chặt chẽ, logic, dễ hiểu nhằm mang tính thuyết phục cao.  - Đưa ra được các giải pháp cụ thể, mang tính khả thi và có nhiều yếu tố thuyết phục.  - Sử dụng hợp lí, hiệu quả các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong bài.  - Ngôn ngữ cần chuẩn mực, trang trọng, lịch sự cùng giọng điệu chân thành, nhã nhặn. |
|  | |
|  | **Sử dụng phiếu học tập thực hành viết đính kèm giáo án**  **III. Thực hành**  **Bước 1: Chuẩn bị viết**  - Xác định đề tài, mục đích, đối tượng người đọc để chọn cách viết phù hợp.  - Thu thập tư liệu liên quan đến phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác* và lập bảng thống kê tư liệu.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Bạn tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác* được đề xướng nhằm mục đích gì? Quá trình hình thành và phát triển của phong trào có gì đáng chú ý?  - Vì sao cần tham gia phong trào *Thanh niên làm theo lời Bác*?  - Bạn có những kinh nghiệm gì khi tham gia phong trào này?  - Cần làm gì để tham gia phong trào một cách tích cực, hiệu quả?  Sắp xếp các ý tìm được thành dàn ý hoàn chỉnh, tham khảo bố cục được trình bày trong *Tri thức về kiểu bài.*  **Bước 3: Viết bài**  Từ dàn ý, bạn viết bài hoàn chỉnh. Khi viết, cần lưu ý sử dụng ngôn ngữ trang trọng, khách quan, sử dụng đại từ xưng hô phù hợp với đối tượng mà bài viết hướng tới, giọng điệu chân thành, nhã nhặn, kết họp với yếu tố thuyết minh và biểu cảm một cách hợp lí.  Có thể lựa chọn cách mở đầu và kết thúc hấp dẫn, thú vị như trích danh ngôn, kể một câu chuyện, đưa ra một hình ảnh biểu tượng, nêu một tấm gương sáng,....  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa**  Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài phát biểu của mình và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm (Tham khảo phụ lục). |

***Phụ lục 1. Phiếu thực hiện dàn ý (Có hướng dẫn dàn ý)***

***Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở đầu** | Giới thiệu phong trào/ hoạt động xã hội và hoàn cảnh đọc bài phát biểu |  |  |
| Gửi lời chào và lời chúc sức khoẻ đến người tham dự buổi lễ |  |  |
| **Nội dung** | Giới thiệu ngắn gọn về nguồn gốc, lịch sử hình thành và hoạt động của phong trào/ hoạt động xã hội |  |  |
| Nêu ít nhất hai luận điểm khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của phong trào/ hoạt động xã hội |  |  |
| Nêu được lí lẽ, bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm |  |  |
| Sắp xếp lí lẽ, luận điểm, bằng chứng theo trình tự hợp lí kêu gọi tham gia |  |  |
| Đưa ra lời kêu gọi tham gia phong trào/ hoạt động xã hội với những giải pháp, phương hướng hành động cụ thể, khả thi |  |  |
| **Kết thúc** | Chào tạm biệt, cảm ơn |  |  |
| **Trình bày và diễn đạt** | Có mở đầu và kết thúc ấn tượng |  |  |
| Kết hợp với yếu tố thuyết minh và biểu cảm một cách hợp lí |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ lịch sự, trang trọng, giọng điệu chân thành, nhã nhặn |  |  |
| Đảm bảo không mắc lỗi chính tả, diễn đạt (dùng từ, viết câu,...) |  |  |

**TIẾT 9. NÓI VÀ NGHE**

**THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN**

**CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA ĐẤT NƯỚC**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1. Chuẩn bị nói**  ***1.1. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói:***  **CÁC THÀNH TỐ GIAO TIẾP KHI THỰC HIỆN BÀI NÓI**  – Người nghe (Who):  – Mục đích bài nói (Why):  – Nói nội dung (What):  – Nói trong không gian (Where):  – Nói trong thời gian (When):  – Chọn cách nói (How):  ***1.2. Tìm ý và lập dàn ý***  - Bản chất của vấn đề là gì?  - Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện?  - Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cần được trình bày như thế nào? Những lí lē, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh?  - Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra?  Sau khi tìm được đầy đủ các ý, hāy sắp xếp những ý tìm được một cách hợp lí thành dàn ý của bài thuyết trình, gồm đủ các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận.  **2. Trình bày bài nói**  ***- Mở đầu***: Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề để thuyết trình có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,..  ***- Triển khai:***  + Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước.  + Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn để. Tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chỉ đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội.  + Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.  ***- Kết luận***: Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề. |

***Bảng kiểm kĩ năng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá sản phẩm clip thuyết trình** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Nội dung clip** | Chọn được đề tài thuyết trình đúng với yêu cầu |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ ý kiến của bản thân |  |  |
| Có cách mở đầu và kết thúc lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hiệu quả |  |  |
| **Người thuyết trình** | Ít nhất hai thành viên luân phiên thuyết trình |  |  |
| Thuyết trình trên cách hiểu của bản thân, không phụ thuộc vào giấy |  |  |
| Phong thái thuyết trình tự tin, lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| **Chất lượng clip** | Độ phân giải clip ở chất lượng HD |  |  |
| Âm thanh clip rõ ràng, âm lượng hợp lí |  |  |
| Sử dụng các hiệu ứng một cách hợp lí để làm tăng sức hấp dẫn cho clip |  |  |
| Thời lượng clip tối đa 10 phút |  |  |

**TIẾT 10. ÔN TẬP**

**Phụ lục giải bài tập**

**Câu 1 (trang 84 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Để đọc hiểu, phân tích một tác phẩm của tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, bạn cần lưu ý những điểm gì?

**Trả lời:**

Cần lưu ý đến quan niệm sáng tác, các đặc điểm phong cách (đặc điểm chung, đặc điểm ứng với từng thể loại) của Hồ Chí Minh và tìm các đặc điểm sáng tác này trong tác phẩm của Người để phân tích, đánh giá, lí giải ý nghĩa.

**Câu 2 (trang 84 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Đọc *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh, bạn hiểu thêm điều gì về tình cảm yêu nước, ý chí và khát vọng độc lập của dân tộc ta, đồng thời thu hoạch được điều gì về cách đọc hiểu một văn bản nghị luận?

**Trả lời:**

Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh là một kiệt tác về tư tưởng và lý luận, thể hiện khí phách của một dân tộc đang vùng dậy chống đế quốc và thực dân phong kiến. Đây là bản tuyên ngôn độc lập thứ ba trong lịch sử Việt Nam, sau bài thơ thần “Nam quốc sơn hà” ở thế kỷ 11 và “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi viết năm 1428.

Trong Tuyên ngôn Độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam độc lập, thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Bản tuyên ngôn này được Người soạn thảo và đọc trước công chúng tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 2 tháng 9 năm 1945. Đây là một bước quan trọng trong việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đọc Tuyên ngôn Độc lập, người đọc sẽ cảm nhận được tình cảm yêu nước, ý chí kiên định và khát vọng độc lập của dân tộc ta. Đồng thời, việc đọc hiểu một văn bản nghị luận như Tuyên ngôn Độc lập giúp bạn nắm vững cách diễn đạt ý kiến, lập luận và thể hiện tư duy trong văn viết.

**Câu 3 (trang 84 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Qua một trong những tác phẩm đã học của tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, bạn hãy chỉ ra một số biểu hiện cho thấy sự thống nhất giữa mục đích sáng tác với nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật trong tác phẩm của Người.

**Trả lời:**

Tác giả Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã để lại một loạt tác phẩm văn học và thơ ca có sự thống nhất giữa mục đích sáng tác, nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Đều phản ánh tư tưởng cách mạng, tình yêu quê hương, và lòng kiên định của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Hình thức viết của Người thường sử dụng ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống và tâm hồn của nhân dân, tạo nên sự thống nhất giữa mục đích sáng tác và nội dung tư tưởng.

**Câu 4 (trang 84 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội, bạn cần lưu ý những điều gì? Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, bạn cần lưu ý những điều gì?

**Trả lời:**

\* Khi viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội, bạn cần lưu ý một số điều quan trọng:

- Xác định rõ mục tiêu và thông điệp chính mà bạn muốn truyền tải đến khán giả.

- Sắp xếp ý kiến và lập luận của bạn một cách logic và có cấu trúc.

- Nên sử dụng các ví dụ và bằng chứng cụ thể để minh họa và ủng hộ quan điểm của mình.

- Lưu ý về cách diễn đạt và giao tiếp để tạo ấn tượng tốt và thu hút sự quan tâm của khán giả.

\* Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, bạn cần lưu ý một số điều quan trọng:

- Nghiên cứu kỹ về vấn đề đó để có hiểu biết sâu sắc và chính xác.

- Xác định rõ mục tiêu của thuyết trình và thông điệp chính mà bạn muốn truyền tải đến khán giả.

- Sắp xếp ý kiến và lập luận của mình một cách logic và có cấu trúc, sử dụng các ví dụ và bằng chứng cụ thể để minh họa và ủng hộ quan điểm của bạn.

- Lưu ý về cách diễn đạt và giao tiếp để tạo ấn tượng tốt và thu hút sự quan tâm của khán giả.

**Câu 5 (trang 84 sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**Giả sử bạn được mời tham gia *Hội thi sáng tạo sản phẩm tôn vinh vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam* (bằng tác phẩm văn chương, nghệ thuật hoặc sản phẩm công nghệ,...). Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp về ý tưởng, dự kiến của bạn khi tham gia hội thi.

**Trả lời:**

“Hội thi sáng tạo sản phẩm tôn vinh vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam”

\* Ý tưởng:

 - Tôi sẽ tạo ra một bức tranh lớn với chủ đề “Sắc màu Việt Nam”.

- Vẽ những phong cảnh thiên nhiên, địa danh, thắng cảnh trên các sản phẩm: cốc, nón lá, túi,....

\* Dự kiến thực hiện:

- Sử dụng kỹ thuật vẽ truyền thống kết hợp với sự sáng tạo đương đại để tạo ra một tác phẩm sáng tạo, độc đáo và tôn vinh vẻ đẹp của quê hương.

- Thuyết  trình, giới thiệu sản phẩm.

\* Thông điệp của tác phẩm:

- Truyền tải thông điệp về sự đa dạng, văn hóa và tinh thần mạnh mẽ của người Việt Nam.

- Nhấn mạnh vào việc bảo vệ và tôn vinh sự đẹp tự nhiên của quê hương.

- Đánh thức lòng yêu nước và tình cảm với vẻ đẹp tự nhiên, văn hóa của Việt Nam trong tâm hồn mỗi người.

**BÀI 9 – KHÁM PHÁ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**(VĂN BẢN THÔNG TIN)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **1. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin**  *Bố cục:* Trong văn bản thông tin, để đạt được mục đích viết, đa số tác giả kết hợp sử dụng nhiều kiểu sắp xếp, tổ chức các phần của văn bản, trong đó phổ biến là bốn kiểu cơ bản sau: trật tự thời gian, trật tự không gian, mức độ quan trọng của thông tin, trật tự logic (so sánh và đối chiếu, phân loại đối tượng, liệt kê, quan hệ nhân - quả, vấn đề và cách giải quyết,...).  *Mạch lạc:* Sự mạch lạc của văn bản thông tin được thể hiện ở việc các phần, đoạn, câu trong văn bản đều cùng bàn về một chủ đề và được sắp xếp theo trình tự, bố cục hợp lí. Thông thường, người viết có thể sử dụng hệ thống đề mục, một số từ ngữ cụ thể ứng với từng kiểu bố cục để tạo sự kết nối giữa các phần, đoạn, câu trong văn bản.  **2. Dữ liệu trong văn bản thông tin**  ***Dữ liệu nghiên cứu*** là những dữ liệu mà dựa vào đó, người nghiên cứu có thể đưa ra những kết luận đáng tin cậy. Trong nghiên cứu, dữ liệu có thể được chia thành hai nhóm chính là dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.  ***Dữ liệu sơ cấp*** là loại dữ liệu nguồn hay dữ liệu gốc, thường chưa được phân tích, diễn giải, xử lí. Loại dữ liệu này cung cấp thông tin chưa được xử lí hoặc bằng chứng, báo cáo, sự tường thuật trực tiếp, đầu tiên về một sự việc/ hiện tượng hoặc một phát hiện mới. Chẳng hạn: hiện vật/ tranh ảnh gốc, nhật kí, thư từ, diễn văn, nội dung phỏng vấn, bản tường thuật của nhân chứng, tác phẩm nghệ thuật, dữ liệu thống kê,...  ***Dữ liệu thứ cấp*** là loại dữ liệu cung cấp thông tin đã được người viết xử lí, kể lại, mô tả, tóm tắt, tổng hợp hoặc diễn giải, đánh giá từ những nguồn dữ liệu sơ cấp. Tiêu biểu cho dữ liệu thứ cấp là dữ liệu trong các sách, báo, tạp chí như: bách khoa toàn thư, từ điển, sách tham khảo, sách giáo khoa, các bài báo, tạp chí có tính diễn giải, phân tích, bình luận, tổng hợp,... thông tin, bài phê bình tác phẩm nghệ thuật,...  Việc chia dữ liệu thành hai loại nêu trên chỉ có tính tương đối. Mỗi loại đều có ưu thế, tác dụng riêng. Vì thế, trong nghiên cứu, chúng ta nên sử dụng kết họp cả hai loại dữ liệu.  **3. Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản:** Dữ liệu, thông tin trong văn bản được xem là mới mẻ, cập nhật và có độ tin cậy khi đáp ứng một số yêu cầu sau:  - Được trích từ các tài liệu có tính học thuật như tạp chí khoa học chuyên ngành, sách chuyên khảo, giáo trình; thông tin trên trang web/ báo cáo của các tổ chức, cơ quan, nhà xuất bản có uy tín; văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của cơ quan quản lí nhà nước;...  - Được công bố bởi chuyên gia trong lĩnh vực đó và có người đọc là học giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực đó.  - Có tính minh bạch nếu dữ liệu được thu thập và phân tích hợp lí, có thể kiểm chứng được.  - Có tính khách quan, không có tính định kiến và không được công bố vì mục đích thương mại hay chính trị.  - Mới cập nhật hoặc được xuất bản trong thời gian gần nhất. |

**Phụ lục câu hỏi nội dung tri thức ngữ văn**

**Câu 1: Trong văn bản thông tin, có bao nhiêu kiểu bố cục phổ biến?**

A. 2

B. 3

**C. 4**

D. 5

**Câu 2: Kiểu bố cục trình bày sự kiện theo thứ tự xảy ra trong quá khứ đến hiện tại được gọi là gì?**

A. Trật tự không gian

B. Trật tự logic

**C. Trật tự thời gian**

D. Trật tự mức độ quan trọng

**Câu 3: Mạch lạc trong văn bản thông tin được thể hiện như thế nào?**

A. Các phần, đoạn, câu đều cùng bàn về một chủ đề

B. Sử dụng các từ nối và hệ thống đề mục để liên kết nội dung

C. Sắp xếp nội dung theo bố cục hợp lý

**D. Tất cả các ý trên**

**Câu 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:**

Dữ liệu sơ cấp là loại dữ liệu \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, chưa qua xử lí hoặc diễn giải.

A. Mới cập nhật

B. Đã qua phân tích

**C. Gốc, nguyên bản**

D. Mang tính tổng hợp

**Câu 5: Dữ liệu nào sau đây là dữ liệu sơ cấp?**

A. Một bài báo khoa học phân tích về tác phẩm văn học

B. Một cuốn sách giáo khoa lịch sử

**C. Một bản tường thuật của nhân chứng về sự kiện lịch sử**

D. Một bài viết tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau

**Câu 6: Dữ liệu thứ cấp có đặc điểm nào sau đây?**

A. Là dữ liệu được thu thập trực tiếp từ thực tế

B. Chưa được phân tích hay diễn giải

**C. Được xử lí, mô tả, tóm tắt từ dữ liệu sơ cấp**

D. Không được sử dụng trong nghiên cứu

**Câu 7: Trong nghiên cứu, tại sao cần kết hợp cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp?**

A. Vì hai loại dữ liệu này luôn mâu thuẫn với nhau

**B. Vì mỗi loại dữ liệu có ưu thế riêng, giúp tăng tính chính xác và khách quan**

C. Vì dữ liệu thứ cấp thường sai lệch, cần có dữ liệu sơ cấp để đối chiếu

D. Vì dữ liệu sơ cấp không đáng tin cậy bằng dữ liệu thứ cấp

**Câu 8: Nối nội dung ở cột A với nội dung phù hợp ở cột B**

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Dữ liệu sơ cấp | A. Bài báo khoa học, sách giáo khoa, tạp chí phân tích |
| 2. Dữ liệu thứ cấp | B. Nhật ký, thư từ, bản ghi âm phỏng vấn nhân chứng |
| 3. Trật tự thời gian | C. Sắp xếp sự kiện theo quá khứ → hiện tại |
| 4. Trật tự không gian | D. Sắp xếp thông tin theo vị trí địa lý hoặc không gian |

**Đáp án đúng**: **1 - B, 2 - A, 3 - C, 4 - D**

**Câu 9: Thông tin nào dưới đây được xem là đáng tin cậy trong văn bản thông tin?**

A. Một bài đăng trên mạng xã hội chưa được kiểm chứng

**B. Một nghiên cứu khoa học được công bố trên tạp chí chuyên ngành**

C. Một bài viết có nhiều lượt chia sẻ nhưng không có nguồn trích dẫn

D. Một bài phân tích từ blog cá nhân

**Câu 10: Tiêu chí nào dưới đây giúp đánh giá tính cập nhật và độ tin cậy của thông tin trong văn bản?**

A. Được công bố bởi chuyên gia và có thể kiểm chứng được

B. Có tính khách quan, không mang tính định kiến

C. Được xuất bản trong thời gian gần nhất

**D. Tất cả các tiêu chí trên**

**TIẾT 2. VĂN BẢN ĐỌC**

**KHUÔN ĐÚC ĐỒNG CỔ LOA: “NỎ THẦN” KHÔNG CHỈ LÀ TRUYỀN THUYẾT**

**(Hà Trang)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **2.1 Tìm hiểu chung** | **I. Tìm hiểu chung**  - Tên đầy đủ của văn bản là: Tận mắt khuôn đúc đồng Cổ Loa: “Nỏ thần” không chỉ là truyền thuyết.  - Truyền thuyết: một thể loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử. Qua đó, truyền thuyết thể hiện nhận thức, tình cảm của tác giả dân gian đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử (xem thêm mục Tri thức Ngữ văn, in trong Ngữ văn 6, tập một, bộ sách Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021).  - Nỏ thần: nỏ là khí giới hình cung, có cán làm tay cầm và có lẫy, căng bật dây để bắn. Theo truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thuỷ, An Dương Vương đã dùng chiếc vuốt do thần Kim Quy trao tặng để làm lẫy nỏ, nhờ đó tạo ra nỏ thần có sức mạnh kì diệu, có thể bắn một lúc ra nhiều mũi tên, khiến cho quân địch khiếp sợ. Nhờ loại vũ khí thần kì ấy, An Dương Vương đã chiến thắng Triệu Đà, bảo vệ thành công nhà nước Âu Lạc.  - Cổ Loa: kinh đô của nhà nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương vào khoảng thế kỉ III trước Công nguyên, nay là xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội. |
| **Tìm hiểu bố cục, mạch lạc, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin**  **1.** Tóm tắt các thông tin chính được trình bày trong VB. Đọc lại mục Bố cục, mạch lạc của VB thông tin ở phần Tri thức Ngữ văn (SGK, tr. 85) để xác định (những) kiểu bố cục mà VB đã sử dụng.  **2.** Dựa trên bố cục đã xác định ở câu 1, xác định độ dài của từng phần VB tương ứng với từng thông tin chính đã xác định. Thông tin chính nào được trình bày với dung lượng nhiều nhất trong VB? Vì sao tác giả lại chọn trình bày thông tin ấy chi tiết nhất? Nhận xét về cách chọn lọc thông tin của VB.  **Tìm hiểu dữ liệu của văn bản thông tin**  – Đọc mục Dữ liệu nghiên cứu (SGK, tr. 86), từ đó xác định loại của những dữ liệunào đã được trình bày trong phần được trích dẫn.  – Xác định mục đích viết của phần VB này.  – Dựa trên mục đích viết và đặc điểm của từng loại dữ liệu, chỉ ra vai trò của loại dữ liệu ấy trong việc thể hiện thông tin chính của VB.  **2.**  – Xác định mục đích của VB, sau đó chỉ ra (những) dữ liệu, thông tin được sử dụng để thực hiện mục đích ấy.  – Dựa trên những yêu cầu về tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu nghiên cứu (SGK, tr. 86) để đánh giá tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của (những) dữ liệu, thông tin trong VB.  **Nhóm 3: Tìm hiểu phương tiện phi ngôn ngữ**  **1**. Bạn biết gì về hiệu quả của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB thông tin?  **2.** So sánh hiệu quả biểu đạt của VB trong hai trường hợp: có sử dụng hình minh hoạ (hình 3) và không sử dụng hình ảnh.  **Nhóm 4: Tìm hiểu thái độ của người viết**  Qua mục đích viết của VB, cách chọn lọc dữ liệu, thông tin, cách sử dụng ngôn ngữ,... hãy xác định thái độ của người viết đối với văn hoá dân tộc. Thái độ ấy gợi cho bạn (những) suy nghĩ gì? | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu bố cục, mạch lạc, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin**  **- Các thông tin chính của VB:**  + Nhà trưng bày khu di tích Cổ Loa ... trong tiến trình lịch sử dân tộc: Giới thiệu khái quát về nơi trưng bày bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa.  + Những bảo vật này được phát hiện ... viết là “人”, tạm dịch là “Người”: Giới thiệu hoàn cảnh phát hiện bộ sưu tập và mô tả chi tiết một số hiện vật trong bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa.  + Ông Hoàng Công Huy ... được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia theo Quyết định số 2283/QĐ-TTg: Trình bày dữ liệu cho thấy giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa.  + Hàng nghìn di vật mũi tên đồng ... cùng lúc nhiều mũi tên là có thật: Khẳng định sự tồn tại có thật của “nỏ thần” trong lịch sử.  - VB đã sử dụng kiểu bố cục sau: trật tự logic, cụ thể như sau:  + Phân loại đối tượng: Miêu tả hiện trạng của di tích lò đúc và mười một mang khuôn đúc bằng đá.  + Quan hệ nhân quả: Giới thiệu về hiện trạng, giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng ở Cổ Loa để khẳng định về sự tồn tại có thật của “nỏ thần” trong lịch sử.  - Người viết chọn trình bày những thông tin miêu tả chi tiết về hình dáng, hiện trạng và giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa. Lí do chọn lựa:  + Cung cấp chứng tích vật chất về sự hiện diện của “nỏ thần” trong lịch sử, tiến đến khẳng định “nỏ thần” là có thật, chứ không phải chỉ có trong truyền thuyết.  **Nhận xét:** Thông tin được chọn lọc phù hợp với mục đích của VB, đáp ứng việc thực hiện mục đích ấy.  **2. Dữ liệu của văn bản thông tin**  Loại dữ liệu được sử dụng trong đoạn văn:  + Nội dung phỏng vấn ông Hoàng Công Huy – lãnh đạo Ban Quản lí Khu di tích Cổ Loa:  + Dữ liệu thể hiện ý kiến cá nhân của ông Hoàng Công Huy về giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa, đây người đang trực tiếp chịu trách nhiệm quản lí, bảo tồn bộ sưu tập. Đây cũng là dữ liệu được thu thập trực tiếp bởi người thực hiện bài viết (HS lưu ý: Nếu trong ý kiến của mình, người phỏng vấn phân tích, tổng hợp những nghiên cứu có trước về giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng thì nội dung phỏng vấn này có thể được xem là dữ liệu thứ cấp. Nếu đây là những nhận định, đánh giá riêng của cá nhân người phỏng vấn về giá trị của bộ sưu tập thì đây được xem là dữ liệu sơ cấp).  + Quyết định số 2283/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận khuôn đúc đồng Cổ Loa là Bảo vật Quốc gia: dữ liệu sơ cấp.  - Vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin chính của VB: Tăng tính thuyết phục, độ tin cậy của thông tin chính (giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa).  - Dữ liệu mới mẻ, cập nhật vì bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng ở Cổ Loa là những di vật được phát hiện mới nhất (2004 – 2007) trong số những chứng tích được tìm thấy liên quan đến kĩ thuật đúc đồng của người Việt ở giai đoạn Cổ Loa – thời kì An Dương Vương (hai hiện tượng khảo cổ học có liên quan được phát hiện trước đó là kho mũi tên đồng ở Cầu Vực (1959) và trống đồng, lưỡi cày đồng ở Mả Tre (1982)).  - Dữ liệu, thông tin có độ tin cậy cao vì được trích xuất từ nhà trưng bày khu di tích Cổ Loa và một số nhận định do ông Hoàng Công Huy – lãnh đạo Ban Quản lí Khu di tích Cổ Loa cung cấp cùng với Quyết định số 2283/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ công nhận bộ sưu tập khuôn đúc Cổ Loa là Bảo vật Quốc gia.  - Những hiện vật liên quan đến khuôn đúc đồng Cổ Loa đều có được trưng bày tại Khu di tích Cổ Loa (huyện Đông Anh, Hà Nội).  **3. Yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản**  – Trường hợp VB sử dụng hình minh hoạ (Hình 3): Người đọc hiểu rõ khái niệm mang khuôn đúc, hình dung rõ hơn về mang khuôn đúc mũi tên ba cạnh và mang đúc mũi lao hình cánh én. Hình ảnh minh hoạ này cũng giúp người đọc hình dung rõ hơn về cách người viết mô tả các bộ phận của khuôn đúc và cách người dân Âu Lạc đúc mũi tên đồng.  – Trường hợp VB không sử dụng hình minh hoạ (Hình 3): Người đọc rất khó hình dung và hiểu rõ những nội dung được trình bày trong phần VB: “Trong số mười một mang khuôn đúc bằng đá được tìm thấy ... ráp vào nhau sẽ tạo thành một sự trùng khít lí tưởng”.  **4. Thái độ của người viết**  Qua VB, người viết thể hiện những thái độ sau: Khẳng định sự tồn tại có thật của “nỏ thần” trong lịch sử – giai đoạn Cổ Loa, thời kì vua An Dương Vương đóng đô ở Cổ Loa và nhà nước Âu Lạc; tự hào về trình độ kĩ thuật và tư duy bậc thầy của các nghệ nhân luyện kim thời Việt cổ. |
|  | |
|  |  |

**TIẾT 3. VĂN BẢN ĐỌC**

**SỰ Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC TRÊN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT VÀ HẬU QUẢ**

**(Trích Mùa Xuân vắng lặng – Rachel Carson)**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Những hình ảnh sau gợi cho em liên tưởng đến điều gì? Trình bày một vài nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng trên.  A group of plastic bottles floating in the water  Description automatically generated | ***Hình ảnh gợi: Ô nhiễm nguồn nước*** |
|  | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **1**  **2. Tác giả**  đọc SGK và ghi lại những thông tin nổi bật về tác giả.  **3. Tác phẩm**  GV cho HS xem video giới thiệu tác phẩm *Mùa xuân vắng lặng, link video:*  [*https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=HJbFdW4e4zc*](https://www.youtube.com/watch?app=desktop&v=HJbFdW4e4zc) | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Rây-cheo Ca-son là nhà động vật học, nhà nghiên cứu sinh vật biển người Mĩ  - Người ủng hộ công cuộc bảo vệ môi trường thế giới  **2. Văn bản**  - Xuất xứ: Mùa xuân vắng lặng (1962)  - Đây là tác phẩm kinh điển mở đầu cho phong trào bảo vệ môi trường trên toàn thế giới. |
| Vẽ sơ đồ tư duy có đầy đủ thông tin: đề tài, bố cục, nội dung chính của văn bản. HS nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề và nội dung văn bản.  Xác định mục đích của VB. Sau đó, chỉ ra (những) dữ liệu, thông tin được sử dụng để thực hiện mục đích ấy. Đánh giá tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của (những) dữ liệu, thông tin ấy theo những gợi ý trong SGK, tr. 86  : **đọc lại phần VB “**Ảnh hưởng của hoá chất cótrong nước đến con người” **để xác định thái độ và quan điểm của tác giả về vấn đề này. Trên cơ ở đó, HS trình bày ý kiến của mình và nêu rõ lí do.** | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Bố cục, sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề, cách chọn lọc thông tin của văn bản thông tin**  **- Đề tài, bố cục:**  **Vấn đề: Ô nhiễm môi trường nước (3 phần)**  Bằng chứng về sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt trái đất ở vùng di trú hoang dã quốc gia Tu-li Lây-kơ và Lâu-ơ Cla-mát, Ca-li-phoóc-ni-a  Hóa chất thông qua nước len lỏi vào vòng tuần hoàn của tự nhiên  Ảnh hưởng của hóa chất có trong nước đến con người  **🡪 Nhan đề phù hợp và khái quát được nội dung của văn bản:** làm rõ thực trạng ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất, cách thức hoá chất gây ô nhiễm và hậu quả của vấn đề này**.**  **- Văn bản trình bày thông tin theo trật tự logic:**  + **Liệt kê**: trình bày những bằng chứng cho thấy không những nước ngầm mà ngay cả nước chảy trên mặt đất như ở các khe suối, sông hay nước tưới tiêu đều đang dần bị ô nhiễm.  + **Quan hệ nhân quả**: Trình bày cách thức mà các loại hoá chất DDT, DDD và DDE thông qua nước len lỏi vào vòng tuần hoàn của tự nhiên để gây ô nhiễm, làm chết các loài sinh vật và ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.  **2. Dữ liệu của văn bản thông tin**  - Dữ liệu thứ cấp vì đây là dữ liệu do tác giả cung cấp, lấy từ nguồn dữ liệu sơ cấp là một nghiên cứu được thực hiện ở Hà Lan vào đầu những năm 1905.  - Dữ liệu và thông tin trong VB có tính mới mẻ, cập nhật ở thời điểm nó ra đời (năm 1962):  + Làm rõ những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường sống do thuốc trừ sâu gây ra.  + Bày tỏ sự quan ngại khi chính phủ Mỹ cho phép những hoá chất độc hại được sử dụng tràn lan trước khi chúng được đánh giá chính xác tác động đối với môi trường.  + Nhờ đó, năm 1972, thuốc trừ sâu sử dụng hoá chất DDT đã bị cấm sử dụng ở Mỹ.  **3. Thái độ của người viết**  - Quan ngại, không đồng tình với cách giải quyết một vấn đề nhỏ (tiêu diệt loài muỗi mắt) bằng một cách thức nguy hiểm: sử dụng các hoá chất độc hại gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khoẻ của con người.  - Cất tiếng kêu gọi, cảnh tỉnh mọi người về hậu quả khôn lường mà các hóa chất độc hại gây ra cho môi trường sống. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  vận dụng kiến thức bài học để viết đoạn văn nghị luận xã hội | |
| : Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày những hệ lụy khôn lường của việc ô nhiễm môi trường nước.  HS | Đoạn văn về những hệ lụy khôn lường của việc ô nhiễm môi trường nước. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Giải pháp để bảo vệ nguồn nước | |

**TIẾT 4. ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**ĐỢI MƯA TRÊN ĐẢO SINH TỒN**

**(Trần Đăng Khoa)**

|  |  |
| --- | --- |
| - nêu những hiểu biết về tác giả Trần Đăng Khoa  - đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, đúng giọng điệu.  Nêu xuất xứ; xác định thể thơ của văn bản. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Trần Đăng Khoa sinh ngày 24 tháng 4 năm 1958.  - Quê làng Trực Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.  - Là một nhà thơ, nhà báo, biên tập viên Tạp chí Văn nghệ Quân đội, hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam.  - Từ nhỏ, ông được xem là “ thần đồng thơ ca”  - Tác phẩm: *Từ góc sân nhà em* (1968), *Góc sân và khoảng trời* (1968), *Thơ Trần Đăng* *Khoa* (1970). Ngoài ra, ông còn có các tác phẩm: *Chân dung và đối thoại* (tiểu luận phê bình, 1998), *Đảo chìm* (tập truyện - ký, 2000)  **2. Tác phẩm:**  **-** Xuất xứ: In trong tập Trần Đăng Khoa, *Thơ chọn* *lọc*, NXB Văn học, 2004, tr 362-364  **-** Thể thơ:Tự do |
|  | **II. Đọc hiểu văn bản**  **Câu 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tâm trạng đợi mưa của các chiến sĩ trên đảo**  **Sinh Tồn** | | | | **Những nét tâm trạng** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Biện pháp tu từ** | | Mong ước, khao khát mưa rơi | *thắc thỏm niềm vui không nói hết*, *Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt*; *Mưa cho táo bạo*; *Mắt đăm đăm nhìn về nơi ấy/ Nơi cơn mưa thăm thẳm xa khơi*; *Mặt chúng tôi ngửa lên như đất*; *Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi*;… | Điệp cấu trúc: *Ôi ước gì được thấy mưa rơi*; *Mưa đi! Mưa đi!* | | Hình dung nếu như có mưa rơi | *khao nhau; như con cá rô rạch nước đón mưa rào; không cạo đầu, để tóc lên như cỏ*; *bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt*; *trụi trần nhảy choi choi trên cát, giãy giụa tơi bời trên mặt cát, úp miệng vào tay*;… | Biện pháp so sánh: *cùng gào như ếch nhái uôm uôm khắp đảo*; *giãy giụa tơi bời trên mặt cát*/ *Như con cá rô rạch nước đón mưa rào*;… | | Cảm xúc nếu không có mưa rơi | *Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo; Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão*… | Biện pháp so sánh: *Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong đập trái tim người/ Như đá vững bền, như đá tốt tươi.* |   **Nhận xét:** Cách thể hiện tâm trạng đợi mưa của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn rất đặc sắc: Sử dụng những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tâm trạng hồi hộp, mong chờ, khát khao mãnh liệt một cơn mưa và niềm vui sướng trong tưởng tượng (nếu như có mưa); biện pháp điệp cấu trúc được sử dụng để nhấn mạnh ước mơ cháy bỏng và niềm vui trong tưởng tượng của các chiến sĩ; biện pháp tu từ so sánh thể hiện niềm vui mãnh liệt nếu có mưa rơi và quyết tâm sinh tồn trên đảo của các chiến sĩ dù cho cơn mưa không đến.  **Câu 2**   |  |  | | --- | --- | | **Cơn mưa trong tâm tưởng của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn** | **Hoàn cảnh trong thực tế** | | *Những màu mây sẽ thôi không héo quắt*; *đá san hô sẽ nảy cỏ lên xanh*; *đảo xa khơi sẽ hoá đất liền, Mưa như chưa bao giờ mưa, sấm sét đùng đùng*;… | *Cơn mưa thăm thẳm xa khơi, ánh chớp xanh lấp loáng phía chân trời, cơn mưa lớn vẫn rập rình ngoài biển*; *Nhưng làm sao mưa cứ ngại ngùng/ Chập chờn bay phía xa khơi*; *Mưa vẫn dăng màn lộng lẫy phía xa khơi, Mưa yểu điệu như một nàng công chúa*;… |   **\_ Nguyên nhân các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn mong mưa:** Nếu có mưa thì cảnh quan trên đảo Sinh Tồn sẽ hồi sinh mãnh liệt, cuộc sống của các chiến sĩ sẽ vơi bớt sự khắc nghiệt và vất vả. Ngoài ra, đối với họ, mong mưa trên đảo Sinh Tồn cũng là một niềm vui, niềm hi vọng mãnh liệt.  **Câu 3:** Nhan đề “Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn” gợi cho người đọc suy nghĩ đảo Sinh Tồn là một hòn đảo khát thiếu mưa rơi, nằm giữa biển khơi, bao phủ quanh năm chỉ có nắng và gió biển. Vì lẽ đó, hoàn cảnh sống của các chiến sĩ trên đảo rất khó khăn với khí hậu khắc nghiệt, thời tiết nóng bức, thiếu nước sinh hoạt, thiếu màu xanh của cây cối,…  **Câu 4:** Thông điệp mà nhà thơ Trần Đăng Khoa muốn gửi gắm: Chúng ta cần yêu thương và biết ơn công lao của các chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn; cần có những hành động cụ thể để chia sẻ, giảm bớt những nỗi vất vả, gian lao của các chiến sĩ;… |
|  | sử dụng phần mềm canvas để viết một văn bản thông tin ngắn gọn về công việc và cuộc sống của những chiến sĩ trên đảo Sinh Tồn. |

**TIẾT 5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**VIỆC TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU, SỰ KẾT HỢP GIỮA NGÔN NGỮ VỚI YẾU TỐ PHI NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Câu 1**: Hoàn thành khái niệm sau:  Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ bao gồm …  a. Quyền tác giả  b. Quyền liên quan đến quyền tác giả  c. Quyền sở hữu công nghiệp  **d. Cả a, b, c**  **Câu 2**: Một vài biểu hiện của việc tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu:  a. Liệt kê đầy đủ các tài liệu tham khảo đã sử dụng và trình bày tham khảo đúng quy cách.  b. Chú thích trích dẫn và ghi cước chú đúng quy cách.  c. Tham khảo thông tin từ các nguồn có độ tin cậy cao.  **d. Cả a, b, c** |
|  | |
|  | **Bài tập 1: Nhóm biên soạn đã dẫn nguồn bài thơ đúng quy cách, phần dẫn nguồn bao gồm những yếu tố theo thứ tự sau:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Tên tác giả* | *Tên tập thơ* | *Nhà xuất bản* | *Năm xuất bản* | *Trang* |   **Bài tập 2:**  – Chú thích nguồn khi trích dẫn ý tưởng của người khác:  (1) *Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới về lượng rác thải nhựa, tương đương với 1,83 triệu tấn/ năm (Jambeck và cộng sự, 2015).*  (2) *Rác thải nhựa thuộc loại chất thải rắn, đó là những vật chất ở thể rắn được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác (Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2020).*  – Chú thích nguồn thông tin khối lượng rác thải thu gom (ở bảng 1) một cách đầy đủ, rõ ràng: “Khối lượng rác thải thu gom: được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Xử lí chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội (Uỷ ban nhân dân phường Thượng Cát, 2020)”.  – Trình bày danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách.  **Bài tập 3:**  **3a.**  - Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng là hình ảnh.  - Tác dụng:  + Minh hoạ một cách trực quan cho khuôn đúc mũi tên đồng ba cạnh và mũi lao cánh én.  + Làm thông tin trong ngữ liệu thêm sinh động, hấp dẫn.  -> Người viết đã chú thích nguồn bằng cách: nêu tên và nguồn của hình 3.  **3b.**  - Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng là biểu đồ.  - Tác dụng:  + Minh hoạ một cách trực quan kết quả tính toán giá trị WQI dựa trên kết quả quan trắc trung bình năm giai đoạn 2016 – 2022 trên 9 lưu vực sông ở nước ta. |
|  | |
|  | **1. Yêu cầu đoạn văn**   |  |  | | --- | --- | | Hình thức | Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn | | Dung lượng | Khoảng 200 chữ | | Đề tài | Trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ | | Yêu cầu | – Diễn đạt mạch lạc, có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức  – Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu  – Viết đúng yêu cầu về hình thức của một đoạn văn | | Thời điểm báo cáo | Tiết *Ôn tập* |   **2. Luyện tập viết đoạn văn:**  Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày những thông tin được cung cấp trong biểu đồ ***Tổng hợp khối lượng rác tại các địa điểm khảo sát tại Việt Nam năm 2020.*** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  Thực hành đảm bảo tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  Thực hành đảm bảo tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. | |

**TIẾT 6. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**DÒNG MÊ KONG “GIẬN DỮ”**

**(Theo Hoàng Nam, Thu Hằng, Hoàng Khánh, Thanh Hạ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - đọc kĩ VB Dòng Mê Kông “giận dữ” (SGK, tr. 101 – 106) và trả lời câu hỏi Hướng dẫn đọc (SGK, tr. 106), | **Câu 1:**  **- *Bố cục của văn bản***  VB trình bày thông tin theo trật tự logic, cụ thể là quan hệ nhân quả.  Văn bản nêu hàng loạt dữ liệu nhằm cung cấp thông tin về thực trạng sạt lở bờ sông đáng báo động ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.  Nguyên nhân dẫn đến tình trạng sạt lở bờ sông Hậu quả là dòng sông “phẫn nộ” quyết lấy lại tất cả, kể cả tính mạng của con người.  **- *Mức độ phù hợp giữa nhan đề và nội dung văn bản:*** Nhan đề rất phù hợp và khái quát được nội dung của VB (Tất cả các thông tin chính của VB đều xoay quanh nguyên nhân và hậu quả của việc sạt lở nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long)  - ***Nhan đề khác*** (HS tự đề xuất dựa vào nội dung chính)  Chẳng hạn như:  *Tình trạng sạt lở bờ sông ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long,*  *Nguyên nhân sạt lở nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long,…*  **Câu 2:** Văn bản có ý nghĩa thời sự trong thời điểm hiện tại (những thông tin, dữ liệu trong VB đều có tính mới mẻ, cập nhật (vụ sạt lở ở cù lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long vào chiều ngày 05/12/2022)  **Câu 3:** Thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của phần văn bản ***Sông đói “ngoạm bờ”***  **Thông tin cơ bản:** Lí do gây nên tình trạng sạt lở bờ sông nghiêm trọng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.  **Thông tin chi tiết:**  - Chi tiết về việc giảm tải lượng phù sa mịn tại nguồn.  - Chi tiết về nguyên nhân gây ra vụ sạt lở ở cù lao An Bình.  - Chi tiết về những mỏ cát bủa vây hai bên bờ ở cù lao An Bình và những cảnh báo của SIWRR về tốc độ diễn biến xói bồi do tác động của con người.  - Vai trò của các chi tiết trong phần VB ***Sông đói “ngoạm bờ”***: Giải thích rõ hơn tình trạng “đói” cát của những dòng sông ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, lí do vì sao sông đói “ngoạm bờ”.  **Câu 4:** Những từ ngữ như *vết thương, nội soi tổng quát, cơ thể tự nhiên* gợi liên tưởng đến tình trạng tổn thương của cơ thể “*dòng sông*”.  Hiệu quả:  – Miêu tả sinh động những tổn thương mà dòng sông phải chịu đựng trước sự tác động quá mức của con người.  – Góp phần thể hiện thái độ xót xa của người viết, từ đó gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về việc cần bảo vệ thiên nhiên.  **Câu 5:** Nếu VB không sử dụng phương tiện thì người đọc rất khó hình dung cụ thể thông tin được biểu đạt trong một số phần của VB, cụ thể:  Hình 1 cung cấp thông tin chi tiết về tỉ lệ xói bồi bờ sông trung bình trong một năm của giai đoạn 2020 – 2022  Hình 2 cung cấp thông tin trực quan về sự gần gũi giữa vị trí các mỏ cát và vị trí sạt lở ở khu vực cù lao An Bình, Vĩnh Long, năm 2012  Hình 3 giúp người đọc hiểu hơn về cái giá phải trả nếu con người tác động quá mức đến thiên nhiên, cả một diện tích rộng vốn là xóm làng nay đã trở thành một bãi sông rộng phủ kín lục bình.  **Câu 6:** Đề tài văn bản  HS có thể xác định đề tài của VB theo một số gợi ý sau: *tác động của con người đến thiên nhiên, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên và môi trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long,…*  Ý nghĩa của đề tài trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long: thiết thực, cấp bách, giàu tính thời sự, đặt ra vấn đề khai thác, sử dụng các nguồn lợi của sông ngòi ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng bền vững và hiệu quả,…  **Câu 7:** Đánh giá về quan điểm *Mọi tác động qua lại giữa con người và dòng sông đều mang tính nhân quả, có tầm ảnh hưởng liên khu vực:*  (HS có thể đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau miễn là hợp lí và thuyết phục) |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  Tạo lập một văn bản thông tin ngắn gọn kèm hình ảnh minh họa cho văn bản. | |
|  | **Phần bài làm của HS** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  viết một văn bản thông tin về những nỗ lực khắc phục tình trạng sạt ở ở đồng bằng sông Cửu Long của chính quyền và nhân dân địa phương và báo cáo sản phẩm sau 1 tuần. | |

**TIẾT 7. VIẾT**

**VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **I. Yêu cầu và kiểu bài**  **Kiểu bài:** Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội là kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng đã thu thập từ quá trình khảo sát thực tế, thu thập và phân tích dữ liệu/thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất.  **Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Xác định được đề tài và câu hỏi nghiên cứu.  - Thực hiện được các thao tác cơ bản  - Trình bày được đầy đủ, sáng rõ và thuyết phục các kết quả nghiên cứu bằng văn phong khoa học.  - Sử dụng, phân tích được đa dạng loại dữ liệu trong nghiên cứu, xác định được tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu nghiên cứu.  - Sử dụng phù hợp các trích dẫn, cước chú, các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ…) để làm rõ thông tin.  - Trình bày phần tài liệu tham khảo đúng quy cách.  **Tên đề tài/ nhan đề báo cáo**  **Tóm tắt:** Trình bày tóm tắt mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu.  **Mở đầu:** Nêu vấn đề nghiên cứu; trình bày lí do chọn đề tài; xác định nhiệm vụ, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu.  **Nội dung chính:**  - Trình bày cơ sở lí thuyết của đề tài.  - Trình bày kết quả khảo sát, giải pháp đề xuất và kết quả thực nghiệm.  - Trích dẫn, chú thích đúng quy cách; sử dụng phù hợp, hiệu quả các phương tiện hỗ trợ để làm rõ kết quả nghiên cứu (hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ ...).  **Kết luận:** Tóm tắt nội dung báo cáo, khẳng định ý nghĩa, giá trị của kết quả nghiên cứu; gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (nếu có).  **Tài liệu tham khảo:** Trình bày danh mục tài liệu tham khảo theo thứ tự A, B, C gồm các thông tin chính như: tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, tên nhà xuất bản/ tạp chí.  **Phụ lục** (nếu có) |
|  | **II. Bài viết tham khảo**  **Câu 1:** Đề tài của bài báo cáo là thực trạng phát sinh và giải pháp nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại một địa phương cụ thể. Bố cục của bài báo cáo là:  – Nhan đề: Đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.  – Tóm tắt: Trong nghiên cứu này… quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.  – Từ khoá: Rác thải nhựa, nhựa, nguồn phát sinh rác, quản lí môi trường, Thượng Cát.  – Mở đầu: Việt Nam đứng thứ tư trên thế giới … Nghiên cứu được thực hiện với 7 tổ dân phố và 2 587 hộ gia đình của phường Thượng Cát.  – Nội dung chính: 2.1. Khái niệm rác thải nhựa, 2.2. Kết quả nghiên cứu và đề xuất (2.2.1. Thành phần và khối lượng rác thải nhựa theo từng nguồn, 2.2.2. Khối lượng rác thải nhựa phát sinh tại phường Thượng Cát, 2.2.3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lí rác thải nhựa tại phường Thượng Cát).  – Kết luận: Kết luận và kiến nghị.  – Tài liệu tham khảo.  **Câu 2:**  – Câu hỏi nghiên cứu: Hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại phường Thượng Cát như thế nào? Cần có giải pháp nào để nâng cao công tác quản lí rác thải nhựa tại địa phương?  – Phương pháp nghiên cứu: 1. Xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với khu dân cư, nhà hàng, cơ quan công sở; 2. Xác định khối lượng và thành phần rác thải đối với chợ dân sinh và khu công cộng; 3. Kết hợp với phỏng vấn, điều tra khảo sát.  – Phạm vi nghiên cứu: 7 tổ dân phố và 2 587 hộ gia đình của phường Thượng Cát.  **Câu 3:** Những loại dữ liệu được sử dụng trong bài báo cáo:  – Dữ liệu sơ cấp: Kết quả khảo sát khối lượng và thành phần rác thải nhựa theo từng nguồn như khu dân cư, nhà hàng, chợ, khu cơ quan, từ các hoạt động quét đường và các khu công cộng,…  – Dữ liệu thứ cấp: Báo cáo tổng kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2019, 2020 trên địa bàn phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; kết quả nghiên cứu của các tác giả như Jambeck, J.R., Geyer, R., Wilcox, C., Siegler, T.R., Perryman, M., Andrady, K.L. (2015);…  - Vai trò của những loại dữ liệu ấy:  – Dữ liệu sơ cấp: Cung cấp bằng chứng tin cậy cho những nhận định, đánh giá của nhóm nghiên cứu hiện trạng phát sinh nguồn rác thải nhựa tại phường Thượng Cát, cho việc nhóm nghiên cứu xác lập cách hiểu về khái niệm rác thải nhựa; tạo cơ sở tin cậy.  – Dữ liệu thứ cấp: Cho phép người nghiên cứu thu thập thông tin về thực trạng xử lí rác thải nhựa của Việt Nam trong mối tương quan so sánh với thế giới, khối lượng rác thải thu gom được trên địa bàn phường Thượng Cát.  **Câu 4:** Các thông tin do báo cáo cung cấp có tính cập nhật, độ tin cậy và khách quan cao vì:  – Được trích từ các tài liệu có tính học thuật như tạp chí khoa học chuyên ngành (Science, 347 (6223)); báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Uỷ ban nhân dân phường Thượng Cát); VB quy phạm pháp luật, hướng dẫn của cơ quan quản lí nhà nước…  – Được công bố bởi chuyên gia trong lĩnh vực đó (nhóm nghiên cứu công tác tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội) và có người đọc là học giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực đó (báo cáo được đăng trên Tạp chí Môi trường).  – Có tính minh bạch vì dữ liệu được thu thập và phân tích hợp lí, có thể kiểm chứng được.  – Có tính khách quan, không có tính định kiến và không được công bố vì mục đích thương mại hay chính trị.  – Mới cập nhật vì các dữ liệu, thông tin đều được thu thập trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2020. Thời điểm bài báo cáo công bố là năm 2021, vì vậy những dữ liệu, thông tin được trình bày trong bài báo cáo trên đều mới và được cập nhật.  Từ những yếu tố trên có thể kết luận các thông tin do bài báo cáo trên cung cấp có tính cập nhật, độ tin cậy và khách quan cao.  **Câu 5:** Danh mục các tài liệu tham khảo trong bài viết này đã được trình bày theo đúng chuẩn APA.  **Câu 6:** Từ bài báo cáo trên, em rút ra kinh nghiệm khi sử dụng cước chú: Cước chú được viết dưới dạng một con số nằm giữa cặp ngoặc vuông, như: [1]. Một số ký tự đặc biệt như dấu sao (\*) hoặc dấu kiếm (†) cũng được dùng đánh dấu cước chú.  **Câu 7:** Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo là biểu đồ và bảng biểu. Tác dụng: hỗ trợ biểu đạt trực quan, sinh động nội dung trình bày và cung cấp thêm một số thông tin mà phương tiện ngôn ngữ chưa trình bày trong báo cáo. HS tự rút ra một số lưu ý khi trình bày các phương tiện ấy trong bài viết. |
|  | Ở bài học này, khi viết báo cáo kết quả nghiên cứu, HS cần chú ý khi thu thập dữ liệu, thông tin cho nghiên cứu cần chú ý sử dụng kết hợp cả dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; chú ý đảm bảo tính mới mẻ, cập nhật và độ tin cậy cao của thông tin; khi trình bày kết quả báo cáo cần kết hợp sử dụng kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả trình bày,…  Cách sử dụng bảng kiểm trong và sau khi viết.  **Bước 1: Chuẩn bị viết**  **Xác định đề tài**  Xem lại hướng dẫn cách xác định *đề tài nghiên cứu* đã được trình bày ở phần *Viết* của Bài 4. *Nét đẹp văn hóa và cảnh quan* (Ngữ văn 11, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Ở bài học này, bạn cần lưu ý:  • Đề tài có thể là một vấn đề tự nhiên (môi trường, khí hậu, hệ sinh thái, tài nguyên,...) hoặc xã hội (hiện tượng xã hội, hiện tượng tâm lí, sự kiện văn hóa, lịch sử,...) được bạn và nhiều người quan tâm.  • Đề tài nên có tính cụ thể, tránh chọn đề tài quá rộng hoặc quá hẹp, khó triển khai.  • Đề tài có thể góp phần tìm hiểu một vấn đề thực tiền hoặc vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế để cải thiện thực trạng.  **Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc, mục tiêu, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu**  Xem lại hướng dẫn cách xác định *mục đích viết, đối tượng người đọc, mục tiêu, câu hỏi, phương pháp nghiên cứu* đã được trình bày ở phần *Viết* của Bài 4. *Nét đẹp văn hóa và cảnh quan* (Ngữ văn 11, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Ở bài học này, bạn cần lưu ý:  • Tránh đặt quá nhiều câu hỏi nghiên cứu, vượt quá khả năng giải quyết, phạm vi nghiên cứu của đề tài. Từ câu hỏi nghiên cứu, xác định phạm vi tài liệu tham khảo, cơ sở lí thuyết cần tìm hiểu; cách thức điều tra, khảo sát/ thực nghiệm bao gồm cách chọn đối tượng nghiên cứu, loại dữ liệu cần thu thập, cách thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu.  • Xác định phạm vi nghiên cứu (phạm vi vấn đề nghiên cứu, phạm vi điều tra/ khảo sát, phạm vi thực nghiệm,...) cụ thể và phù hợp với năng lực cá nhân, thời gian và kinh phí thực hiện.  **Thu thập tư liệu**  • Mục đích của việc thu thập tư liệu là để tìm hiểu cơ sở lí thuyết của đề tài cũng như những đóng góp, hạn chế của những công trình nghiên cứu trước đó có liên quan đến đề tài,... Từ đó, xác định hướng nghiên cứu, đóng góp từ đề tài của bạn.  • Việc thu thập dữ liệu, thông tin cần đảm bảo tính mới mẻ, cập nhật và độ tin cậy cao.  • Chú ý thu thập cả dữ liệu sơ cấp và thứ cấp để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề nghiên cứu. Chẳng hạn, để nghiên cứu về thói quen đọc sách của học sinh trong nhà trường, bạn có thể thu thập dữ liệu sơ cấp từ sổ ghi chép thông tin học sinh mượn và trả sách của thư viện, phỏng vấn thói quen đọc sách của một số học sinh hoặc dữ liệu thứ cấp từ những công trình nghiên cứu trước đó về thực trạng đọc sách của học sinh hiện nay,...  • Lưu trữ dữ liệu hệ thống, khoa học bằng cách lập danh mục dữ liệu với đầy đủ thông tin (tên tác giả, năm xuất bản/ công bố, tên dữ liệu, tên nhà xuất bản/ tên tạp chí/ trang web, nội dung cốt lõi/ đóng góp/ hạn chế,... của tài liệu), có thể trích dẫn trực tiếp một số thông tin quan trọng từ dữ liệu hoặc trích dẫn gián tiếp (diễn giải lại các thông tin ấy bằng ngôn ngữ của bạn).  **Bước 2: Phác thảo đề cương nghiên cứu**  Sau khi thu thập đủ dữ liệu, thông tin, bạn cần đọc kĩ các dữ liệu đó. Tiếp theo, phác thảo đề cương nghiên cứu gồm các phần như: tên đề tài, lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, cơ sở lí thuyết, các dữ liệu cần thu thập, phương pháp thu thập dữ liệu. Trong quá trình thực hiện báo cáo, có thể điều chỉnh đề cương.  **Bước 3: Thực hiện nghiên cứu**  • Dựa trên các tài liệu đã đọc, phác thảo cơ sở lí thuyết để xác lập căn cứ cho việc khảo sát thực trạng hoặc thực nghiệm giải pháp đề xuất nhằm cải tiến thực trạng.  • Để tăng tính khách quan, độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu, cần trực tiếp thu thập các dữ liệu liên quan đến đề tài để làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu như: số liệu thống kê từ khảo sát thực trạng hoặc kết quả thực nghiệm, ý kiến của những người có liên quan đến vấn đề nghiên cứu,... Cần xác định đúng và đủ các loại dữ liệu cần thu thập, trên cơ sở đó lựa chọn, thiết kế công cụ thu thập tương ứng. Ví dụ, nếu khảo sát bằng phiếu thì cần thiết kế phiếu hỏi, hoặc phỏng vấn thì cần chuẩn bị nội dung câu hỏi.  *\** *Lưu ý:* Tham khảo bảng hướng dẫn xác định công cụ/ cách thức thu thập tương ứng với loại dữ liệu cần cho nghiên cứu đã được trình bày ở Bài 4. *Nét đẹp văn hóa và cảnh quan* (Ngữ văn 11, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*).  • Phân tích, xử lí dữ liệu thu thập được bằng những công cụ phù hợp. Chẳng hạn như có thể phân tích, xử lí các số liệu thống kê bằng cách làm thủ công hoặc sử dụng các phần mềm như Excel, SPSS,...  • Sau khi phân tích dữ liệu thì tiến hành lí giải, phân tích, đánh giá, nhận xét về những thông tin thu thập được.  **Bước 4: Viết báo cáo**  Trên cơ sở đề cương và các thông tin đã có, tiến hành viết báo cáo kết quả nghiên cứu theo đề cương. Khi viết cần lưu ý:  • Tuân thủ các quy định về hình thức trình bày của một báo cáo nghiên cứu.  • Đưa ra nhận xét, đánh giá khách quan dựa trên bằng chứng thu thập được.  • Sử dụng phù hợp trích dẫn, cước chú và phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ việc trình bày kết quả. Chú ý thuyết minh cho các phương tiện phi ngôn ngữ.  • Trình bày tài liệu tham khảo đầy đủ và đúng quy cách. |

**TIẾT 9. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội (SGK, tr. 116 – 118) và trả lời câu hỏi:  – Quy trình thực hiện kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội gồm mấy bước? Trình bày cách thức thực hiện ở từng bước.  – Trình bày quy trình nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình của các nhóm khác. | **Bước 1: Chuẩn bị trình bày và nghe**  **\* Trong vai trò người nói, bạn cần:**  **Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**  Bài nói có cùng đề tài với bài viết. Người nghe của bạn có thể là giáo viên bộ môn, các bạn cùng lớp, khách mời,... Mục đích của bài nói là trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã thực hiện để người nghe hiểu được vấn đề và thuyết phục người nghe về kết quả của đề tài nghiên cứu.  Vì vậy, bạn cần xác định mình sẽ nói ở đâu, trong thời gian bao lâu để đạt được mục đích nói.  **Tìm ý và lập dàn ý**  Bạn hãy chuyển nội dung của bài viết thành dàn ý của bài trình bày, bằng cách:  - Lựa chọn những nội dung quan trọng nhất cần giới thiệu: Tên đề tài, lí do chọn để tài, câu hỏi, mục đích, phương pháp và kêt quả nghiên cứu.  - Tóm tắt nội dung báo cáo dưới dạng sơ đồ hoặc dàn ý.  - Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ phù hợp (sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,...) để làm rõ kết quả nghiên cứu.  - Dự kiến những vấn đề mà người nghe có thể phản biện, yêu cầu làm rõ thêm và dự kiến câu trả lời.  Xác định thời gian báo cáo dự kiến cho từng nội dung dể có phương án trình bày phù hợp.  **Luyện tập**  Bạn dựa vào bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội bên dưới để luyện tập.  \* Trong vai trò người nghe, bạn cần:  - Tìm hiểu về vấn đề nghiên cứu sẽ được nghe báo cáo.  - Chuẩn bị giấy, bút dể ghi chép nội dung bài báo cáo kết quả nghiên cứu.  - Xác định những vấn đề muốn tìm hiểu thêm về kết quả nghiên cứu.  **Bước 2: Trình bày và nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình**  **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  Về kĩ năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, bạn sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Đề bài: Trường bạn tổ chức một buổi báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Đề tài nghiên cứu của nhóm bạn được chọn để báo cáo. Bạn và các thành viên cần chuẩn bị để thực hiện những nhiệm vụ sau:  - Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm.  - Nhận xét, đánh giá nội dung và cách thức thuyết trình của các nhóm khác.  Khi tham gia buổi trao đổi, bạn sẽ thực hiện một trong hai nhiệm vụ ứng với từng vai cụ thể như sau:  - Người trình bày: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội của nhóm.  - Người nghe: Nghe và nhận xét, đánh giá nội dung, cách thức thuyết trình của các nhóm khác.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | Dàn ý bài nói chuẩn bị trước ở nhà dựa trên bài viết đã có ở tiết trước. |

***Bảng kiểm kĩ năng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở đầu** | Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu |  |  |
| Trình bày được lí do chọn để tài |  |  |
| Nêu được nhiệm vụ, mục dích, câu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Trình bày được phương pháp và phạm vi nghiên cứu |  |  |
| **Nội dung báo cáo** | Trình bày ngắn gọn cơ sở lí thuyết làm nền tắng cho đề tài |  |  |
| Trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu |  |  |
| Đưa ra lí giải và bằng chứng để lần lượt làm sáng tỏ cầu hỏi nghiên cứu |  |  |
| Đề xuất giải pháp cho vấn đề (nếu có) |  |  |
| **Kết luận** | Tóm lược kết quả nghiên cứu |  |  |
| Gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo cũa để tài (nếu có) |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe** | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, đúng thời gian quy định |  |  |
| Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp, hiệu quả |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình báo cáo |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi thỏả đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe |  |  |

**TIẾT 10. ÔN TẬP**

**Phụ lục giải bài tập**

**Câu 1 (trang 119  sgk Ngữ văn 12 Tập 2):**  Trình bày ít nhất hai kinh nghiệm mới bạn thu nhận được sau khi học đọc văn bản thông tin ở bài học này.

**Trả lời:**

Hai kinh nghiệm mới bạn thu nhận được sau khi học đọc văn bản thông tin:

- Hiểu rõ mục đích của văn bản và đối tượng mà nó đang nhắm đến.

- Chú ý tới những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: biểu đồ, hình ảnh,...

**Câu 2 (trang 119  sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Đọc lại văn bản *Khuôn đúc đồng Cổ Loa: “nỏ thần” không chỉ là truyền thuyết* (Theo Hà Trang) và *Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả* (Theo Rây-cheo Ca-son) để hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Khuôn đúc đồng Cổ Loa: nỏ thần không chỉ là truyền thuyết** | **Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả** |
| **Đề tài** |  |  |
| **Thông tin cơ bản** |  |  |
| **Kiểu bố cục** |  |  |
| **Loại dữ liệu sử dụng trong văn bản** |  |  |
| **Thái độ của tác giả** |  |  |
| **Phương tiện phi ngôn ngữ** |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Khuôn đúc đồng Cổ Loa: nỏ thần không chỉ là truyền thuyết** | **Sự ô nhiễm nguồn nước trên bề mặt Trái Đất và hậu quả** |
| **Đề tài** | Văn hóa dân tộc | Vấn đề ô nhiễm môi trường |
| **Thông tin cơ bản** | - Giới thiệu khái quát về nơi trưng bày bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đổng Cổ Loa.  - Giới thiệu hoàn cảnh phát hiện bộ sưu tập và mơ tả chi tiết một số hiện vật trong bộ sưu tập khuôn đúc mũi tên và lao đồng Cổ Loa.  - Trình bày dữ liệu cho thấy giá trị của bộ sưu tập khuôn đúc đồng Cổ Loa.  - Khẳng định sự tồn tại có thật của nỏ thần lịch sử. | - Những bằng chứng về sự ô nhiễm nguồn nước được thể hiện rõ ở các vùng di trú hoang dã quốc gia…  - Cách thức hóa chất thông nguồn nước len lỏi vào vòng tuần hoàn của tự nhiên để gây ra sự ô nhiễm và cái chết của loài chim lặn.  - Ảnh hưởng của hóa chất độc hại có trong nước đến sức khỏe con người. |
| **Kiểu bố cục** | Trật tự logic | Trật tự logic |
| **Loại dữ liệu sử dụng trong văn bản** | Sơ cấp, thứ cấp | Thứ cấp |
| **Thái độ của tác giả** | Tác giả khẳng định sự tồn tại có thật của nỏ thần trong lịch sử - giai đoạn Cổ Loa, thời kì vua An Dương Vương đóng đô ở Cổ Loa và nhà nước Âu Lạc; tự hào về trình độ kĩ thuật và tư duy bậc thầy của các nghệ nhân luyện kim thời Việt cổ. | Tác giả bày tỏ thái độ quan ngại về những tác động của các loại hóa chất độc hại với môi trường và sức khỏe con người. |
| **Phương tiện phi ngôn ngữ** | Có | Không có |

**Câu 3 (trang 119  sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Theo bạn, khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu, cần lưu ý những gì để thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ?

**Trả lời:**

Khi viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu, chúng ta cần lưu ý:

- Trích dẫn và ghi rõ nguồn gốc của các tài liệu, dữ liệu hoặc ý tưởng mà chúng ta sử dụng trong nghiên cứu.

- Tuân thủ các quy định về bản quyền và không sao chép hoặc sử dụng trái phép tác phẩm của người khác.

- Trình bày kết quả nghiên cứu một cách trung thực và minh bạch, không biến đổi hay ảnh hưởng đến tính chính xác của dữ liệu.

**Câu 4 (trang 119  sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Để đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy cho một báo cáo nghiên cứu khoa học, người viết cần chú ý điều gì?

**Trả lời:**

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy cho một báo cáo nghiên cứu khoa học, người viết cần chú ý:

- Sử dụng ngôn ngữ chính xác và rõ ràng, tránh sử dụng các từ ngữ mập mờ hoặc không chính xác.

- Trình bày các phương pháp nghiên cứu và quy trình một cách chi tiết và logic, để người đọc có thể hiểu và tái tạo lại quy trình nghiên cứu.

- Trình bày kết quả nghiên cứu một cách khách quan, không thiên vị hay ảnh hưởng bởi ý kiến cá nhân.

**Câu 5 (trang 119  sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Cần làm gì để bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng và thu hút người nghe? Khi nhận xét, đánh giá nội dung và bài thuyết trình của người khác, cần chú ý điều gì?

**Trả lời:**

- Trình bày bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng và thu hút người nghe chúng ta cần:

+ Trình bày một cách rõ ràng, rành mạch, logic, sáng tạo.

+ Các dữ liệu đưa ra cần minh bạch, chính xác.

+ Cần rõ ràng các thông tin cơ bản và thông tin chi tiết

+ Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ

+ Tương tác với người nghe.

- Khi nhận xét, đánh giá nội dung bài thuyết trình của người khác, cần chú ý:

+ Xem xét, đánh giá khách quan, chân thực

+ Không nhận xét lan man, dài dòng

**Câu 6 (trang 119  sgk Ngữ văn 12 Tập 2):** Theo bạn, việc khám phá tự nhiên và xã hội có vai trò như thế nào đối với đời sống của con người?

**Trả lời:**

Việc khám phá tự nhiên và xã hội đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống của con người:

- Khám phá tự nhiên giúp chúng ta hiểu rõ hơn về thế giới xung quanh, từ đó áp dụng kiến thức để phát triển công nghệ, y tế, môi trường và nhiều lĩnh vực khác.

- Khám phá xã hội giúp chúng ta hiểu về con người, văn hóa, lịch sử và xã hội, từ đó tạo ra sự đa dạng và sáng tạo trong cuộc sống.

→ Việc khám phá tự nhiên và xã hội mang lại những tri thức quý giá và mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của con người.

**Hết**